

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

LÊ MẠNH NGHĨA

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH
LÊN ĐỜI SỐNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CƯ DÂN ĐỊA PHƯƠNG
TẠI BẢN LÔ LÔ CHẢI, XÃ LŨNG CÚ, HUYỆN ĐỒNG VĂN,
TỈNH HÀ GIANG

LUẬN VĂN THẠC SĨ DU LỊCH

HÀ NỘI - 2026

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

LÊ MẠNH NGHĨA

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH
LÊN ĐỜI SỐNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CƯ DÂN ĐỊA PHƯƠNG TẠI
BẢN LÔ LÔ CHẢI, XÃ LŨNG CÚ, HUYỆN ĐỒNG VĂN, TỈNH HÀ GIANG

LUẬN VĂN THẠC SĨ DU LỊCH

Chuyên ngành: Du lịch học

Mã số : 8810101.01

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS.TS. TRẦN ĐỨC THANH

2. TS. BÙI NHẬT QUỲNH

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng luận văn thạc sĩ với đề tài: “Đánh giá tác động của du lịch lên đời sống kinh tế xã hội tại bản Lô Lô Chải, xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang” là công trình nghiên cứu do chính tôi thực hiện, dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS Trần Đức Thanh và TS. Bùi Nhật Quỳnh.

Các số liệu, kết quả nghiên cứu và nội dung trình bày trong luận văn là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác. Những tài liệu tham khảo, trích dẫn trong luận văn đều được ghi rõ nguồn gốc theo đúng quy định.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Hội đồng khoa học và Nhà trường về lời cam đoan này.

Tác giả luận văn

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới PGS.TS. Trần Đức Thanh và TS. Bùi Nhật Quỳnh đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo và động viên tôi trong suốt quá trình tôi nghiên cứu và hoàn thành luận văn thạc sĩ này.

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu, quý thầy cô khoa Du lịch học, Trường Đại học khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đã truyền đạt cho tôi những kiến thức quý báu, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện luận văn. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn tới các cơ quan, tổ chức, cá nhân (Ủy ban nhân dân xã Lũng Cú, các hộ kinh doanh, cư dân địa phương) đã hỗ trợ cung cấp thông tin, số liệu và tạo điều kiện để tôi hoàn thành quá trình nghiên cứu.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè và đồng nghiệp đã luôn động viên, chia sẻ và ủng hộ tôi cả về tinh thần lẫn vật chất trong suốt thời gian học tập và nghiên cứu vừa qua.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song do hạn chế về thời gian và năng lực nghiên cứu, luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự đóng góp, chỉ dẫn của quý thầy cô và các nhà khoa học để luận văn được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Tác giả luận văn

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	3
LỜI CẢM ƠN	4
PHẦN MỞ ĐẦU	8
1. Lý do chọn đề tài	8
2. Mục tiêu nghiên cứu	12
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	12
4. Đóng góp của nghiên cứu	13
5. Kết cấu của luận văn	14
Ngoài các phần, mục theo quy định chung, nội dung chính của luận văn được bố cục thành 4 chương như sau:	14
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH ĐẾN ĐỜI SỐNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CƯ DÂN ĐỊA PHƯƠNG	15
1.1. Tổng quan nghiên cứu về tác động của du lịch lên đời sống kinh tế xã hội của cư dân địa phương	15
1.1.1. Các nghiên cứu về tác động của du lịch đến đời sống xã hội	15
1.1.2. Các nghiên cứu về tác động của du lịch đến đời sống kinh tế	19
1.1.3. Các nghiên cứu đánh giá nhận thức của cư dân địa phương về tác động của du lịch lên đời sống kinh tế, xã hội	21
1.1.4. Các mô hình và lý thuyết trong nghiên cứu tác động của du lịch lên đời sống kinh tế xã hội của cư dân địa phương	23
1.2. Cơ sở lý luận về các tác động của du lịch lên đời sống kinh tế xã hội của người dân địa phương	31
1.2.1. Tác động của du lịch	31
1.2.2. Du lịch cộng đồng	33
1.2.3. Cộng đồng địa phương với phát triển du lịch	35
1.2.4. Nhận thức của cư dân địa phương về phát triển du lịch	36
1.2.5. Khung lý thuyết nghiên cứu đề xuất cho nghiên cứu đánh giá tác động của du lịch lên đời sống kinh tế xã hội của cư dân địa phương tại bản Lô Chải, xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang	Lô 37
CHƯƠNG 2. TỔNG QUAN ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU	40
VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	40

2.1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu	40
2.1.1. Đặc điểm địa lý và tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển du lịch	40
2.1.2. Đặc điểm dân cư và xã hội	42
2.1.3. Tài nguyên văn hóa đặc sắc của Lô Lô Chải	43
2.1.3.1. Nhà truyền thống của người Lô Lô	43
2.1.3.2. Trang phục truyền thống của người Lô Lô	44
2.1.3.3. Tín ngưỡng, phong tục	45
2.2. Lựa chọn phương pháp nghiên cứu	46
2.3. Quy trình nghiên cứu tổng thể	48
2.4. Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp	51
2.5. Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp	52
2.5.1. Phỏng vấn bằng bảng hỏi	52
2.5.2. Phỏng vấn sâu	55
2.6. Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu	58
CHƯƠNG 3. TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH ĐẾN ĐỜI SỐNG	
KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CƯ DÂN LÔ LÔ CHẢI HIỆN NAY	60
3.1. Thực trạng phát triển du lịch tại bản Lô Lô Chải	60
3.1.1. Các giai đoạn phát triển du lịch tại Lô Lô Chải	60
3.1.2. Sản phẩm du lịch hiện có tại Lô Lô Chải	64
3.1.3. Công nhận quốc tế về du lịch tại Lô Lô Chải	65
3.2. Sự thay đổi về đời sống kinh tế xã hội của người dân địa phương tại Lô Lô Chải thông qua các dữ liệu thứ cấp	66
3.2.1. Sự thay đổi về đời sống kinh tế	67
3.2.2. Sự thay đổi về đời sống xã hội	74
3.3. Đánh giá tác động của du lịch dựa trên nhận thức của cư dân địa phương tại Lô Lô Chải	76
3.3.1. Tác động của du lịch lên đời sống kinh tế ở Lô Lô Chải giữa các nhóm nghề nghiệp của cư dân	81
3.3.2. Tác động của du lịch lên đời sống xã hội của cư dân địa phương	89
3.3.3. Tác động của du lịch lên môi trường tự nhiên	95
CHƯƠNG 4. BÀN LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP	
NHẪM GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÔ LÔ CHẢI	99

4.1. Bàn luận kết quả nghiên cứu	99
4.1.1. Tác động của du lịch lên đời sống kinh tế của cư dân địa phương tại Lô Lô Chải	99
4.1.2. Tác động của du lịch lên đời sống xã hội của cư dân địa phương tại Lô Lô Chải	101
4.1.3. Tác động của du lịch lên môi trường sống của cư dân tại Lô Lô Chải	104
4.2. Đề xuất giải pháp nhằm phát triển du lịch xanh bền vững tại Lô Lô Chải..	107
4.2.1. Định hướng giải pháp đối với cộng đồng dân cư	107
4.2.2. Định hướng giải pháp đối với cơ quan quản lý nhà nước	110
4.2.3. Định hướng giải pháp đối với các bên liên quan khác	118
PHỤ LỤC	121
TÀI LIỆU THAM KHẢO	128

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Theo Hiệp hội Du lịch và Lữ hành Thế giới (2024), du lịch chiếm 9,2% GDP toàn cầu và hỗ trợ hơn 330 triệu việc làm trên thế giới vào năm 2023, chứng minh vai trò to lớn của ngành này trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế toàn cầu. Tại Việt Nam, ngành Du lịch đóng góp 840 nghìn tỷ đồng vào GDP trong năm 2024, theo Tổng cục Thống kê, tạo ra những cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân địa phương.

Ngoài ra, du lịch cũng giúp phát triển cơ sở hạ tầng tại các điểm du lịch. Việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch không chỉ đáp ứng nhu cầu của khách du lịch mà còn mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương thông qua các dự án cải thiện giao thông, viễn thông, cung cấp điện, cấp thoát nước, cơ sở lưu trú và các dịch vụ giải trí. Li (2025) cho thấy rằng sự phát triển du lịch có liên quan chặt chẽ đến sự tăng trưởng kinh tế chất lượng cao, trong đó cơ sở hạ tầng đóng vai trò trung gian, giúp truyền lợi ích từ du lịch đến phát triển kinh tế chung.

Du lịch góp phần vào đa dạng hóa nền kinh tế của địa phương, giảm sự phụ thuộc vào các ngành nghề truyền thống và tạo ra cơ hội phát triển cho các ngành nghề mới. Du lịch không chỉ thúc đẩy sự phát triển của các ngành dịch vụ như lưu trú và ăn uống mà còn góp phần phục hồi và phát triển các ngành nghề truyền thống, đặc biệt là thủ công mỹ nghệ và các lĩnh vực sáng tạo, thông qua việc gia tăng nhu cầu tiêu dùng và quảng bá văn hóa địa phương (United Nations World Tourism Organization, 2021)

Bên cạnh đó, du lịch tạo ra cơ hội giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng. Theo Nopiyani và Wirawan (2021), du lịch không chỉ giúp nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của việc bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa, mà còn giúp người dân địa phương tự hào về văn hóa của mình. Styliadis (2014) cũng khẳng định rằng khi người dân có nhận thức tích cực về hình ảnh của

địa phương, họ sẽ có thái độ tích cực hơn trong việc ủng hộ và tham gia vào phát triển du lịch, từ đó giúp bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa độc đáo.

Mặc dù du lịch mang lại nhiều lợi ích, nhưng cũng không thiếu những tác động tiêu cực, nếu không được quản lý đúng mức, sẽ gây ra những vấn đề nghiêm trọng. Một trong những tác động tiêu cực rõ ràng nhất của du lịch là thương mại hóa văn hóa. Các nghiên cứu chỉ ra rằng khi các phong tục, nghi lễ và di sản văn hóa bị biến dạng hoặc "dàn dựng" để phục vụ nhu cầu của khách du lịch, các giá trị văn hóa truyền thống có thể bị mờ nhạt. Quang và cộng sự (2022) đã nghiên cứu cộng đồng Chăm ở Việt Nam và chỉ ra rằng việc biến lễ hội linh thiêng thành các sự kiện du lịch đã gây ra sự căng thẳng trong cộng đồng, làm mờ nhạt giá trị tâm linh và bản sắc văn hóa địa phương.

Du lịch cũng có thể gây bất bình đẳng trong phân phối lợi ích, đặc biệt là khi sự gia tăng lượng khách du lịch không đồng đều với sự phát triển của các nhóm dân cư trong cộng đồng. Những nhóm có thu nhập thấp có thể gặp khó khăn trong việc duy trì cuộc sống khi chi phí sinh hoạt tăng lên, đặc biệt là chi phí nhà ở và dịch vụ. Mikulić và cộng sự (2025) cho rằng du lịch có thể tăng chi phí sinh hoạt, khiến cho người dân có thu nhập thấp gặp khó khăn trong việc duy trì cuộc sống hàng ngày, đặc biệt là trong các khu vực du lịch phát triển mạnh.

Về mặt môi trường, du lịch có thể gây ô nhiễm và suy thoái hệ sinh thái nếu không được quản lý đúng cách. Pásková và cộng sự (2024) chỉ ra rằng du lịch là một trong những nguyên nhân chính gây ô nhiễm nguồn nước do các hoạt động du lịch không được xử lý đúng cách về rác thải và nước thải. Baloch và cộng sự (2022) cũng cảnh báo rằng việc xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch mà không có biện pháp bảo vệ môi trường có thể dẫn đến ô nhiễm không khí và phá hủy thiên nhiên.

Du lịch còn có thể tạo ra xung đột văn hóa giữa khách du lịch và cộng đồng địa phương, đặc biệt khi các giá trị văn hóa và lối sống của cư dân địa phương bị thay đổi để phù hợp với yêu cầu của khách du lịch. Al Haija (2011) khi nghiên cứu tại các đô thị lịch sử ở Jordan chỉ ra rằng sự hiện diện đông đúc của khách du

lịch có thể tạo ra căng thẳng xã hội giữa cư dân bản địa và khách du lịch, do sự khác biệt về giá trị, hành vi và lối sống. Điều này cũng xuất hiện trong nghiên cứu của Li và cộng sự (2024) tại các khu vực du lịch nông thôn ở Trung Quốc, nơi du lịch gây áp lực lên truyền thống và phong tục của cộng đồng địa phương. Bên cạnh đó, du lịch có thể tăng tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm và cờ bạc, đặc biệt ở các điểm du lịch nổi tiếng. Timothy và cộng sự (2023) ghi nhận rằng tại các khu du lịch biển, sự hiện diện của khách du lịch có thể dẫn đến gia tăng các tệ nạn xã hội như tội phạm và lạm dụng chất kích thích. Jaafar và cộng sự (2015) cũng chỉ ra rằng du lịch đã góp phần gia tăng các tệ nạn như ma túy và mại dâm trong cộng đồng, ảnh hưởng đến cấu trúc gia đình và an ninh xã hội.

Là một trong 9 thôn thuộc xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, Lô Lô Chải nằm sát điểm cực Bắc của Việt Nam và cách cột cờ Lũng Cú khoảng 1,5 km. Đây là nơi lưu giữ nhiều nét văn hóa truyền thống độc đáo của người Lô Lô, nổi bật với những ngôi nhà trình tường lâu đời. Tháng 11 năm 2018, thôn được công nhận là Làng Văn hóa Du lịch, đánh dấu bước phát triển mới trong việc làm du lịch chuyên nghiệp và bài bản. Lượng khách du lịch đến thôn ngày càng tăng, ngày cao điểm có thể đạt tới 600 khách, đặc biệt vào dịp cuối tuần và lễ Tết. Tính đến tháng 12/2024, thôn có 120 hộ dân với 542 nhân khẩu, trong đó có 62 hộ kinh doanh homestay và 5 hộ làm thêm nhà hàng (Báo cáo tự đánh giá của UBND xã Lũng Cú, 2025).

Ngoài các điều kiện về tự nhiên, cảnh quan, Lô Lô Chải còn được biết đến với các giá trị văn hóa của tộc người Lô Lô đen vô cùng đặc sắc. Năm 2022, nghệ thuật trang trí trên trang phục truyền thống của người Lô Lô đen đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia khẳng định giá trị văn hóa độc đáo của cộng đồng nơi đây (Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, 2022). Sau nhiều năm phát triển du lịch, Lô Lô Chải đã có nhiều thay đổi về mặt kinh tế, văn hóa, xã hội theo hướng tích cực hơn như đời sống kinh tế của người dân được cải thiện, văn hóa được chú trọng bảo tồn và phát huy, tuy nhiên nguy cơ tiềm ẩn những rủi ro tiêu cực cũng được đặt ra.

Trong bối cảnh hiện nay, phát triển du lịch không chỉ dừng lại ở mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà còn hướng tới phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của điểm đến. Đối với các cộng đồng du lịch vùng cao như Lô Lô Chải, yêu cầu phát triển du lịch bền vững càng trở nên cấp thiết nhằm bảo đảm sự hài hòa giữa khai thác tài nguyên du lịch với bảo tồn văn hóa truyền thống, bảo vệ môi trường sinh thái và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương. Việc phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh không chỉ góp phần giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên mà còn khuyến khích sử dụng hiệu quả tài nguyên, phát triển các mô hình du lịch thân thiện với môi trường và gìn giữ cảnh quan bản địa đặc trưng.

Bên cạnh đó, chuyển đổi số trong du lịch cũng đang trở thành xu hướng tất yếu trong quá trình phát triển điểm đến hiện nay. Việc ứng dụng công nghệ số trong quảng bá hình ảnh, quản lý hoạt động lưu trú, kết nối thị trường, phát triển nền tảng đặt phòng trực tuyến, thanh toán không tiền mặt hay truyền thông trên mạng xã hội đã mở ra nhiều cơ hội cho các điểm du lịch cộng đồng vùng sâu, vùng xa tiếp cận khách du lịch hiệu quả hơn. Đối với Lô Lô Chải, chuyển đổi số không chỉ góp phần nâng cao trải nghiệm khách du lịch mà còn tạo điều kiện để người dân địa phương tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị du lịch, tăng khả năng thích ứng với xu thế phát triển mới và thúc đẩy phát triển du lịch theo hướng hiện đại, bền vững. Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra yêu cầu cần đánh giá đầy đủ nhận thức, mức độ tham gia và khả năng thích ứng của cộng đồng địa phương đối với các thay đổi do hoạt động du lịch mang lại.

Mặc dù các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra nhiều tác động kinh tế và tác động xã hội của du lịch lên đời sống của cư dân địa phương, nhưng liệu những tác động này có thực sự đúng với Lô Lô Chải hay không vẫn cần phải xem xét lại trong bối cảnh và không gian đặc thù của địa bàn nghiên cứu. Lô Lô Chải với đặc trưng là một cộng đồng dân tộc thiểu số nằm ở vùng núi cao, có thể có những phản ứng và nhận thức khác biệt về tác động của du lịch so với các vùng phát triển du lịch khác Chính vì vậy, cần phải đánh giá một cách sâu sắc về mức độ nhận thức

của người dân tại đây đối với các tác động đó, liệu cư dân có cảm nhận được các lợi ích từ du lịch; đồng thời nhận thức rõ về các tác động tiêu cực đến kinh tế xã hội hay không vẫn là một câu hỏi quan trọng cần được nghiên cứu thêm. Từ đó học viên cao học đã lựa chọn đề tài: “*Đánh giá tác động của hoạt động du lịch đến đời sống kinh tế - xã hội của cư dân địa phương tại bản Lô Lô Chải, xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang*” làm luận văn của mình, từ đó giúp nhà quản lý có những biện pháp hữu hiệu nhằm phát triển hoạt động du lịch một cách có hiệu quả đồng thời mang lại ngày càng nhiều lợi ích cho người dân để phát triển du lịch bền vững tại đây.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu đánh giá lý luận và thực tiễn về các tác động của du lịch lên đời sống kinh tế, xã hội của người dân tại Lô Lô Chải. Mục đích của việc đánh giá tác động của du lịch đến đời sống kinh tế xã hội của bản Lô Lô Chải là để nhận diện những lợi ích kinh tế xã hội từ du lịch, đồng thời phát hiện các thách thức và rủi ro tiềm ẩn của việc phát triển du lịch thông qua các chỉ số phát triển kinh tế xã hội và nhận thức của người dân địa phương, từ đó đưa ra các hàm ý chính sách quản trị nhằm hạn chế các tác động tiêu cực và phát huy các giá trị tích cực của du lịch mang lại, đảm bảo cộng đồng địa phương hưởng lợi lâu dài từ du lịch mà không gây hại đến các tài nguyên.

Dựa trên mục tiêu nghiên cứu đã được xác lập, nhiệm vụ của nghiên cứu này tập trung làm rõ ba (03) câu hỏi nghiên cứu sau:

- Du lịch đã và đang tác động như thế nào đến các khía cạnh kinh tế và xã hội của địa phương nghiên cứu?
- Người dân địa phương nhận thức và đánh giá ra sao về những tác động của hoạt động du lịch đối với đời sống kinh tế – xã hội của họ?
- Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, những hàm ý chính sách nào cần được đề xuất nhằm hạn chế các tác động tiêu cực, đồng thời phát huy hiệu quả các tác động tích cực của du lịch?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Các tác động của du lịch lên đời sống kinh tế xã hội của người dân địa phương tại bản Lô Lô Chải.

Khách thể nghiên cứu: Các hộ dân sinh sống tại bản Lô Lô Chải và cơ quan quản lý địa phương tại Lô Lô Chải.

Phạm vi nội dung nghiên cứu: Nghiên cứu tập trung vào đánh giá các tác động của hoạt động du lịch tại Lô Lô Chải thông qua số liệu thứ cấp thu được từ các báo cáo, số liệu thống kê của cơ quan quản lý nhà nước, báo chí, truyền thông và nhận thức của người dân địa phương.

Phạm vi không gian nghiên cứu: Bản Lô Lô Chải, xã Lúng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

Phạm vi thời gian nghiên cứu: Các số liệu thứ cấp được thu thập trong giai đoạn năm 2020 - 2024. Bên cạnh đó, các cuộc phỏng vấn và điều tra khảo sát về nhận thức của người dân xung quanh các tác động của du lịch được thực hiện trong giai đoạn 2024 – 2025; các hàm ý chính sách quản trị được đề xuất thực hiện cho các năm tiếp theo.

4. Đóng góp của nghiên cứu

Về mặt lý luận, đề tài “Đánh giá tác động của du lịch lên đời sống kinh tế và xã hội của người dân tại Lô Lô Chải” có ý nghĩa lý luận quan trọng trong việc làm rõ cơ sở khoa học về các tác động mà du lịch mang lại đối với cộng đồng địa phương, đặc biệt trong bối cảnh phát triển du lịch cộng đồng tại vùng dân tộc thiểu số. Thông qua nghiên cứu trường hợp cụ thể, đề tài góp phần bổ sung lý luận về các tác động của du lịch đồng thời đưa ra nhiều lý luận về nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số đối với việc tham gia và phát triển du lịch tại địa phương nơi sinh sống. Việc đánh giá các tác động này không chỉ giúp hiểu rõ vai trò của du lịch trong phát triển bền vững mà còn củng cố các khái niệm và mối quan hệ giữa du lịch với đời sống kinh tế - xã hội. Hy vọng, đây sẽ là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho các nghiên cứu cùng hướng tiếp cận trong tương lai.

Về thực tiễn, nghiên cứu này mang lại những giải pháp cụ thể để phát triển du lịch bền vững tại Lô Lô Chải, như đề xuất thành lập hợp tác xã du lịch để

phân phối lợi ích công bằng hơn. Các số liệu về rò rỉ kinh tế và phân hóa giàu nghèo giúp địa phương xây dựng chính sách quản lý homestay hiệu quả, chẳng hạn quy định tỷ lệ tối thiểu lao động địa phương. Luận văn cũng đề xuất mô hình du lịch kết hợp nông nghiệp và thủ công truyền thống để đa dạng hóa thu nhập, giảm phụ thuộc vào tính mùa vụ. Những khuyến nghị về bảo tồn văn hóa, như hạn chế thương mại hóa lễ hội thiêng, giúp cộng đồng giữ gìn bản sắc. Nghiên cứu còn cung cấp tài liệu đào tạo kỹ năng quản lý du lịch cho người dân và gợi ý xây dựng quy tắc ứng xử du lịch. Các bài học từ Lô Lô Chải có thể áp dụng cho những điểm du lịch cộng đồng khác ở vùng cao, đặc biệt về cách giảm xung đột nội bộ và phát triển sản phẩm du lịch.

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài các phần, mục theo quy diudnhj chung, nội dung chính của luận văn được bố cục thành 4 chương như sau:

Phần mở đầu;

Chương 1. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lí luận về tác động của du lịch đến đời sống kinh tế - xã hội của cư dân địa phương;

Chương 2. Phương pháp nghiên cứu và tổng quan địa bàn nghiên cứu;

Chương 3. Tác động của du lịch lên đời sống kinh tế - xã hội của cư dân Lô Lô Chải hiện nay;

Chương 4. Kết luận và đề xuất định hướng giải pháp nhằm góp phần phát triển du lịch tại Lô Lô Chải

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH ĐẾN ĐỜI SỐNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CƯ DÂN ĐỊA PHƯƠNG

1.1. Tổng quan nghiên cứu về tác động của du lịch lên đời sống kinh tế xã hội của cư dân địa phương

Quá trình phát triển mạnh mẽ của Du lịch đã mang lại không ít những lợi ích về nhiều mặt trong đặc biệt là các lợi ích về mặt kinh tế, xã hội, môi trường. Bên cạnh đó sự phát triển không được quản lý bền vững, như quy hoạch và phát triển du lịch chưa hợp lý dẫn đến những tác động tiêu cực về các mặt đời sống kinh tế và xã hội của cư dân bản địa nơi phát triển du lịch. Đã có nhiều nghiên cứu với các quan điểm khác nhau được đưa nhằm đánh giá một cách khách quan các tác động đến kinh tế, xã hội, môi trường của du lịch lên cộng đồng địa phương, làm sáng tỏ vấn đề này.

1.1.1. Các nghiên cứu về tác động của du lịch đến đời sống xã hội

Du lịch có tác động hai mặt đến đời sống xã hội - văn hóa của cộng đồng địa phương. Du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy giao lưu văn hóa giữa khách du lịch và cộng đồng bản địa. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng quá trình tương tác giữa cư dân và khách du lịch giúp người dân địa phương mở rộng hiểu biết, tiếp cận các giá trị văn hóa mới và nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hóa.

Theo nghiên cứu của Besculides và cộng sự (2002), du lịch văn hóa làm tăng niềm tự hào cộng đồng khi cư dân cảm nhận được sự trân trọng của khách du lịch đối với văn hóa và truyền thống của họ. Tương tự, nghiên cứu gần đây của Godovykh và cộng sự (2025) cho thấy giao lưu văn hóa trong du lịch có khả năng cải thiện giá trị tinh thần, tăng cường sự tự tin và củng cố bản sắc văn hóa của cộng đồng địa phương. Các tác giả nhấn mạnh rằng khi người dân thấy văn hóa của họ được công nhận, được chia sẻ và giữ vai trò trung tâm trong hoạt động du lịch, họ có xu hướng cảm thấy tự hào hơn và chủ động hơn trong việc bảo tồn di sản văn hóa.

Bên cạnh đó, nghiên cứu của Greg Richards (2018) cũng khẳng định rằng du lịch tạo môi trường học hỏi hai chiều, giúp người dân mở mang hiểu biết, tiếp thu các giá trị tích cực từ bên ngoài mà vẫn củng cố bản sắc và giá trị truyền thống của cộng đồng. Các nghiên cứu đã ghi nhận du lịch thúc đẩy bảo tồn và phát triển văn hóa bản địa, ví dụ khuyến khích việc duy trì các lễ hội truyền thống, làng nghề thủ công và di sản văn hóa để phục vụ khách du lịch (United Nations World Tourism Organization, 2018). Bên cạnh đó, du lịch mang lại cải thiện về phúc lợi xã hội như nâng cấp cơ sở hạ tầng văn hóa, giải trí (nhà hàng, bảo tàng, công viên) và dịch vụ công cộng (giao thông, điện, nước) mà cả khách du lịch lẫn người dân đều được hưởng (Ejikeme, 2025 ; Godovykh, 2025).

Ngược lại, du lịch cũng gây ra không ít tác động văn hóa - xã hội tiêu cực. Nhiều nghiên cứu gần đây cảnh báo rằng du lịch ồ ạt, phát triển mạnh mà thiếu kiểm soát có thể gây ra quá trình thương mại hóa văn hóa, dẫn tới xói mòn các giá trị văn hóa truyền thống và làm biến đổi lối sống cộng đồng bản địa (Nurhadi và cộng sự, 2022; Bai, 2023; Marbun, 2025). Alamineh và cộng sự (2023) ghi nhận rằng trong nhiều khu vực phát triển du lịch, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đang chịu áp lực lớn, với nguy cơ mất dần bản sắc do dần trở thành sản phẩm du lịch. Tương tự, Bai (2023) qua phân tích thực địa tại các lễ hội và nghi lễ truyền thống chỉ ra rằng việc “thương mại hóa văn hóa” làm thay đổi cấu trúc văn hóa gốc, khiến các tầng văn hóa bị pha loãng hoặc biến tướng.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh du lịch phát triển nhanh, thiếu kiểm soát và quy hoạch bài bản, các điểm đến du lịch thường phải đối mặt với một loạt các tác động xã hội tiêu cực như gia tăng tội phạm, mại dâm, ma túy, cờ bạc, tới xung đột cộng đồng và suy thoái hệ giá trị văn hóa. Việc du lịch thu hút lượng người đông trong khu vực tương đối nhỏ cộng với sự xuất hiện thường xuyên của người “xa lạ” làm tăng nguy cơ trộm cắp, móc túi và các tội phạm khác. Các nghiên cứu đó cũng chỉ ra rằng hoạt động du lịch đôi khi làm trầm trọng thêm tình trạng tội phạm, ảnh hưởng tiêu cực tới cộng đồng địa phương và uy tín điểm đến. Đặc biệt, ở những nơi du lịch bùng nổ như trong nghiên cứu của Lei (2023) hoặc

của Jaafar và cộng sự (2015), du lịch không chỉ làm xói mòn các giá trị văn hóa truyền thống mà còn dẫn đến lối sống dễ bị ảnh hưởng bởi tệ nạn: rượu chè, cờ bạc, mại dâm, ma túy làm thay đổi cấu trúc xã hội, gia tăng mâu thuẫn giữa cư dân và khách du lịch hoặc giữa cư dân với nhau, đặc biệt khi lợi ích kinh tế phân bổ không đồng đều.

Nhiều nghiên cứu ghi nhận cư dân địa phương đánh giá rằng hoạt động du lịch đã góp phần cải thiện chung chất lượng cuộc sống của họ, Liang & Hui (2016) khảo sát 562 hộ dân và nhận thấy các chỉ số về phúc lợi vật chất, an ninh, cộng đồng và phúc lợi tinh thần tăng rõ rệt đi cùng với thái độ ủng hộ phát triển du lịch. Nghiên cứu gần đây của Peña-Casillas (2024) cũng cho thấy nhiều cộng đồng nhận định rằng du lịch đã cải thiện điều kiện sống, khả năng tiếp cận dịch vụ, và phúc lợi tinh thần. Các nghiên cứu gần đây cho thấy rằng du lịch không chỉ tạo ra việc làm và nguồn thu nhập, mà còn đóng góp vào phúc lợi xã hội thông qua cải thiện chất lượng sống, gắn kết cộng đồng, tăng cường vốn xã hội và hỗ trợ phát huy giá trị văn hóa địa phương (Godovykh và cộng sự, 2025; Besculides và cộng sự, 2002). Khi người dân nhận thức rõ được lợi ích từ du lịch như kinh tế, cơ hội việc làm, đến văn hóa, giao lưu, dịch vụ tiện ích thì họ cũng biểu thị sự hài lòng, tự hào về cộng đồng và ủng hộ phát triển du lịch hơn (Gabriel và cộng sự, 2015). Như vậy, nếu du lịch được quản lý theo hướng bền vững, với sự tham gia của cộng đồng bản địa, nó có thể trở thành một động lực quan trọng góp phần cải thiện đời sống và gia tăng chất lượng cuộc sống cho cư dân địa phương.

Quan sát tại các khu bảo tồn du lịch, một nghiên cứu khác nhận thấy rằng cư dân bản địa đánh giá rằng du lịch đã làm cho người dân cảm thấy tự hào về văn hóa, thiên nhiên và tạo cơ hội tham gia vào chuỗi giá trị du lịch khiến họ có ý thức bảo tồn, phát huy bản sắc cộng đồng hơn. Đồng thời các địa phương có lễ hội văn hóa gắn với du lịch cho thấy du lịch có thể củng cố bản sắc cộng đồng và khơi dậy tinh thần đoàn kết, chia sẻ trong cộng đồng cư dân (Besculides và cộng sự, 2002).

Bên cạnh đó, du lịch cũng giúp cho cư dân địa phương trở nên hiếu khách hơn với khách du lịch, cao nhất trong trong các khía cạnh xã hội được khảo sát. Nghiên cứu của Almeida và cộng sự (2015) cho thấy khi người dân nhận thấy lợi ích từ du lịch họ có xu hướng ủng hộ phát triển du lịch và thể hiện hành vi chào đón khách du lịch, sẵn sàng tương tác và hỗ trợ khách. Tương tự, nghiên cứu của Kim và cộng sự (2021) tại một cộng đồng du lịch cộng đồng ở Hàn Quốc cho thấy mức độ tham gia của cư dân vào phát triển du lịch tương quan thuận chiều với thái độ ủng hộ và lòng hiếu khách nghĩa là, càng tham gia, họ càng cởi mở, thân thiện. Du lịch đã giúp khôi phục các giá trị văn hóa truyền thống . Một số giá trị văn hóa bị mai một đã được khôi phục, như các lễ hội, trang phục truyền thống và nghệ thuật biểu diễn (múa xòe, hát dân ca), nhờ vào nhu cầu của khách du lịch (Nguyễn Thị Hồng Tâm, 2017), quan điểm này cũng được nêu ra trong bài nghiên cứu của Nguyễn Trọng Nhân (2021) cho thấy người dân đồng ý với quan điểm cho rằng du lịch thúc đẩy bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống, như chế biến nước mắm, nuôi ngọc trai và sản xuất thủ công mỹ nghệ. Đồng thời hoạt động du lịch tạo cơ hội để người dân tiếp xúc với văn hóa ngoài địa phương, mở rộng tầm nhìn và học hỏi các mô hình kinh doanh, phong cách sống mới.

Viết về các tác động tiêu cực du lịch lên đời sống xã hội, tác giả Nguyễn Trọng Nhân (2021) cho rằng, du lịch làm gia tăng dân số cơ học và áp lực hạ tầng Sự di cư từ các nơi khác đến để tìm việc làm trong ngành Du lịch làm tăng dân số cơ học. Du lịch gây sức ép lên cơ sở hạ tầng, đặc biệt trong mùa cao điểm. Các tệ nạn như mại dâm, trộm cắp và mất an ninh trật tự gia tăng. Tác động tiêu cực đến giáo dục cho thấy giới trẻ có xu hướng bỏ học sớm để tham gia vào thị trường lao động du lịch, gây ảnh hưởng đến trình độ dân trí của địa phương. Trong luận án của TS. Nguyễn Thị Hồng Tâm (2017) cũng đề cập du lịch là nguy cơ của thương mại hóa văn hóa, các hoạt động biểu diễn văn hóa truyền thống có nguy cơ bị thương mại hóa, mất đi giá trị nguyên bản, chuyển hướng phục vụ nhu cầu của khách du lịch thay vì giữ gìn bản sắc. Tác giả cũng đưa ra tổng kết trong luận án của mình, cho rằng du lịch đã gây ra những xung đột xã hội, nảy sinh mâu thuẫn trong

cộng đồng về việc phân chia lợi ích từ hoạt động du lịch, bên cạnh đó, sự cạnh tranh giữa các hộ gia đình trong việc thu hút khách du lịch dẫn đến giảm đoàn kết cộng đồng. Áp lực từ nhu cầu của du lịch đã khiến nhiều hộ gia đình thay đổi cấu trúc sinh hoạt truyền thống, như giảm sự sum họp gia đình trong các bữa ăn và tăng cường sử dụng tiếng Kinh thay vì tiếng Thái. Giới trẻ dần xa rời các giá trị văn hóa cốt lõi, chuyển sang phong cách sống hiện đại hơn. Một số nghiên cứu cũng chỉ ra, khi du lịch phát triển thì vị trí của người phụ nữ được tăng cường hơn, cụ thể 57% người tham gia vào các hoạt động du lịch là phụ nữ, chủ yếu trên 30 tuổi và phần lớn coi đây là nghề chính.

1.1.2. Các nghiên cứu về tác động của du lịch đến đời sống kinh tế

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và phát triển du lịch ngày càng mở rộng, du lịch được xem như một “đòn bẩy” kinh tế quan trọng cho đặc biệt là các vùng nông thôn, vùng ven, miền núi, nơi mà nền kinh tế truyền thống (nông nghiệp, chăn nuôi...) thường bấp bênh và ít tạo ra thu nhập. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, dưới điều kiện phù hợp, du lịch có thể góp phần quan trọng tạo việc làm, đa dạng hóa sinh kế và nâng cao thu nhập, từ đó cải thiện chất lượng đời sống của cư dân địa phương.

Theo nghiên cứu của Gayo và cộng sự (2025) cho thấy mô hình du lịch cộng đồng giúp nhiều hộ dân chuyển đổi nguồn lực từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang dịch vụ, lưu trú, hướng dẫn, buôn bán... Nhờ vậy, sinh kế của họ được cải thiện rõ rệt cụ thể như: có việc làm, có thu nhập ổn định, đời sống gia đình được nâng cao.

Tại Việt Nam, nghiên cứu của Lê Thị Hồng Thúy và Lê Ngọc Quang (2022) ở làng Trà Quế cho thấy du lịch nông thôn cộng đồng đã mang lại lợi ích kinh tế rõ rệt: góp phần phát triển nông thôn, mở rộng cơ hội việc làm và cải thiện mức sống cho người dân địa phương. Nghiên cứu của Trần Bá Uẩn (2020) cũng ghi nhận rằng du lịch giúp nhiều hộ dân nông thôn có thêm lựa chọn sinh kế ngoài nông nghiệp, từ đó giảm bớt phụ thuộc vào đất đai, nông nghiệp vốn thường chên vênh theo mùa vụ, thời tiết.

Nghiên cứu mang tính hệ thống hơn của Agarwal và cộng sự (2023) tổng hợp nhiều nghiên cứu trên thế giới cho thấy du lịch ảnh hưởng đến rất nhiều khía cạnh kinh tế xã hội: tạo thu nhập, việc làm, phát triển dịch vụ, hạ tầng, phụ trợ kinh tế, khuyến khích doanh nghiệp nhỏ, nghề thủ công, thương mại địa phương. Tuy nhiên, tác động rất đa dạng, phụ thuộc mạnh vào “bối cảnh địa phương, mô hình du lịch, chính sách quản lý, mức độ tham gia cộng đồng, phân bổ lợi ích.”

Một cách tiếp cận phổ biến để hiểu tác động của du lịch lên sinh kế là khung vốn sinh kế: bao gồm vốn con người, vốn xã hội, vốn tự nhiên, vốn tài chính, vốn thể chất và xem du lịch là một nguồn tạo vốn mới hoặc tái phân bổ vốn. Nghiên cứu của Bires (2020) cho thấy các thành phần khác nhau của du lịch (dịch vụ lưu trú, hướng dẫn, thương mại, phụ trợ...) có tác động tích cực đến việc đa dạng hóa sinh kế và cải thiện các “tài sản sinh kế” của hộ dân: tài chính, xã hội, thể chất, thậm chí quyền tiếp cận các cơ hội.

Tại Việt Nam, Lê Thị Tố Quyên (2023) sử dụng khung phân tích sinh kế bền vững để khảo sát 390 hộ dân tộc thiểu số; kết quả cho thấy các nguồn lực con người, tự nhiên, xã hội, tài chính, thể chế đều ảnh hưởng đến khả năng tham gia và hưởng lợi từ du lịch. Trong đó, vốn con người (trình độ, kỹ năng, hiểu biết) có vai trò quyết định. Hộ nào có nghề truyền thống, có cảnh quan đẹp, gần điểm tham quan, có kỹ năng thì dễ phát triển sinh kế du lịch hơn, chỉ những hộ có sẵn “tài sản” (vườn đẹp, đất gần điểm tham quan, nghề truyền thống, vốn xã hội...) mới có thể phát triển sinh kế du lịch hiệu quả. Điều này có nghĩa rằng ở các vùng nghèo, vùng điều kiện tự nhiên, hạ tầng kém, mô hình du lịch dễ thất bại hoặc mang lại lợi ích không công bằng.

Những phân tích này cho thấy: du lịch không chỉ đơn thuần là nguồn thu nhập phụ, mà có thể trở thành yếu tố chuyển đổi cấu trúc sinh kế: từ nông nghiệp đơn thuần sang mô hình đa ngành, đa nguồn lực điều rất quan trọng ở các vùng nông thôn, miền núi, dân tộc thiểu số, nơi mà kinh tế truyền thống có thể bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu, thiên tai, thị trường, mùa vụ...

Dẫu vậy, nhiều nghiên cứu cũng đã cảnh báo rằng du lịch không phải lúc nào cũng mang lại lợi ích đều và bền vững. Một trong những vấn đề nổi bật là phân phối lợi ích không đồng đều: thường những hộ tham gia trực tiếp vào du lịch (lưu trú, dịch vụ, hướng dẫn, bán đồ thủ công...) mới được hưởng lợi, còn những hộ khác đặc biệt hộ nghèo, hộ không có tài sản, kỹ năng, mạng lưới có thể bị bỏ lại phía sau. Thêm vào đó, nếu du lịch trở thành nguồn sinh kế chính thì cộng đồng dễ chịu ảnh hưởng mạnh khi du lịch bị chững lại do dịch bệnh, thiên tai, suy giảm khách, thay đổi xu hướng, mùa vụ... Nghiên cứu của Wall, G (1997) cho thấy mô hình du lịch nông thôn nếu trở thành “độc canh” sinh kế có thể đe dọa tính bền vững: làm xói mòn các sinh kế truyền thống, làm thay đổi văn hóa, cấu trúc xã hội, thậm chí đòi hỏi tái định cư, di chuyển do áp lực đất đai, môi trường. Ngoài ra, phát triển du lịch không kiểm soát có thể gây áp lực lên môi trường, tài nguyên thiên nhiên và hạ tầng, làm giảm chất lượng cuộc sống (Kunjuraman và cộng sự, 2022).

Đồng thời, Các nghiên cứu gần đây cho thấy du lịch không chỉ làm tăng nhu cầu lưu trú cho khách mà còn thúc đẩy quá trình “bất động sản hoá” khu vực: giá đất và giá nhà ở tăng mạnh, dẫn tới áp lực cao về chi phí sinh hoạt đối với người dân bản địa (Cunha & Lobão, 2021, Barbić và cộng sự, 2024, Ferrer Poutier, 2023). Điều này có thể gây ra tình trạng dân địa phương bị thiệt thòi hơn do không thể cạnh tranh với giá thuê, mua do khách du lịch hay doanh nghiệp ngoài địa phương ảnh hưởng tiêu cực đến an sinh, ổn định cộng đồng và sự công bằng xã hội. Như vậy, song hành cùng lợi ích kinh tế từ du lịch, cần có chính sách và quản lý phù hợp để tránh “bong bóng bất động sản”, bảo vệ quyền lợi nhà ở của người dân đặc biệt ở các vùng nhạy cảm về đất đai và giá cả.

1.1.3. Các nghiên cứu đánh giá nhận thức của cư dân địa phương về tác động của du lịch lên đời sống kinh tế, xã hội

Trong hơn bốn thập kỷ qua, chủ đề nhận thức của cư dân địa phương về tác động của du lịch đã thu hút sự quan tâm lớn của các học giả trong và ngoài nước. Nhiều công trình đã khẳng định rằng thái độ và sự ủng hộ của cộng đồng địa phương là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển du lịch bền vững. Cư dân

không chỉ là những người chịu ảnh hưởng trực tiếp của hoạt động du lịch, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc định hình trải nghiệm của khách du lịch. Chính vì vậy, việc nghiên cứu nhận thức của cư dân mang ý nghĩa thực tiễn trong việc hoạch định chính sách, cũng như đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển kinh tế, bảo tồn văn hóa và bảo vệ môi trường.

Trong nghiên cứu về nhận thức của cư dân đối với tác động của du lịch, các lý thuyết kinh điển như Lý thuyết Trao đổi xã hội (SET), Chu kỳ sống điếm đến du lịch (TALC) và Thuyết hành động hợp lý (TRA) đóng vai trò quan trọng. SET được áp dụng rộng rãi để lý giải sự ủng hộ của cư dân đối với du lịch khi lợi ích kinh tế và xã hội vượt trội hơn chi phí phải gánh chịu (González, 2020). Mô hình TALC chỉ ra rằng sự ủng hộ của cộng đồng sẽ giảm dần khi điếm đến phát triển quá mức, gây áp lực lên xã hội và môi trường (Brida và cộng sự, 2014). Trong khi đó, TRA nhấn mạnh tầm quan trọng của thái độ và niềm tin trong việc hình thành ý định hành động, từ đó quyết định mức độ tham gia và ủng hộ du lịch của cư dân (Kattiyapornpong và cộng sự, 2021). Các nghiên cứu ứng dụng các lý thuyết này đã chỉ ra rằng nhận thức của cư dân đối với du lịch có sự khác biệt đáng kể tùy theo các yếu tố như nghề nghiệp, mức độ gắn kết cộng đồng và thái độ cá nhân đối với du lịch; đồng thời phản ánh các khía cạnh kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường (Andereck và cộng sự, 2005; Kosmaczewska và cộng sự, 2016).

Nhận thức của cư dân về du lịch thường được phản ánh qua bốn khía cạnh chính: kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường. Về mặt kinh tế, nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng du lịch mang lại những lợi ích quan trọng như việc làm, thu nhập, cơ hội kinh doanh và cải thiện dịch vụ xã hội (Alsaloum và cộng sự, 2024). Tuy nhiên, các hệ quả tiêu cực cũng không thể bỏ qua, bao gồm sự gia tăng chi phí sinh hoạt, bất bình đẳng thu nhập và sự phụ thuộc quá mức vào ngành du lịch (Sumanyi, 2016, Liu, 1987). Về mặt xã hội và văn hóa, du lịch được công nhận là một công cụ bảo tồn di sản, khơi dậy niềm tự hào văn hóa, thúc đẩy giao lưu quốc tế và duy trì các lễ hội truyền thống. Tuy nhiên, nó cũng tiềm ẩn nguy cơ xói mòn giá trị bản địa, thay đổi phong tục tập quán và gia tăng các vấn đề xã hội như tội phạm, tệ nạn

(Roberts, 2022). Về môi trường, du lịch có thể thúc đẩy nhận thức cộng đồng về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và tăng cường ý thức bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, nó cũng gây áp lực lớn lên cơ sở hạ tầng, gia tăng ô nhiễm và suy thoái hệ sinh thái (Liu, 1987).

Nhiều nghiên cứu cho thấy nhận thức và thái độ của cư dân địa phương đối với du lịch không đồng nhất mà chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các đặc điểm cá nhân và bối cảnh xã hội như tuổi tác, giới tính, mức độ gắn kết cộng đồng, nghề nghiệp, thu nhập, độ dài thời gian cư trú hoặc mức độ phụ thuộc kinh tế vào du lịch (Cordero và cộng sự, 2008; Phạm & Kayat, 2011). Ngoài ra, những người có thu nhập hoặc việc làm gắn với du lịch thường có xu hướng ủng hộ phát triển du lịch hơn; trong khi đó, cư dân lâu năm hoặc ít phụ thuộc vào du lịch có thể nghi ngờ hơn, đặc biệt khi họ cảm nhận chi phí (về văn hóa, môi trường, xã hội) cao hơn lợi ích. Đồng thời, việc cư dân được tham gia vào quá trình quy hoạch thông qua sự gắn kết cộng đồng, cảm nhận về công bằng và bản sắc cộng đồng cũng đóng vai trò quyết định trong việc họ có hỗ trợ du lịch hay không (Wang và cộng sự, 2021).

Từ tổng quan có thể thấy, nhận thức của cư dân về du lịch là một quá trình đa chiều và phức tạp. Trong khi nhiều nghiên cứu khẳng định vai trò tích cực của du lịch đối với phát triển kinh tế - xã hội thì các số liệu thực tế cũng đồng thời nhấn mạnh tính hai mặt của hiện tượng này. Điều đó cho thấy việc xây dựng chiến lược phát triển du lịch bền vững cần đặt cộng đồng địa phương vào vị trí trung tâm, đảm bảo phân chia lợi ích công bằng, nâng cao nhận thức và tạo cơ hội tham gia cho cư dân. Chỉ khi nhận thức và lợi ích của cộng đồng được quan tâm đúng mức, du lịch mới thực sự trở thành động lực phát triển lâu dài và bền vững cho địa phương.

1.1.4. Các mô hình và lý thuyết trong nghiên cứu tác động của du lịch lên đời sống kinh tế xã hội của cư dân địa phương

Lý thuyết trao đổi xã hội (Social Exchange Theory – SET) được sử dụng rộng rãi để giải thích thái độ và hành vi của cư dân địa phương đối với sự phát triển

du lịch. Theo Homans (1958), con người tham gia vào các mối quan hệ xã hội dựa trên sự so sánh giữa lợi ích thu được và chi phí phải bỏ ra. Trong bối cảnh du lịch, cư dân có xu hướng ủng hộ phát triển du lịch khi lợi ích kinh tế – xã hội vượt trội so với các chi phí như áp lực xã hội, môi trường hay thay đổi lối sống. SET cũng cho thấy sự khác biệt trong nhận thức của cư dân phụ thuộc vào mức độ hưởng lợi, sự gắn kết cộng đồng và mức độ tham gia vào quá trình ra quyết định, qua đó cung cấp nền tảng quan trọng để phân tích động lực ủng hộ hoặc phản đối du lịch của cộng đồng địa phương.

Mô hình Triple Bottom Line do Elkington (1998) đề xuất là khung lý thuyết phổ biến trong nghiên cứu phát triển bền vững, nhấn mạnh sự cân bằng giữa ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường. Trong nghiên cứu này, mô hình TBL được vận dụng có chọn lọc, tập trung vào hai trụ cột kinh tế và xã hội nhằm đánh giá tác động của du lịch đối với thu nhập, việc làm, chất lượng cuộc sống, sự tham gia của cộng đồng và bảo tồn văn hóa địa phương. Cách tiếp cận này phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và điều kiện thu thập dữ liệu tại địa bàn nghiên cứu.

1.1.4.1. Lý thuyết trao đổi xã hội

Lý thuyết trao đổi xã hội là một trong những lý thuyết nổi bật trong nghiên cứu về hành vi con người và mối quan hệ giữa các cá nhân trong xã hội. Theo lý thuyết này, hành vi của con người được hiểu như một quá trình trao đổi, nơi mỗi cá nhân tham gia vào các hoạt động xã hội với kỳ vọng nhận lại lợi ích lớn hơn chi phí mà họ phải bỏ ra (Homans, 1958). Lý thuyết này được áp dụng rộng rãi để giải thích các mối quan hệ trong nhiều lĩnh vực, từ gia đình, tình bạn đến các mối quan hệ kinh tế và xã hội.

Trong lĩnh vực du lịch, lý thuyết trao đổi xã hội được sử dụng để giải thích lý do tại sao cư dân địa phương có xu hướng ủng hộ hoặc phản đối sự phát triển du lịch. Theo lý thuyết này, cư dân sẽ đánh giá một cách tương đối về các lợi ích (kinh tế, xã hội) mà họ nhận được từ hoạt động du lịch so với chi phí mà họ phải gánh chịu (áp lực xã hội, môi trường, thay đổi lối sống). Khi lợi ích lớn hơn chi phí, họ sẽ

có thái độ tích cực đối với du lịch; ngược lại, khi chi phí cao hơn lợi ích, cư dân sẽ phản đối hoặc cảm thấy không hài lòng về du lịch.

Lý thuyết trao đổi xã hội cũng nhấn mạnh mối quan hệ giữa các cá nhân trong xã hội và cách thức các mối quan hệ này có thể tác động lẫn nhau. Theo Homans (1958), các cá nhân tham gia vào các mối quan hệ vì họ kỳ vọng nhận lại lợi ích từ các mối quan hệ đó. Khi các mối quan hệ xã hội đem lại lợi ích lớn, các cá nhân sẽ tiếp tục duy trì chúng. Trong bối cảnh du lịch, cư dân địa phương tham gia vào quá trình phát triển du lịch không chỉ vì lợi ích kinh tế mà còn do sự tham gia của họ có thể tạo ra sự thay đổi tích cực cho cộng đồng, giúp cải thiện dịch vụ xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống, cũng như bảo tồn văn hóa địa phương.

Một điểm quan trọng trong lý thuyết trao đổi xã hội là sự xuất hiện của yếu tố cân bằng trong các mối quan hệ xã hội. Theo đó, các mối quan hệ xã hội sẽ tồn tại và phát triển lâu dài khi có sự cân bằng giữa lợi ích và chi phí. Trong trường hợp du lịch, sự phát triển của ngành Du lịch cần được quản lý sao cho lợi ích đem lại cho cộng đồng địa phương vượt trội so với những chi phí (áp lực hạ tầng, môi trường và xã hội) mà họ phải gánh chịu. Nếu sự mất cân bằng xảy ra, dẫn đến sự tăng trưởng không bền vững, cư dân sẽ phản đối hoặc tìm cách ngừng tham gia vào các hoạt động du lịch.

Lý thuyết trao đổi xã hội không chỉ giúp giải thích các hành vi của cư dân đối với du lịch mà còn cung cấp một cái nhìn sâu sắc về cách thức các chính sách và hoạt động quản lý du lịch có thể điều chỉnh các mối quan hệ xã hội, cân bằng lợi ích và chi phí, từ đó thúc đẩy sự phát triển du lịch bền vững

Một điểm mạnh của lý thuyết trao đổi xã hội là khả năng lý giải tính không đồng nhất trong nhận thức của cư dân. Các nghiên cứu cho thấy những cá nhân hoặc nhóm có sự phụ thuộc kinh tế cao vào du lịch thường có thái độ tích cực hơn so với những người ít hưởng lợi từ ngành này (Brida và cộng sự, 2014). Đồng thời, mức độ gắn kết cộng đồng, sự tin tưởng vào chính quyền và mức độ tham gia vào quá trình quy hoạch cũng ảnh hưởng đến sự đánh giá lợi ích – chi phí của cư dân (Kosmaczewska và cộng sự, 2016).

Tuy nhiên, lý thuyết này cũng tồn tại một số hạn chế. Lý thuyết này thường tập trung vào khía cạnh kinh tế và chưa bao quát đầy đủ các yếu tố cảm xúc, văn hóa hay tâm lý vốn có thể tác động mạnh đến thái độ của cư dân. Một số học giả cho rằng để hiểu sâu hơn về nhận thức của cộng đồng, cần kết hợp SET với các lý thuyết khác như Chu kỳ sống điếm đến du lịch hay Thuyết hành động hợp lý nhằm bổ sung góc nhìn toàn diện hơn (Sharpley, 2014).

1.1.4.2. Mô hình Triple Bottom Line (TBL) của Elkington (1998)

Mô hình Triple Bottom Line (TBL) được John Elkington đề xuất vào năm 1998 trong cuốn "Cannibals with Forks: The Triple Bottom Line of 21st Century Business". Đây là một trong những khung lý thuyết nền tảng về phát triển bền vững, mở rộng mục tiêu của các hoạt động kinh tế không chỉ giới hạn ở lợi nhuận tài chính, mà còn bao gồm hai yếu tố không kém phần quan trọng là xã hội và môi trường.

Ba trụ cột trong TBL được định nghĩa cụ thể như sau:

Kinh tế: Đề cập đến hiệu quả tài chính và tác động kinh tế, bao gồm tăng trưởng thu nhập, tạo việc làm, phát triển doanh nghiệp địa phương, và đầu tư vào cơ sở hạ tầng. Trong bối cảnh du lịch, đây là thước đo về khả năng đóng góp của ngành vào sinh kế của cộng đồng.

Xã hội: Liên quan đến công bằng xã hội, chất lượng cuộc sống, sự tham gia của cộng đồng, gắn kết xã hội và sự hài lòng của người dân. Với du lịch, yếu tố này đánh giá xem du lịch có tạo điều kiện cho cư dân được tham gia, được hưởng lợi và được duy trì bản sắc văn hóa hay không.

Môi trường: Mặc dù không phải là đối tượng chính trong nghiên cứu này, nhưng trụ cột này phản ánh những tác động môi trường từ hoạt động du lịch, bao gồm ô nhiễm, khai thác tài nguyên, và biến đổi sinh thái.

Mô hình này cũng được ứng dụng trong nhiều nghiên cứu trước đó như Unhasuta và cộng sự (2021) sử dụng mô hình TBL để phân tích cảm nhận của cư dân về tác động kinh tế, xã hội và môi trường của phát triển du lịch tại Cha-am Beach (Thái Lan), qua đó xây dựng khuyến nghị phát triển bền vững từ góc độ

cộng đồng, trong nghiên cứu của Suddho (2019) sử dụng mô hình Triple Bottom Line (TBL) như một khung lý thuyết trọng tâm để đánh giá tính bền vững của việc cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động du lịch. Theo TBL, du lịch bền vững phải bảo đảm sự cân bằng giữa lợi ích kinh tế cho người dân như nâng cao vai trò và sinh kế cộng đồng, đồng thời bảo vệ môi trường – tài nguyên. Từ khung TBL, tác giả phân tích khoảng cách giữa mong muốn của khách du lịch và nhu cầu của cộng đồng địa phương, qua đó đề xuất các chiến lược nhằm tăng cường sự tham gia của người dân theo hướng phát triển du lịch bền vững.



Hình 1.1. Sơ đồ hóa mô hình Triple Bottom Line

Nguồn: Suddho, 2019

Trong nghiên cứu này, mô hình TBL được vận dụng như một khung phân tích tổng thể, nhưng chỉ tập trung vào hai trụ cột là Kinh tế và Xã hội – Văn hóa. Lý do loại trừ trụ cột môi trường là vì phạm vi nghiên cứu không bao gồm các chỉ báo liên quan đến môi trường tự nhiên, đồng thời việc đo lường các yếu tố môi trường

đòi hỏi phương pháp tiếp cận khác (như sinh thái học hoặc công nghệ GIS), nằm ngoài nguồn lực và mục tiêu của đề tài

Từ hai trụ cột được chọn, hệ thống tiêu chí đánh giá tác động du lịch được xây dựng xoay quanh các khía cạnh: tăng thu nhập, cơ hội việc làm, khả năng tham gia hoạt động du lịch, mức độ hài lòng, bảo tồn văn hóa, và gắn kết cộng đồng. Các tiêu chí này không chỉ giúp lượng hóa tác động, mà còn là cơ sở để đề xuất các chính sách phát triển du lịch bền vững tại địa phương

1.1.4.3. Tiêu chuẩn quản lý du lịch bền vững DASTA

Tiêu chuẩn Sustainable Tourism Management Standard (STMS) do Cơ quan Quản lý Khu vực Du lịch Bền vững (DASTA) ban hành năm 2018 là một trong những khung hướng dẫn quan trọng về phát triển du lịch bền vững tại Thái Lan. Tiêu chuẩn này được xây dựng dựa trên việc tổng hợp và điều chỉnh từ các chuẩn mực quốc tế như ISO 9001, ISO 14001, ISO 26000, cũng như bộ tiêu chí của Hội đồng Du lịch Bền vững Toàn cầu (GSTC). Đặc biệt, STMS được Hội đồng GSTC công nhận là tiêu chuẩn phù hợp với các tiêu chí toàn cầu về du lịch bền vững, tạo nên nền tảng đáng tin cậy cho các tổ chức và địa phương áp dụng.

Tiêu chuẩn DASTA nhấn mạnh cách tiếp cận du lịch bền vững một cách toàn diện, dựa trên mô hình PDCA (Plan - Do - Check - Act) nhằm thiết lập một quy trình quản lý có hệ thống, liên tục cải tiến và có thể đo lường được kết quả. Tuy nhiên, một trong những điểm nổi bật của STMS là khuyến khích các tổ chức áp dụng phải tự xây dựng mục tiêu và bộ chỉ số đánh giá riêng, dựa trên bối cảnh cụ thể của địa phương, thay vì áp dụng một hệ thống đo lường cứng nhắc. Tài liệu này có đưa ra các tiêu chí:

Hỗ trợ sự tham gia: Tổ chức sẽ thúc đẩy và hỗ trợ cộng đồng địa phương tham gia trong việc bảo vệ, quản lý và cải thiện hiệu suất du lịch nhằm đạt được mục tiêu bền vững. Tổ chức nên:

1. Khuyến khích cộng đồng tham gia lập kế hoạch và quản lý du lịch bền vững, lắng nghe nguyện vọng, mối quan tâm, mức độ hài lòng của cộng đồng.

2. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể như truyền thống, âm nhạc, ngôn ngữ, ẩm thực,...

3. Tuân thủ và công khai luật về quyền tài sản, quyền cộng đồng, không di dời người dân nếu chưa có sự đồng thuận và bồi thường thỏa đáng.

4. Lòng ghép bản sắc, văn hóa, nghệ thuật và tri thức địa phương vào thiết kế cảnh quan, nội thất công trình du lịch.

Hỗ trợ năng lực địa phương: Tổ chức cần hỗ trợ phát triển cộng đồng địa phương song song với phát triển du lịch nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, bao gồm phát triển nghề nghiệp và thu nhập công bằng.

Tổ chức nên:

1. Phát triển kỹ năng và năng lực cho người dân để tham gia vào hoạt động du lịch.

2. Khuyến khích người dân hình thành nhóm nghề nghiệp dựa trên tri thức bản địa.

3. Hỗ trợ các doanh nghiệp địa phương, chuỗi cung ứng và đầu tư bền vững; thúc đẩy sản phẩm dựa trên văn hóa và thiên nhiên bản địa.

4. Tạo cơ hội việc làm, đào tạo nghề và bảo đảm môi trường làm việc an toàn, lương sống hợp lý.

5. Phát triển kỹ năng khởi nghiệp cho người dân để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và đạt chứng nhận tiêu chuẩn.

6. Khuyến khích doanh nghiệp, khách du lịch và cộng đồng đóng góp cho các sáng kiến bền vững.

7. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của cộng đồng và cá nhân.

An toàn - An ninh

Tổ chức phải đảm bảo rằng các điểm đến du lịch được quản lý một cách an toàn và an ninh, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch và cộng đồng địa phương.

Tổ chức nên:

1. Có kế hoạch và hệ thống quản lý rủi ro để giảm thiểu tai nạn, thiên tai, khủng hoảng và các tình huống khẩn cấp khác.

2. Phối hợp với cơ quan chức năng để đảm bảo an toàn, kiểm soát tội phạm và bảo vệ tài sản cá nhân cho khách du lịch và người dân.

3. Đào tạo nhân viên và hướng dẫn viên xử lý tình huống khẩn cấp và sơ cứu ban đầu.

Cơ sở hạ tầng và dịch vụ du lịch

Tổ chức nên thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ du lịch nhằm hỗ trợ trải nghiệm du lịch bền vững, tiện lợi và an toàn cho cả khách du lịch và cộng đồng địa phương.

Tổ chức nên:

1. Cung cấp các cơ sở vật chất như trung tâm thông tin, biển hướng dẫn, nhà vệ sinh công cộng, khu vực đỗ xe, đảm bảo sự thuận tiện và tiếp cận cho mọi người.

2. Hỗ trợ phát triển nơi lưu trú, thực phẩm và đồ uống, mua sắm và các tiện ích khác phù hợp với nhu cầu khách du lịch.

3. Khuyến khích sử dụng công nghệ và đổi mới để cải thiện dịch vụ du lịch.

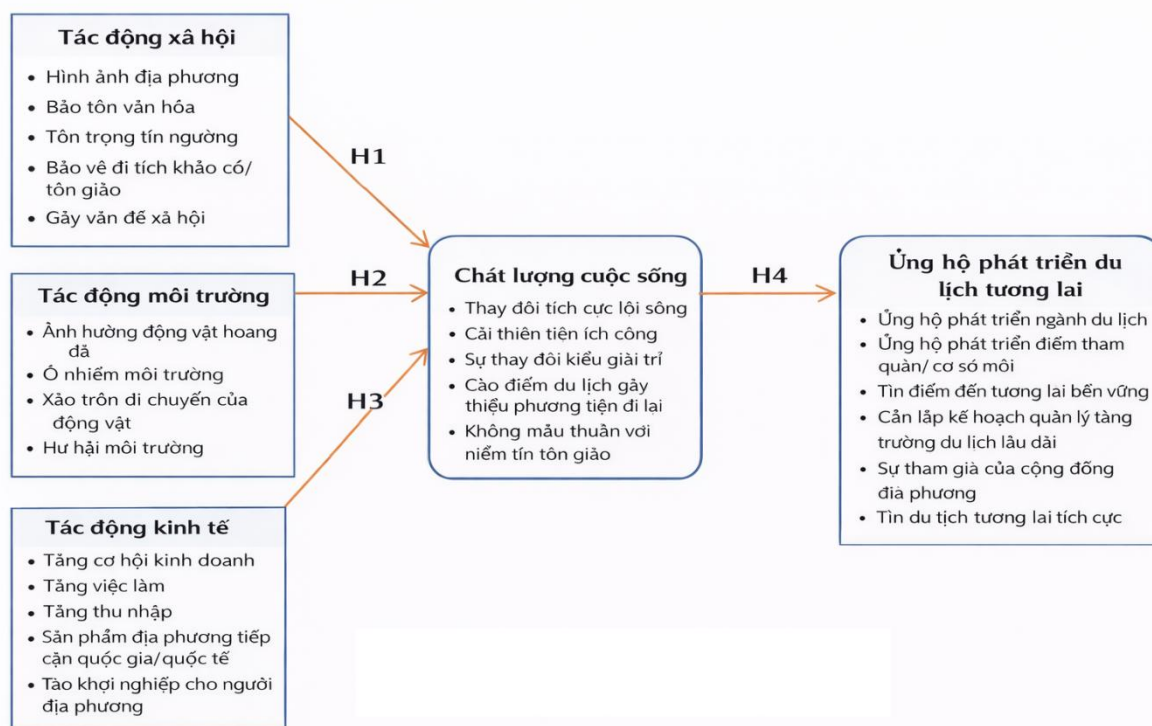
4. Đảm bảo rằng các cơ sở hạ tầng và dịch vụ được vận hành an toàn, dễ tiếp cận, thân thiện với người khuyết tật, người già và trẻ em.

5. Đảm bảo sự công bằng và minh bạch trong sử dụng dịch vụ và tiếp cận tài nguyên du lịch

1.1.4.4. Mô hình nghiên cứu của Md. Abdul Halim và cộng sự

Trong nghiên cứu của mình, ông đưa ra mô hình khung khái niệm về nhận thức tác động du lịch của cộng đồng địa phương phát triển theo hướng Perceived Tourism Impacts. Cụ thể, tác giả giả định rằng ba nhóm tác động của du lịch gồm: tác động xã hội, tác động kinh tế và tác động môi trường sẽ tác động thuận chiều đến Chất lượng cuộc sống của cư dân; từ đó Chất lượng cuộc sống tiếp tục ảnh hưởng tích cực đến mức độ ủng hộ phát triển du lịch trong tương lai. Như vậy, mô hình nhấn mạnh cơ chế: cảm nhận tác động du lịch → cải thiện chất lượng sống →

gia tăng sự ủng hộ du lịch, phản ánh đúng logic nghiên cứu về thái độ cư dân trong phát triển du lịch cộng đồng.



Hình 1.2. Sơ đồ hóa mô hình của Md. Abdul Halim và cộng sự (2022)

Nguồn: Md. Abdul Halim và cộng sự (2022)

Nghiên cứu đã có đã chỉ ra những tác động tích cực và tiêu cực của các tác động du lịch lên chất lượng cuộc sống cư dân, và khung lý thuyết này cũng sẽ được ứng dụng trong nghiên cứu của luận văn.

1.2. Cơ sở lý luận về các tác động của du lịch lên đời sống kinh tế xã hội của người dân địa phương

1.2.1. Tác động của du lịch

Du lịch, như một hoạt động xã hội, không chỉ mang lại lợi ích về mặt kinh tế mà còn tác động sâu rộng đến các yếu tố xã hội, văn hóa và môi trường của các cộng đồng địa phương. Việc nghiên cứu các tác động của du lịch là rất quan trọng để xác định rõ ràng lợi ích cũng như những thách thức mà ngành này mang lại. Theo các nghiên cứu, tác động của du lịch có thể chia thành hai nhóm chính: tác động tích cực và tác động tiêu cực.

Tác động tích cực của du lịch

Một trong những tác động tích cực rõ ràng nhất của du lịch là tăng trưởng kinh tế. Du lịch là một ngành có thể tạo ra cơ hội việc làm và thúc đẩy phát triển các ngành phụ trợ, bao gồm các dịch vụ lưu trú, ăn uống, vận tải, bán lẻ và các ngành nghề liên quan khác. Bằng cách này, du lịch trở thành nguồn thu nhập quan trọng cho cộng đồng địa phương, đặc biệt là những vùng có tiềm năng du lịch cao như các khu di sản, các địa phương có cảnh quan đẹp,... du lịch có thể tạo ra một chuỗi giá trị trong nền kinh tế, khi các ngành nghề như lưu trú, vận tải hay dịch vụ hỗ trợ đều tăng trưởng mạnh mẽ nhờ vào sự gia tăng lượng khách du lịch (UNWTO, 2019).

Bên cạnh đó, du lịch còn giúp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa. Khi du lịch được phát triển đúng cách, nó có thể thúc đẩy việc bảo vệ di sản văn hóa và tạo ra sự nhận thức sâu rộng hơn về tầm quan trọng của việc bảo tồn các giá trị lịch sử và văn hóa. Những vùng đất có di tích lịch sử hoặc nền văn hóa đặc sắc có thể thông qua du lịch để chia sẻ và phát triển giá trị văn hóa của mình. Đặc biệt, các nghiên cứu của Hall và Lew (2009) đã chỉ ra rằng du lịch không chỉ đóng vai trò là một công cụ phát triển kinh tế mà còn là một phương tiện hiệu quả trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa và lịch sử địa phương, từ đó nâng cao nhận thức cộng đồng về việc bảo vệ các giá trị này.

Tác động tiêu cực của du lịch

Mặc dù du lịch mang lại nhiều lợi ích, nhưng nếu không được quản lý đúng mức, nó cũng có thể gây ra những tác động tiêu cực nghiêm trọng đối với môi trường và cộng đồng địa phương. Một trong những vấn đề lớn nhất của du lịch là sự thương mại hóa văn hóa. Các nền văn hóa địa phương có thể bị biến dạng khi tiếp nhận một lượng lớn khách du lịch từ các nền văn hóa khác. Điều này không chỉ làm mất đi các giá trị truyền thống mà còn dẫn đến sự pha loãng bản sắc văn hóa của cộng đồng địa phương. Theo Doxey (1975), sự phát triển du lịch không kiểm soát có thể gây ra sự mất cân bằng văn hóa, làm các giá trị truyền thống bị mai một và thay thế bằng các hình thức phục vụ khách du lịch, không còn giữ được bản sắc văn hóa gốc.

Ngoài ra, du lịch còn có thể gây ra tác động tiêu cực đến môi trường. Việc gia tăng lượng khách du lịch thường đi kèm với ô nhiễm môi trường, tàn phá các hệ sinh thái tự nhiên và làm giảm chất lượng sống của cư dân địa phương. Các hoạt động du lịch không kiểm soát, như khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách không bền vững, hoặc sự quá tải về cơ sở hạ tầng, đều có thể gây hại đến môi trường. Nghiên cứu của Nguyễn Xuân Khánh (2024) chỉ ra rằng, trong nhiều trường hợp, du lịch đã trở thành một yếu tố chính làm suy giảm chất lượng môi trường tại các khu du lịch nổi tiếng ở Việt Nam, đặc biệt là khi các hoạt động du lịch không được kiểm soát chặt chẽ.

Bên cạnh đó, du lịch cũng có thể làm gia tăng các tệ nạn xã hội như mại dâm, cờ bạc và các hành vi trái pháp luật khác, đặc biệt là ở các điểm du lịch nổi tiếng. Nghiên cứu của Doxey (1975) cũng đề cập đến việc du lịch có thể dẫn đến sự gia tăng các tệ nạn xã hội khi có quá nhiều khách du lịch đổ về các khu vực này, tạo ra sự căng thẳng xã hội giữa cư dân địa phương và khách du lịch .

1.2.2. Du lịch cộng đồng

Theo tổ chức Du lịch thế giới (UNWTO, 2002- từ tháng 1 năm 2024 đổi tên thành Tổ chức du lịch Liên Hợp quốc UN-TOURISM): “Du lịch cộng đồng (Community-based Tourism - CBT) là mô hình do cộng đồng địa phương sở hữu, quản lý và hưởng lợi, dựa trên tài nguyên văn hóa, tự nhiên sẵn có, nhằm phân phối công bằng lợi ích kinh tế-xã hội”. Khái niệm này nhấn mạnh vai trò trung tâm của cộng đồng địa phương trong việc sở hữu, quản lý và hưởng lợi từ hoạt động du lịch. DLCD khai thác tài nguyên văn hóa và tự nhiên sẵn có, không chỉ nhằm thu hút khách du lịch mà còn hướng đến phân phối công bằng lợi ích kinh tế – xã hội, góp phần phát triển bền vững cho địa phương. Theo UNEP (2015), một mô hình CBT đúng nghĩa phải đảm bảo cộng đồng kiểm soát tối thiểu 30% quyền ra quyết định, cho thấy tính tự chủ và vai trò tham gia thực chất của người dân bản địa. Đồng thời, ít nhất 50% lợi nhuận phải được tái đầu tư vào phát triển cộng đồng, như xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng giáo dục - y tế hay bảo tồn văn hóa.

Theo Sharpley (2009), du lịch cộng đồng không chỉ là sự tham gia của cư dân trong việc cung cấp các dịch vụ du lịch mà còn liên quan đến việc bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa, tài nguyên tự nhiên của cộng đồng. Mục tiêu của du lịch cộng đồng là thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương, tạo ra cơ hội việc làm; đồng thời bảo vệ môi trường và duy trì các giá trị văn hóa truyền thống. Du lịch cộng đồng không chỉ giúp cộng đồng địa phương nâng cao thu nhập mà còn tạo cơ hội cho cư dân tham gia vào các hoạt động quản lý du lịch và quy hoạch phát triển du lịch (UNWTO,2019). Đồng thời, du lịch cộng đồng cũng góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và bảo tồn văn hóa địa phương, giúp cộng đồng tự hào hơn về di sản văn hóa và thiên nhiên của mình (Simpson, 2001).

Theo Hiệp hội Du lịch Bền vững, du lịch cộng đồng (CBT) không chỉ chú trọng đến yếu tố kinh tế - xã hội mà còn gắn liền với mục tiêu bảo tồn môi trường và di sản văn hóa bản địa. Quan điểm này nhấn mạnh rằng CBT cần được triển khai theo hướng bền vững, trong đó hoạt động du lịch phải đồng thời góp phần gìn giữ hệ sinh thái và bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng sở tại. Ví dụ điển hình là mô hình homestay của người Maasai tại Kenya, nơi khách du lịch không chỉ được trải nghiệm đời sống bản địa mà còn tham gia vào các hoạt động bảo vệ động vật hoang dã. Qua đó, CBT trở thành một phương tiện vừa tạo sinh kế cho người dân, vừa thúc đẩy ý thức bảo tồn thiên nhiên và văn hóa trong dài hạn. Như vậy, CBT không chỉ là một loại hình du lịch, mà còn là một công cụ phát triển cộng đồng, khuyến khích sự tham gia, tạo việc làm tại chỗ và nâng cao nhận thức về gìn giữ tài nguyên và bản sắc văn hóa truyền thống.

Trong nghiên cứu của Murphy (1985), ông đã xây dựng một khung lý thuyết toàn diện về du lịch cộng đồng, trong đó định nghĩa mô hình phát triển du lịch theo cách thức "từ dưới lên" (bottom-up). Theo mô hình này, cộng đồng địa phương đóng vai trò chủ thể trung tâm trong tất cả các quá trình liên quan đến du lịch, từ quy hoạch, vận hành, cho đến phân phối lợi ích. Điểm nổi bật trong cách tiếp cận của Murphy là nhấn mạnh yếu tố "sự tham gia toàn diện" của cộng đồng. Theo ông, cư dân không chỉ là lực lượng lao động phục vụ du lịch, mà họ cần phải tham gia

vào tất cả các khâu trong chuỗi giá trị du lịch: từ việc lập kế hoạch (xác định sản phẩm du lịch, quy mô phát triển), tổ chức thực hiện (làm hướng dẫn viên, cung cấp dịch vụ lưu trú, ẩm thực), đến giám sát và phân phối lợi nhuận. Tuy nhiên, Murphy cũng chỉ ra rằng việc áp dụng mô hình này gặp phải một số thách thức lớn. Thứ nhất, là năng lực quản lý hạn chế của cộng đồng, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa, nơi cư dân thiếu các kỹ năng cần thiết để quản lý hoạt động du lịch. Thứ hai, nguy cơ bị các doanh nghiệp bên ngoài chi phối khiến cho cộng đồng chỉ trở thành "bình phong" trong khi lợi nhuận chủ yếu chảy về tay các công ty lữ hành. Thứ ba, là mâu thuẫn nội bộ trong cộng đồng có thể phát sinh khi việc phân chia lợi ích không đồng đều giữa các thành viên.

1.2.3. Cộng đồng địa phương với phát triển du lịch

Theo McMillan & Chavis (1986), Cộng đồng địa phương là tập hợp những cá nhân sinh sống trong một không gian nhất định, có sự gắn bó về mặt địa lý, xã hội và tinh thần, cùng chia sẻ các giá trị, mối quan tâm và nguồn lực chung, bao gồm cư dân sinh sống và các cơ quan quản lý địa phương. Trong phát triển kinh tế xã hội, cộng đồng địa phương được xem là chủ thể của quá trình phát triển kinh tế - xã hội, không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là lực lượng trực tiếp tham gia vào việc hoạch định và thực hiện các hoạt động phát triển.

Ở Việt Nam, cộng đồng địa phương thường được hiểu là một nhóm dân cư cùng sinh sống lâu dài tại một địa bàn, có mối quan hệ mật thiết về văn hóa, kinh tế và xã hội, đồng thời chịu tác động trực tiếp từ các chính sách phát triển (Trần Đức Thanh và cộng sự, 2018). Cộng đồng địa phương được xem là nền tảng của du lịch bền vững, bởi chính họ là người trực tiếp quản lý, cung cấp dịch vụ và bảo tồn các giá trị văn hóa bản địa. Theo Murphy (1985), du lịch cộng đồng chỉ thực sự thành công khi cư dân địa phương được tham gia, được chia sẻ lợi ích và có quyền kiểm soát đối với quá trình phát triển du lịch. Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO, 2019) cũng khẳng định rằng sự tham gia của người dân địa phương là điều kiện cốt lõi để du lịch đóng góp hiệu quả vào phát triển bền vững, đặc biệt trong các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm và bảo tồn văn hóa. Như vậy,

cộng đồng không chỉ là điểm đến của du lịch, mà còn là chủ thể sáng tạo và duy trì giá trị của điểm đến thông qua lao động, tri thức bản địa và mạng lưới xã hội.

1.2.4. Nhận thức của cư dân địa phương về phát triển du lịch

Trong bối cảnh phát triển du lịch, nhận thức của cư dân địa phương (residents' perception) được hiểu là cách mà người dân đánh giá, cảm nhận và lý giải về các tác động kinh tế, xã hội – văn hóa và môi trường mà hoạt động du lịch mang lại cho cộng đồng họ (Ap, 1992). Nhận thức này mang tính chủ quan, hình thành từ trải nghiệm cá nhân, mức độ tiếp xúc với khách du lịch, nguồn thông tin tiếp nhận cũng như các giá trị và ưu tiên của cá nhân lẫn cộng đồng.

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng nhận thức của cư dân bao gồm các yếu tố cảm xúc (ví dụ: sự tự hào, hài lòng) và yếu tố lý trí (ví dụ: lợi ích kinh tế, chi phí xã hội) (Andereck và cộng sự, 2005). Cơ sở lý thuyết quan trọng để giải thích nhận thức của cư dân là Lý thuyết Trao đổi Xã hội. Theo Ap (1992), cá nhân sẵn sàng tham gia và ủng hộ một hoạt động nếu họ nhận thấy lợi ích thu được lớn hơn chi phí phải bỏ ra. Trong du lịch, nếu cư dân cảm nhận rằng lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường vượt trội so với tác động tiêu cực, họ sẽ có xu hướng ủng hộ các hoạt động và chính sách phát triển du lịch.

Ngược lại, khi chi phí cảm nhận vượt quá lợi ích, khả năng ủng hộ sẽ giảm đi đáng kể. Tổng hợp từ các nghiên cứu, nhận thức của cư dân có thể được phân thành ba nhóm: (1) nhận thức về tác động kinh tế (tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện hạ tầng, nhưng cũng có thể gây lạm phát và phụ thuộc mùa vụ); (2) nhận thức về tác động xã hội – văn hóa (bảo tồn và quảng bá di sản, giao lưu văn hóa, song cũng tiềm ẩn nguy cơ mất bản sắc và xung đột văn hóa); và (3) nhận thức về tác động môi trường (thúc đẩy bảo tồn tài nguyên, cải thiện cảnh quan, nhưng cũng có thể gây ô nhiễm và suy thoái tài nguyên). Các yếu tố này không chỉ định hình thái độ của cư dân đối với du lịch mà còn là cơ sở để các nhà quản lý và hoạch định chính sách đưa ra các chiến lược phát triển hợp lý, nhằm tối đa hóa lợi ích và giảm thiểu tác động tiêu cực, từ đó duy trì sự ủng hộ lâu dài của cộng đồng.

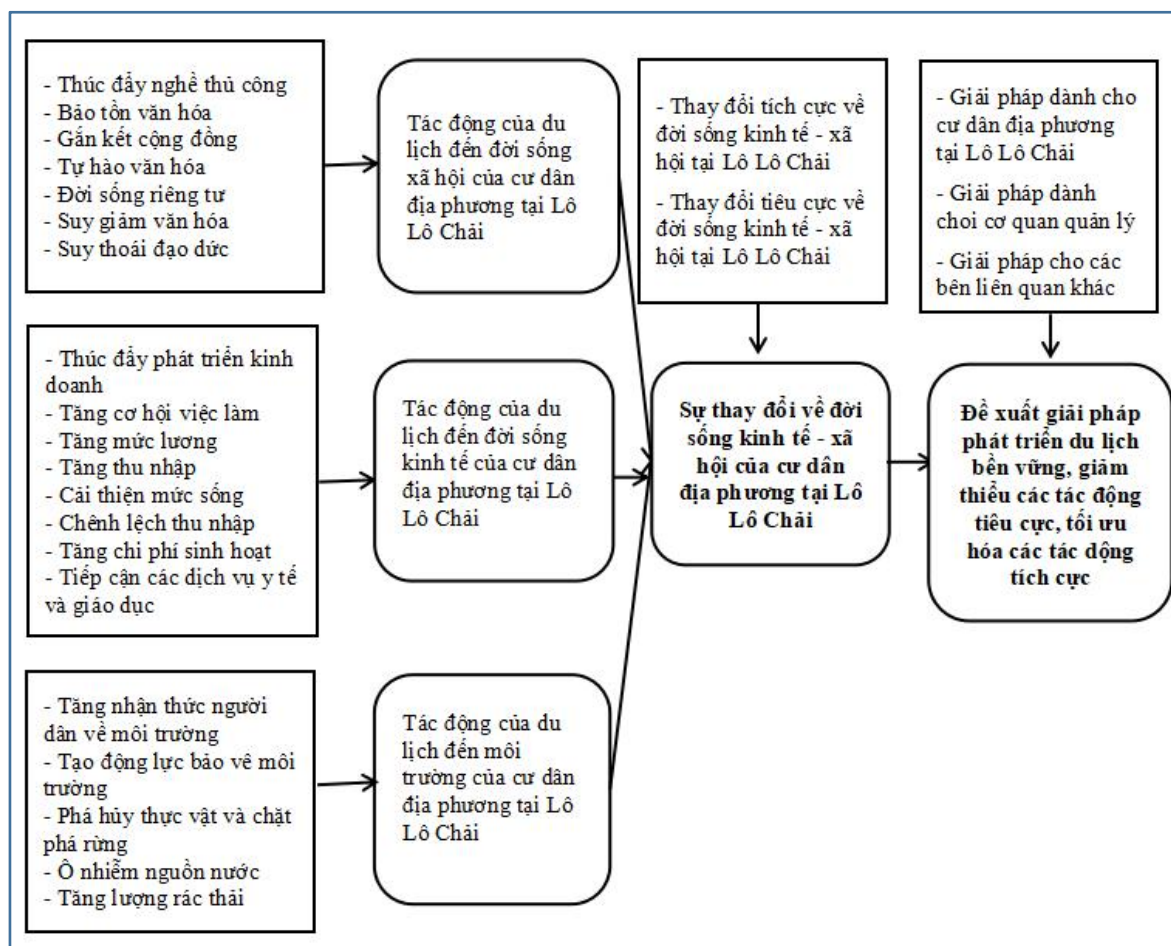
1.2.5. Khung lý thuyết nghiên cứu đề xuất cho nghiên cứu đánh giá tác động của du lịch lên đời sống kinh tế xã hội của cư dân địa phương tại bản Lô Lô Chải, xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang

Dựa trên nghiên cứu của Timothy và Said (2023) về nhận thức của cư dân đối với tác động của du lịch biển tại làng Nungwi (Zanzibar, Tanzania), mô hình nghiên cứu được xây dựng nhằm làm rõ mối quan hệ giữa các đặc điểm nhân khẩu - xã hội của cư dân và nhận thức của họ về các tác động của du lịch. Theo đó, ba nhóm tác động chính của du lịch được xem là biến phụ thuộc gồm: (1) tác động kinh tế, (2) tác động văn hóa - xã hội, và (3) tác động môi trường. Các biến này được đo lường bằng 24 biến trên thang đo Likert 5 mức, phản ánh cả khía cạnh tích cực và tiêu cực của du lịch đối với đời sống cộng đồng. Nhóm biến độc lập bao gồm thời gian cư trú, nghề nghiệp, giới tính, độ tuổi, tình trạng hôn nhân, trình độ học vấn và mức thu nhập của cư dân. Việc lựa chọn các biến này được kế thừa từ khung lý thuyết trao đổi xã hội (Social Exchange Theory), cho rằng cư dân sẽ ủng hộ du lịch khi họ cảm nhận lợi ích thu được lớn hơn chi phí phải chịu. Từ đó, mô hình nghiên cứu đề xuất mối quan hệ tổng quát giữa đặc điểm nhân khẩu - xã hội của cư dân và nhận thức của họ về tác động của du lịch theo ba khía cạnh kinh tế, văn hóa và môi trường, làm cơ sở cho việc phân tích và so sánh các nhóm cư dân trong nghiên cứu.

Tác giả luận văn cũng dựa trên mô hình Triple Bottom Line (TBL) cho thấy trong đánh giá phát triển bền vững cần dựa vào 3 trụ cột chính Kinh tế, Xã hội và Môi trường. Ngoài ra, tác giả luận văn cũng kế thừa và kết hợp nhiều khung lý luận đã được kiểm chứng trong các nghiên cứu trước, gồm:

Perceived Impacts of Tourism Model (Jurowski và Gursoy, 2004): Được coi là nền tảng học thuật phổ biến trong nghiên cứu đánh giá tác động du lịch, đánh giá nhận thức của cư dân trên 3 nhóm tác động: kinh tế, xã hội và môi trường. Mô hình đã được ứng dụng thành công trong nhiều nghiên cứu quốc tế và tại Việt Nam (Nguyễn Trọng Nhân, 2017).

Dựa trên lý thuyết đã tổng hợp trước đó, tác giả đưa ra khung lý thuyết đánh giá tác động của du lịch lên đời sống kinh tế xã hội của cư dân địa phương tại Lô Lô Chải như dưới đây:



Hình 1.4. Sơ đồ hóa khung lý thuyết của đề tài

Nguồn: Tổng hợp của tác giả luận văn

Kế thừa các mô hình và lý thuyết đã được kiểm chứng, khung nghiên cứu được đề xuất bảo đảm tính khoa học và phù hợp với bối cảnh Lô Lô Chải, Lũng Cú, Đồng Văn. Việc kết hợp lý thuyết trao đổi xã hội, Triple Bottom Line và mô hình nhận thức tác động du lịch giúp phân tích toàn diện mối quan hệ giữa đặc điểm nhân khẩu – xã hội và nhận thức của cư dân về các tác động kinh tế, xã hội và môi trường, làm cơ sở cho phân tích thực nghiệm ở các chương sau.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Chương I đã trình bày một cách hệ thống bức tranh tổng quan về các nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến tác động của du lịch đến đời sống kinh tế – xã hội của cộng đồng cư dân địa phương; đồng thời thiết lập cơ sở lý luận vững chắc làm nền tảng cho các chương tiếp theo.

Về mặt tổng quan nghiên cứu, chương 1 đã khái quát những công trình tiêu biểu cho thấy du lịch mang lại nhiều lợi ích tích cực, như nâng cao chất lượng cuộc sống, gìn giữ bản sắc văn hóa và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. Tuy nhiên, song song đó là những tác động tiêu cực không thể bỏ qua, bao gồm sự thương mại hóa văn hóa, bất bình đẳng trong phân phối lợi ích, gia tăng chi phí sinh hoạt và rủi ro từ tính thời vụ của ngành.

Về phương diện lý luận, chương 1 đã hệ thống hóa các khái niệm cốt lõi như du lịch, du lịch cộng đồng, quản lý điểm đến và các khung lý thuyết về tác động kinh tế – xã hội của du lịch. Những lý thuyết này không chỉ giúp giải thích bản chất và cơ chế tác động của du lịch, mà còn định hướng cách tiếp cận nghiên cứu phù hợp cho đề tài.

Từ nền tảng học thuật và lý luận đã trình bày, chương 1 đóng vai trò quan trọng trong xây dựng khung phân tích, xác định các khía cạnh cần khảo sát và tạo tiền đề cho triển khai các chương tiếp theo một cách chặt chẽ và có hệ thống.

CHƯƠNG 2. TỔNG QUAN ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

Trong chương này cũng như toàn bộ luận văn, một số địa danh, tên gọi đơn vị hành chính và chức danh quản lý nhà nước được sử dụng theo hệ thống hành chính mới sau khi thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số Nghị quyết 76/2025/UBTVQH15 có hiệu lực từ ngày 01/07/2025. Trong một số trường hợp, để bảo đảm tính thống nhất với tài liệu, số liệu và văn bản được thu thập trước thời điểm điều chỉnh, luận văn có thể đồng thời sử dụng tên gọi địa danh hoặc đơn vị hành chính theo hệ thống cũ nhằm thuận tiện cho việc đối chiếu và phân tích.

2.1.1. Đặc điểm địa lý và tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển du lịch

Vị trí địa lý

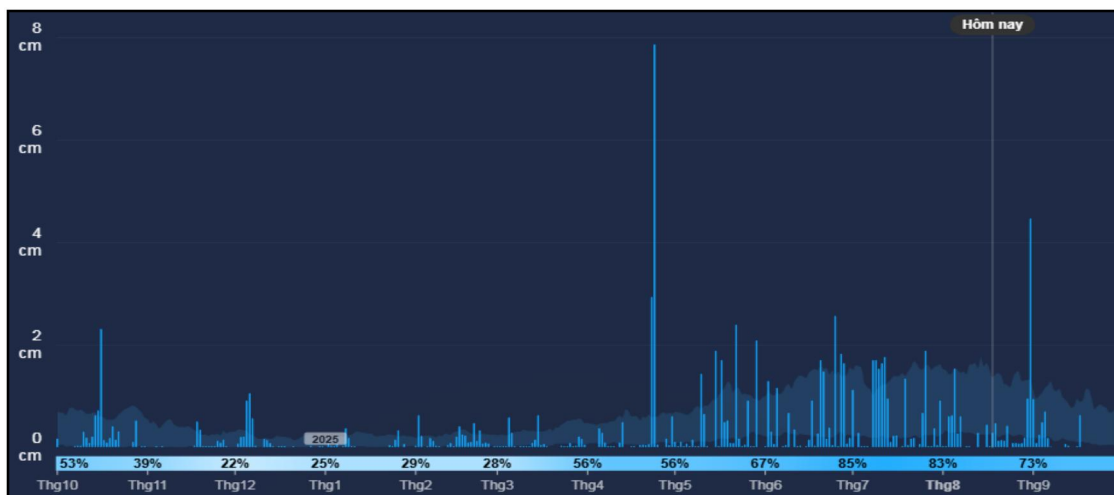
Bản Lô Lô Chải thuộc xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang cũ, nằm trong khu vực Cao nguyên đá Đồng Văn được UNESCO công nhận là Công viên Địa chất Toàn cầu vào năm 2010. Bản làng tọa lạc ở độ cao khoảng 1.200 mét so với mực nước biển, cách cột mốc cực Bắc Lũng Cú khoảng 3 km về phía Tây Nam.

Làng Lô Lô Chải có diện tích khoảng 1,27km², có ranh giới phía Bắc giáp biên giới Việt Nam - Trung Quốc, phía Đông giáp trung tâm xã Lũng Cú, phía Tây và Nam giáp các bản làng khác của xã. Bản Lô Lô Chải cách trung tâm huyện Đồng Văn khoảng 25 km theo đường bộ, cách thành phố Hà Giang khoảng 165 km và cách Thủ đô Hà Nội khoảng 450 km.

Địa hình của bản làng mang đặc trưng của vùng núi đá vôi điển hình với địa hình karst phức tạp, có nhiều thung lũng nhỏ xen kẽ với các dãy núi đá. Độ dốc trung bình của địa hình từ 15-25 độ, có những khu vực dốc hơn 30 độ. Đặc điểm địa hình này tạo nên cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, nhưng cũng gây khó khăn cho việc phát triển giao thông và các hoạt động kinh tế.

Điều kiện tự nhiên

Khí hậu tại bản Lô Lô Chải mang tính chất khí hậu cận nhiệt đới gió mùa vùng núi cao, với hai mùa rõ rệt. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 9 với lượng mưa trung bình khoảng 1.600-1.800mm/năm. Mùa khô từ tháng 10 năm trước đến tháng 4 năm sau, có thời tiết mát mẻ và ít mưa. Nhiệt độ trung bình năm dao động từ 18-22°C, mùa đông có thể xuống dưới 0°C và thỉnh thoảng có băng giá.



Hình 2.1. Biểu đồ lượng mưa bản Lô Lô Chải năm 2024-2025

Nguồn: Ủy ban nhân dân xã Lũng Cú

Tài nguyên đất đai chủ yếu là đất feralit vàng đỏ phát triển trên nền đá vôi, có độ dày tương đối mỏng và độ phì nhiêu trung bình. Do địa hình dốc và tính chất đất đá vôi, diện tích đất canh tác có hạn, chủ yếu tập trung ở các thung lũng nhỏ và sườn núi có độ dốc vừa phải.

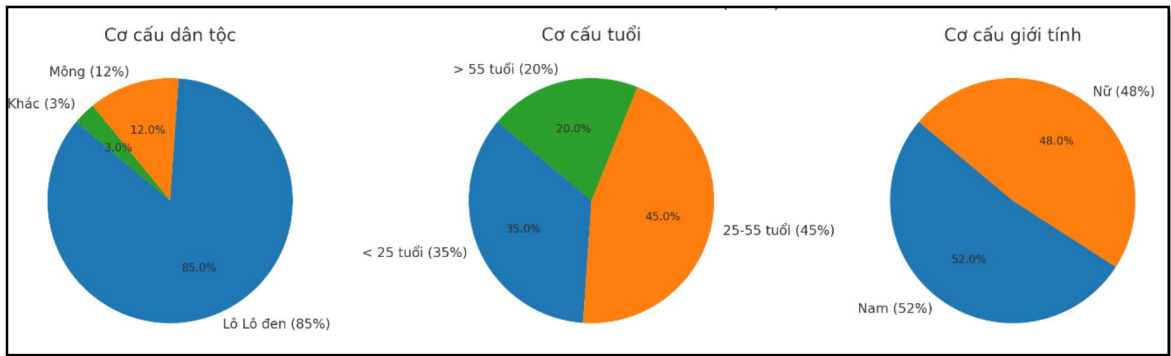
Thảm thực vật tự nhiên bao gồm rừng lá rộng hỗn hợp cây lá kim, song đã bị tác động mạnh bởi hoạt động của con người. Hiện tại, phần lớn diện tích là rừng thứ sinh và cây bụi, xen kẽ với các khu vực trồng trọt và chăn nuôi của người dân.

Nguồn nước chủ yếu từ nước mưa và các suối nhỏ chảy theo các khe núi. Trong mùa khô, nguồn nước trở nên khan hiếm, ảnh hưởng đến sinh hoạt và sản xuất của người dân. Đây cũng là một trong những thách thức đối với việc phát triển du lịch tại địa phương.

2.1.2. Đặc điểm dân cư và xã hội

Cơ cấu dân số

Theo số liệu thống kê năm 2025, bản Lô Lô Chải có 120 hộ gia đình với tổng số 526 nhân khẩu. Cơ cấu dân tộc chủ yếu là người Lô Lô đen chiếm khoảng



98%, người Mông chiếm 2% . Điều đặc biệt là bản Lô Lô Chải là một trong số ít cộng đồng người Lô Lô đen còn sinh sống tập trung và giữ gìn được nhiều nét văn hóa truyền thống.

Hình 2.2. Cơ cấu dân số bản Lô Lô Chải

Nguồn: Ủy ban nhân dân xã Lũng Cú

Cơ cấu tuổi của dân số tương đối trẻ với 35% dân số dưới 25 tuổi, 45% từ 25-55 tuổi và 20% trên 55 tuổi. Tỷ lệ nam/nữ tương đối cân bằng với 52% nam và 48% nữ. Quy mô hộ gia đình trung bình là 4 người/hộ, phù hợp với đặc điểm của các gia đình nông thôn vùng núi.

Về trình độ học vấn, khoảng 40% dân số có trình độ tiểu học và trung học cơ sở, 35% có trình độ trung học phổ thông, 20% chưa đi học hoặc chỉ biết chữ và chỉ có 5% có trình độ từ trung cấp trở lên. Tỷ lệ mù chữ trong người cao tuổi còn khá cao, đặc biệt là phụ nữ trên 50 tuổi.

Đặc điểm kinh tế - xã hội

Nghề nghiệp chính của người dân là nông nghiệp, chủ yếu trồng ngô, khoai lang, rau màu và chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô nhỏ. Ngoài ra, nghề dệt vải, thêu thùa truyền thống vẫn được duy trì, chủ yếu phục vụ nhu cầu trong gia đình và gần đây bắt đầu có giá trị kinh tế thông qua bán cho khách du lịch.

Mức thu nhập bình quân của một hộ gia đình dao động từ 25-35 triệu đồng/năm, chủ yếu từ hoạt động nông nghiệp và chăn nuôi. Trong những năm gần đây, du lịch đã trở thành nguồn thu nhập bổ sung quan trọng cho nhiều hộ gia đình, theo thống kê hiện nay có 62 hộ gia đình kinh doanh homestay và ăn uống, 5 hộ kinh doanh các dịch vụ bổ sung như spa, gội đầu chiếm khoảng 60% hộ có thu nhập từ các hoạt động liên quan đến du lịch như homestay, bán hàng thủ công, hướng dẫn du lịch.

Cơ sở hạ tầng xã hội đã được cải thiện đáng kể với việc có điện lưới quốc gia từ năm 2008, đường giao thông được cải tạo và nâng cấp. Tuy nhiên, các dịch vụ y tế, giáo dục, thông tin liên lạc vẫn còn hạn chế và phụ thuộc vào trung tâm xã.

2.1.3. Tài nguyên văn hóa đặc sắc của Lô Lô Chải

Người Lô Lô đen là một nhánh của dân tộc Lô Lô, thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến. Theo các nghiên cứu dân tộc học, tổ tiên của người Lô Lô có nguồn gốc từ vùng Vân Nam (Trung Quốc) và di cư vào Việt Nam từ khoảng thế kỷ 18-19. Quá trình di cư diễn ra qua nhiều đợt, với những lý do khác nhau như tránh chiến tranh, tìm kiếm đất sản xuất và di chuyển theo tuyến thương mại. Cộng đồng người Lô Lô tại bản Lô Lô Chải được hình thành từ khoảng đầu thế kỷ 20 khi các gia đình người Lô Lô đen từ các khu vực khác di cư đến và định cư. Họ đã chọn vị trí này do điều kiện địa hình thuận lợi cho việc canh tác và phòng thủ, cũng như gần các tuyến đường thương mại với Trung Quốc.

2.1.3.1. Nhà truyền thống của người Lô Lô

Kiến trúc truyền thống của người Lô Lô đen tại bản Lô Lô Chải là nhà trình tường, mái lợp ngói, một dạng kiến trúc độc đáo.



Hình 2.3. Nhà Trình tường

Nguồn: Tác giả luận văn

Nhà của người Lô Lô chủ yếu được xây dựng bằng đất sét và đất thịt, tường rào được làm bằng đá xanh. Qua thời gian, những bức tường đất đã bắt đầu xuất hiện vết nứt, tạo nên những khe rạn giống như chân chim.

Cầu thang trong những ngôi nhà này đơn giản nhưng rất chắc chắn. Hầu hết các ngôi nhà đều có một gác xép để lưu trữ lương thực. Nhà của người Lô Lô thường có hai cửa ra vào: một cửa chính ở gian giữa và một cửa phụ ở gian bên trái, dẫn ra khu vườn. Trên mỗi cánh cửa, người dân thường dán các lá bùa có ký tự và hình vẽ đặc trưng trên giấy hồng điều để xua đuổi tà ma. Nội thất trong nhà không có vách ngăn mà thay vào đó là những tấm vải để chia không gian.

Kiến trúc nhà ở của người Lô Lô khá đơn giản với ba gian chính, không có phân trái và hai vì kèo gỗ. Kèo gỗ này được gác lên tường mà không cần trụ cột. Gỗ sử dụng để xây dựng thường là các loại gỗ cứng, bền như thông đá, sa mộc. Trước buồng ngủ của vợ chồng là bếp nấu ăn và nấu rượu, còn buồng của con cái có bếp sưởi và cầu thang lên gác. Cầu thang được làm từ gỗ hoặc tre với khoảng 9-11 bậc.

Bên cạnh những ngôi nhà có hàng rào đá, ngày nay cũng xuất hiện những ngôi nhà có hàng rào xây bằng trình tường. Mặc dù việc xây dựng nhà trình tường khá tốn kém, nhưng hơn nửa số ngôi nhà tại Lô Lô Chải hiện nay đã được làm từ gạch và lợp tôn xi măng.

2.1.3.2. Trang phục truyền thống của người Lô Lô

Trang phục truyền thống của người Lô Lô Đen tại Lũng Cú, Hà Giang, không chỉ phản ánh thẩm mỹ mà còn mang đậm giá trị văn hóa, tín ngưỡng và bản sắc dân tộc. Phụ nữ Lô Lô Đen thường mặc áo có cổ vuông hoặc xẻ ngực, màu đen/chàm là chủ đạo, với các chi tiết thêu tinh xảo, màu sắc nổi bật như đỏ, vàng, xanh, tạo thành các họa tiết hình vuông, tam giác quanh thân áo và tay áo. Váy của phụ nữ gồm nhiều lớp, thường có hoa văn trang trí, kết hợp với tạp dề và các phụ kiện bạc như vòng cổ, vòng tay, khuyên tai. Khăn đội đầu là một phần không thể thiếu, thường là khăn đen có họa tiết đặc biệt. Đối với nam giới, trang phục thường giản dị hơn với áo dài đến đầu gối, quần rộng và khăn quấn đầu.

Các họa tiết và màu sắc trong trang phục mang những thông điệp về sự may mắn, bảo vệ khỏi tà ma, và thể hiện sự gắn kết với thiên nhiên, tín ngưỡng. Trang phục không chỉ có giá trị thẩm mỹ mà còn là phương tiện bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của cộng đồng Lô Lô Đen, đồng thời góp phần nâng cao giá trị du lịch và phát triển kinh tế tại địa phương. Năm 2022, nghệ thuật trang trí trang phục của người Lô Lô đen đã được Nhà nước công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.



Hình 2.4. Trang phục truyền thống của dân tộc Lô Lô Đen tại Lô Lô Chải

Nguồn ảnh: Thông tấn xã Việt Nam

2.1.3.3. Tín ngưỡng, phong tục

Văn hóa của người Lô Lô Đen là sự hòa quyện giữa các yếu tố thiên nhiên và tín ngưỡng tâm linh. Một trong những đặc trưng nổi bật là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Người Lô Lô Đen tin rằng tổ tiên luôn giám sát và bảo vệ con cháu, do đó,

các nghi lễ cúng tổ tiên được tổ chức đều đặn vào các dịp quan trọng trong năm, với lễ vật dâng lên gồm gạo, thịt gia súc và các sản phẩm nông sản truyền thống.

Ngoài việc thờ cúng tổ tiên, người Lô Lô Đen còn thực hiện các lễ hội nông nghiệp, đặc biệt là lễ cầu mưa, nhằm cầu xin sự thuận lợi cho mùa màng, đảm bảo sinh kế cho cộng đồng. Lễ hội này không chỉ mang tính tín ngưỡng mà còn là dịp để gắn kết các thành viên trong cộng đồng, thể hiện sự đoàn kết và tinh thần chung sức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Các nghi lễ như vậy thường đi kèm với những hoạt động dân gian đặc sắc như múa sạp, kéo co và đánh cầu. Đây là những trò chơi không chỉ mang tính giải trí mà còn phản ánh sự khéo léo, sức mạnh và sự gắn kết của cộng đồng.

Mặt khác, điệu múa truyền thống của người Lô Lô Đen, thường được biểu diễn trong các lễ hội, mang đậm dấu ấn của thiên nhiên và đời sống lao động, những điệu múa đơn giản, thể hiện sự biết ơn đối với thiên nhiên và các vị thần bảo vệ cuộc sống. Các điệu múa này là phương thức giao tiếp với các thế lực siêu nhiên, cầu mong sự an lành cho bản làng.

Như vậy, tín ngưỡng và lễ hội truyền thống của người Lô Lô Đen ở Lô Lô Chải không chỉ phản ánh đời sống tâm linh mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa, đồng thời góp phần xây dựng mối quan hệ bền chặt giữa con người và thiên nhiên. Những giá trị này không chỉ được bảo tồn qua các thế hệ mà còn tiếp tục là nền tảng cho sự phát triển du lịch cộng đồng.

2.2. Lựa chọn phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, phương pháp nghiên cứu được lựa chọn kết hợp giữa phân tích dữ liệu thứ cấp và phân tích dữ liệu sơ cấp, nhằm thu thập thông tin đa chiều và cung cấp cái nhìn toàn diện về tác động của du lịch đối với đời sống kinh tế - xã hội của cư dân địa phương.

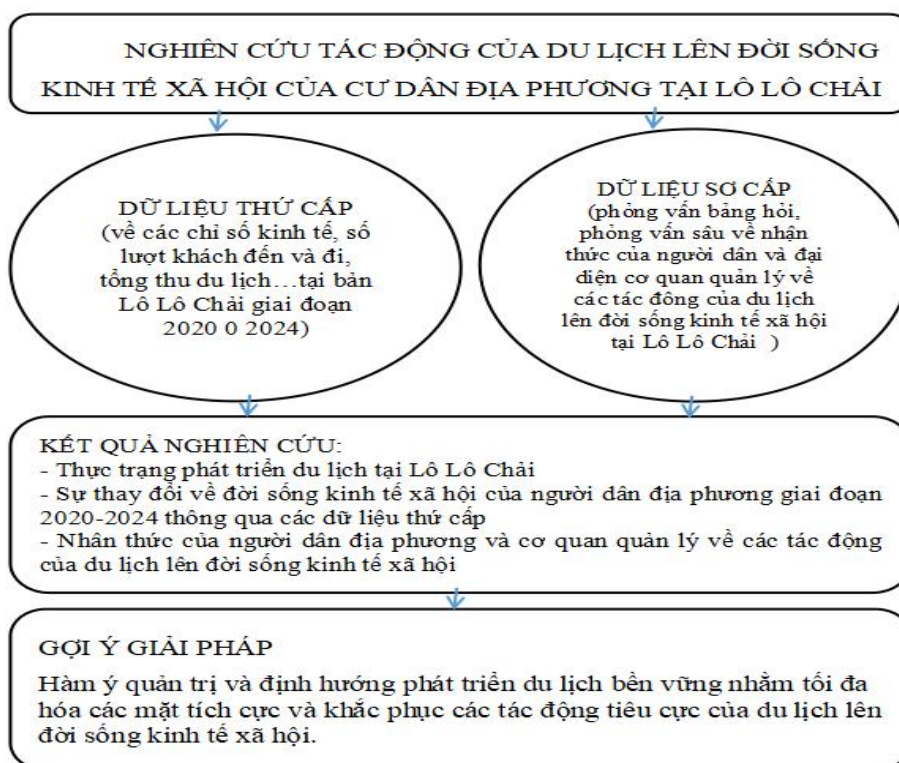
Phân tích dữ liệu thứ cấp sẽ được thực hiện thông qua việc thu thập và phân tích các số liệu liên quan đến kinh tế, xã hội của Lô Lô Chải từ các nguồn tài liệu có sẵn như báo cáo của các cơ quan quản lý nhà nước, các nghiên cứu trước đây, thống kê từ các cơ quan chính phủ, và các bài viết trên báo chí. Việc sử dụng

dữ liệu thứ cấp sẽ giúp tái hiện bức tranh tổng thể về tình hình phát triển du lịch tại đây qua các năm, đồng thời làm nền tảng để đánh giá sự thay đổi trong các yếu tố kinh tế và xã hội dưới tác động của du lịch.

Phân tích dữ liệu sơ cấp sẽ được thực hiện thông qua khảo sát bằng bản hỏi kết hợp với phỏng vấn sâu đối với cư dân địa phương với đại diện là các hộ dân có kinh doanh du lịch và các hộ không kinh doanh du lịch. Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi sẽ cung cấp dữ liệu định lượng về các nhận thức của cư dân về tác động của du lịch. Phỏng vấn sâu sẽ cho phép thu thập các thông tin chi tiết hơn, nhằm khám phá những yếu tố xã hội và văn hóa mà bảng hỏi không thể lột tả hết, chẳng hạn như nhận thức của cư dân về những thay đổi trong lối sống, tác động môi trường và sự tương tác giữa khách du lịch và cộng đồng.

Sau khi thu thập dữ liệu từ cả hai nguồn trên, phân tích kết hợp giữa dữ liệu thứ cấp và sơ cấp để đánh giá một cách toàn diện về các tác động của du lịch đối với đời sống kinh tế - xã hội của cư dân địa phương ở Lô Lô Chải. Sự kết hợp này giúp đảm bảo tính đầy đủ và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu, đồng thời cung cấp một cái nhìn sâu sắc và khách quan hơn về tác động của du lịch trong bối cảnh địa phương cụ thể.

Với việc lựa chọn kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, nghiên cứu này hy vọng sẽ cung cấp cái nhìn rõ ràng và toàn diện về tác động của du lịch đối với đời sống cư dân tại Lô Lô Chải, đồng thời đưa ra các đề xuất và hàm ý quản trị nhằm thúc đẩy phát triển du lịch bền vững tại địa phương.



Hình 2.5. Sơ đồ hóa phương pháp nghiên cứu của đề tài

Nguồn: Tổng hợp của tác giả luận văn

2.3. Quy trình nghiên cứu tổng thể

Quy trình nghiên cứu của luận văn gồm bốn giao đoạn gồm: Nghiên cứu tổng hợp tài liệu thứ cấp để xác định vấn đề nghiên cứu; Xây dựng khung lý thuyết và thang đo; Lấy mẫu và thu thập dữ liệu, phân tích; và Bàn luận kết quả nghiên cứu và đưa ra đề xuất giải pháp

Quy trình nghiên cứu được thực hiện theo các bước như sau:

Bước 1. Tổng quan lý thuyết và xây dựng khung nghiên cứu

Để hình thành cơ sở khoa học cho nghiên cứu về nhận thức của cư dân địa phương đối với tác động của du lịch, đề tài kế thừa và tổng hợp từ các lý thuyết và mô hình kinh điển trong lĩnh vực quản lý điểm đến và tâm lý xã hội học du lịch.

Thứ nhất, nghiên cứu vận dụng mô hình “Perceived Impacts of Tourism” của **Halim và cộng sự (2022)**, trong đó nhấn mạnh rằng nhận thức của cư dân về tác động của du lịch là kết quả của quá trình trao đổi xã hội giữa lợi ích mà họ nhận được và chi phí mà họ phải gánh chịu. Theo mô hình này, cư dân có xu hướng đánh

giá tích cực về du lịch khi họ cảm thấy các lợi ích kinh tế, xã hội - văn hóa và môi trường vượt trội so với những ảnh hưởng tiêu cực. Các nhóm tác động thường được chia thành:

Tác động kinh tế: cơ hội việc làm, thu nhập, phát triển cơ sở hạ tầng, và thu hút đầu tư.

Tác động xã hội: giao lưu văn hóa, thay đổi lối sống, bảo tồn hay mai một bản sắc địa phương.

Tác động môi trường: cải thiện cảnh quan, ô nhiễm, hoặc quá tải tài nguyên.

Thứ hai, nghiên cứu cũng tham khảo thực nghiệm của Timothy & Said (2023) về nhận thức của người dân địa phương về tác động của du lịch đến cộng đồng địa phương tại Tanzania. Tác giả luận văn đã kế thừa khung lý thuyết Social Exchange và áp dụng các nhóm biến đo lường cụ thể cho bối cảnh, bao gồm: lợi ích kinh tế, tác động xã hội, môi trường. Đây là nguồn tham chiếu quan trọng giúp điều chỉnh thang đo cho phù hợp với đặc điểm văn hóa - xã hội của cộng đồng người Lô Lô tại Hà Giang.

Trên cơ sở tổng hợp các lý thuyết và kết quả thực nghiệm nói trên, khung nghiên cứu đề xuất hướng đến việc đánh giá các tác động của du lịch lên đời sống kinh tế và xã hội của cư dân địa phương tại Lô Lô Chải và kiểm tra, so sánh, đối chiếu với nhận thức của cư dân Lô Lô Chải về tác động của du lịch lên đời sống kinh tế và xã hội, với ba nhóm nhân tố chính:

Tác động kinh tế: Bao gồm các khía cạnh như cải thiện thu nhập, tạo cơ hội việc làm cho người dân địa phương, tăng hoạt động thương mại và đầu tư, cũng như phát triển hạ tầng công cộng.

Tác động xã hội: Đề cập đến sự thay đổi trong lối sống, mối quan hệ cộng đồng, bảo tồn hoặc mai một bản sắc văn hóa truyền thống và sự giao thoa giữa văn hóa bản địa với văn hóa ngoại lai từ khách du lịch với khách du lịch.

Tác động môi trường : Nhận thức của người dân về những biến đổi môi trường do hoạt động du lịch như ô nhiễm, rác thải, khai thác tài nguyên, hoặc bảo tồn cảnh quan tự nhiên.

Mỗi nhóm biến được đo lường bằng thang Likert 5 mức, kế thừa từ các nghiên cứu của Halim và cộng sự (2022), Vedastus Lyaya Timothy, 2023; đồng thời được điều chỉnh phù hợp với ngữ cảnh văn hóa và đặc điểm kinh tế - xã hội của cộng đồng tại Lô Lô Chải tại Hà Giang.

Bước 2. Thu thập và tổng hợp dữ liệu thứ cấp

Để đảm bảo tính khách quan và đa chiều trong việc đánh giá tác động của du lịch đối với đời sống kinh tế - xã hội của cư dân địa phương tại Lô Lô Chải, nghiên cứu tiến hành thu thập và tổng hợp dữ liệu thứ cấp từ các nguồn thông tin chính thống và đáng tin cậy. Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức chuyên ngành, phòng văn hóa, thông tin xã Lũng Cú cung cấp dữ liệu liên quan đến hoạt động du lịch trên địa bàn bản Lô Lô Chải, cung cấp số liệu cụ thể theo từng năm về lượng khách du lịch, doanh thu từ hoạt động du lịch, cơ cấu lao động tham gia lĩnh vực dịch vụ du lịch, và thu nhập bình quân của người dân địa phương.

Các chỉ số được lựa chọn nhằm phản ánh quá trình phát triển của du lịch và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng cư dân, bao gồm:

- Tổng số khách du lịch qua các năm: thể hiện quy mô và tốc độ tăng trưởng của hoạt động du lịch tại địa phương, là chỉ báo quan trọng phản ánh mức độ thu hút của điểm đến Lô Lô Chải.

- Tổng thu nhập từ hoạt động du lịch qua các năm: cho thấy giá trị kinh tế mà ngành Du lịch đóng góp cho địa phương; đồng thời phản ánh sự lan tỏa của du lịch đến các ngành nghề liên quan (lưu trú, ăn uống, vận tải, hàng lưu niệm...).

- Thu nhập bình quân đầu người của cư dân qua các năm: dùng để đánh giá sự cải thiện đời sống kinh tế của người dân trong bối cảnh phát triển du lịch, qua đó so sánh với mức trung bình của huyện và tỉnh để xác định tác động tương đối.

- Số lượng hộ dân tham gia kinh doanh dịch vụ du lịch qua các năm: phản ánh mức độ tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch (như dịch vụ homestay, ăn uống, hướng dẫn, vận chuyển, bán hàng lưu niệm), từ đó cho thấy vai trò của du lịch trong tạo việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động tại địa phương.

Các dữ liệu thứ cấp trên sẽ được tổng hợp, xử lý và phân tích theo chuỗi thời gian nhằm: Xác định xu hướng phát triển của du lịch tại Lô Lô Chải; Đánh giá mối tương quan giữa tăng trưởng du lịch và các biến kinh tế - xã hội; Làm cơ sở so sánh với dữ liệu sơ cấp thu thập từ khảo sát nhận thức cư dân, qua đó kiểm chứng sự phù hợp giữa tác động thực tế và tác động cảm nhận của người dân địa phương.

Bước 3. Xây dựng bảng hỏi và bảng phỏng vấn

Khảo sát sơ cấp được tiến hành nhằm thu thập dữ liệu trực tiếp từ cư dân địa phương tại Lô Lô Chải để đánh giá nhận thức của người dân về tác động của hoạt động du lịch đối với đời sống kinh tế, xã hội, và môi trường. Dữ liệu này giúp phản ánh quan điểm chủ quan của cư dân, những người trực tiếp chịu ảnh hưởng và đồng thời cũng là chủ thể tham gia vào quá trình phát triển du lịch cộng đồng.

Thiết kế bảng hỏi định lượng dựa trên các thang đo lý thuyết. Thang đo Likert 5 điểm được sử dụng cho phần nhận thức tác động. Nội dung bảng hỏi bao gồm: tác động kinh tế, tác động xã hội và môi trường theo từng nhóm nghề nghiệp của mỗi gia đình.

Bước 4. Tiến hành khảo sát bằng bản hỏi và phỏng vấn cộng đồng địa phương tại Lô Lô Chải

Mẫu khảo sát dự kiến là 120 mẫu tương ứng với tổng số 120 hộ dân sinh sống tại Lô Lô Chải bao gồm cả nhóm có tham gia và không tham gia hoạt động du lịch

Hình thức khảo sát: khảo sát trực tiếp kết hợp hướng dẫn phỏng vấn sâu để đảm bảo độ chính xác thông tin.

Bước 5. Thảo luận kết quả và đề xuất giải pháp

So sánh kết quả khảo sát với dữ liệu thứ cấp đã thu thập. Đưa ra các đánh giá toàn diện về tác động của du lịch lên kinh tế và xã hội tại địa phương. Đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm phát triển du lịch bền vững tại Lô Lô Chải.

2.4. Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp

Dữ liệu thứ cấp trong nghiên cứu được thu thập từ nhiều nguồn đáng tin cậy nhằm phục vụ cho việc phân tích sự thay đổi về kinh tế và xã hội dưới tác động của

hoạt động du lịch tại Lô Lô Chải. Các nguồn dữ liệu bao gồm các tài liệu thống kê chính thức: số liệu từ niên giám thống kê tỉnh Hà Giang, báo cáo kinh tế - xã hội của UBND xã Lũng Cú; báo cáo hoạt động du lịch của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hà Giang. Báo cáo nghiên cứu, đề tài khoa học: các nghiên cứu trước đó liên quan đến phát triển du lịch cộng đồng, du lịch vùng cao, du lịch bền vững và tác động của du lịch đến đời sống cư dân tại các địa phương, quốc gia khác. Đồng thời các nguồn thông tin từ báo chí, website, và các kênh truyền thông: phản ánh xu hướng phát triển du lịch, số lượng khách du lịch, doanh thu du lịch và các tác động đi kèm trong giai đoạn gần đây.

Việc thu thập dữ liệu thứ cấp giúp cung cấp cái nhìn tổng quan về thực trạng phát triển du lịch tại Lô Lô Chải, làm cơ sở tham chiếu cho việc thiết kế bộ công cụ khảo sát sơ cấp và kiểm chứng các giả thuyết nghiên cứu.

2.5. Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp

2.5.1. Phỏng vấn bằng bảng hỏi

2.5.1.1. Mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu được lựa chọn theo phương pháp điều tra toàn bộ (điều tra tổng thể), với đối tượng khảo sát là đại diện cho 120 hộ dân đang sinh sống tại bản Lô Lô Chải, mỗi một người dân là đại diện cho gia đình của họ sẽ tương đương với một mẫu khảo sát. Việc lựa chọn toàn bộ các hộ dân làm mẫu nghiên cứu nhằm phản ánh đầy đủ và toàn diện nhận thức, đánh giá của cộng đồng địa phương về các tác động của du lịch đến đời sống kinh tế - xã hội tại địa bàn nghiên cứu.

Do quy mô dân cư của bản Lô Lô Chải không lớn, việc tiến hành khảo sát toàn bộ các hộ dân là khả thi và giúp hạn chế sai lệch mẫu, đồng thời nâng cao độ tin cậy và tính đại diện của kết quả nghiên cứu. Các hộ dân tham gia khảo sát bao gồm cả nhóm có và không tham gia trực tiếp vào các hoạt động du lịch, qua đó bảo đảm tính đa dạng trong nhận thức và trải nghiệm của cư dân địa phương

2.5.1.2. Xây dựng thang đo và các mệnh đề đo lường

Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 mức để đo lường mức độ nhận thức của cư dân địa phương đối với các tác động của du lịch đến đời sống kinh tế, xã hội.

Đây là thang đo được sử dụng phổ biến trong các nghiên cứu khoa học xã hội, cho phép người trả lời thể hiện mức độ đồng ý của mình đối với các phát biểu do nhà nghiên cứu xây dựng.

Thang đo Likert trong nghiên cứu này gồm 5 mức độ, từ 1 – Rất không đồng ý; 2 - Không đồng ý; 3 - Trung lập; 4 - Đồng ý; 5 - Rất đồng ý. Việc sử dụng thang đo Likert 5 điểm giúp dữ liệu dễ thu thập, dễ xử lý và phù hợp cho các phương pháp phân tích đa biến, đồng thời phản ánh tương đối đầy đủ và toàn diện mức độ đánh giá của người trả lời.

Bảng 2.1. Khung tiêu chí đánh giá của đề tài

Nội dung	Nguồn
Du lịch thúc đẩy phát triển kinh doanh nhỏ và dịch vụ.	Timothy (2023)
Du lịch đã làm tăng cơ hội việc làm cho cư dân địa phương.	Timothy (2023)
Du lịch đã làm tăng mức lương của người lao động địa phương.	Timothy (2023)
Du lịch đã làm tăng thu nhập của cư dân.	Timothy (2023)
Du lịch đã cải thiện mức sống của cư dân.	Timothy (2023)
Du lịch đã làm tăng sự chênh lệch thu nhập.	Timothy (2023)
Du lịch đã làm tăng chi phí sinh hoạt cho cư dân.	Timothy (2023)
Du lịch đã cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, y tế, nước, điện và an ninh cho cư dân.	Timothy (2023)
Du lịch thúc đẩy các nghề thủ công.	Timothy (2023)
Du lịch đã làm tăng niềm tự hào của cư dân về văn hóa địa phương.	Timothy (2023)
Du lịch đã nâng cao việc bảo tồn các phong tục và văn hóa địa phương.	Timothy (2023)
Du lịch làm tăng tinh thần đoàn kết trong bản.	Timothy (2023)
Du lịch khiến đời sống riêng tư bị xâm phạm bởi khách du lịch.	Timothy (2023)
Du lịch đã làm tăng sự suy giảm văn hóa truyền thống.	Timothy (2023)

Nội dung	Nguồn
Du lịch đã làm tăng sự suy thoái đạo đức, gia tăng các tệ nạn xã hội như tội phạm, sử dụng ma túy và mại dâm.	Timothy (2023)
Du lịch đã làm tăng nhận thức của cư dân về bảo tồn môi trường tự nhiên.	Timothy (2023)
Du lịch tạo ra động lực cho bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.	Timothy (2023)
Du lịch đã làm tăng sự phá hủy thực vật và nạn phá rừng.	Timothy (2023)
Du lịch đã làm tăng ô nhiễm nước.	Timothy (2023)
Du lịch đã làm tăng lượng rác thải.	Timothy (2023)

Nguồn: Tổng hợp của tác giả luận văn

2.5.1.3. Hiệu chỉnh ngôn ngữ thang đo trong bối cảnh nghiên cứu thực địa

Thang đo sử dụng trong nghiên cứu này được tham khảo từ các nghiên cứu trước, đặc biệt là nghiên cứu của Timothy & Said (2023), sau đó được lựa chọn và điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu nghiên cứu về tác động của du lịch đến đời sống kinh tế – xã hội của cư dân tại bản Lô Lô Chải. Tuy nhiên, do bối cảnh nghiên cứu là một cộng đồng dân tộc thiểu số có đặc trưng văn hóa, ngôn ngữ và cách diễn đạt riêng, tác giả xác định rằng việc tiếp nhận nguyên dạng các phát biểu học thuật từ nghiên cứu quốc tế là không phù hợp. Vì vậy, thang đo được hiệu chỉnh chủ yếu ở cấp độ ngôn ngữ diễn đạt nhằm bảo đảm tính dễ hiểu đối với người trả lời.

Cụ thể, các mệnh đề đo lường không được sử dụng theo lối dịch thuật nguyên văn mà được chuyển thành những phát biểu ngắn gọn, gần gũi với đời sống thường ngày của cư dân địa phương. Những thuật ngữ mang tính khái quát như “tác động kinh tế”, “tác động xã hội”, “mức sống”, “bảo tồn văn hóa”, “cơ hội việc làm” hay “chênh lệch thu nhập” được diễn giải lại bằng các biểu hiện cụ thể gắn với trải nghiệm sinh kế, đời sống gia đình và biến đổi xã hội mà người dân có thể trực tiếp cảm nhận. Cách hiệu chỉnh này nhằm giảm thiểu khả năng người trả lời hiểu sai hoặc hiểu không đầy đủ nội dung của các biến đo lường.

Trong quá trình khảo sát chính thức, tác giả không áp dụng hình thức phát phiếu tự điền hoàn toàn, mà thực hiện khảo sát trực tiếp tại từng hộ dân, kết hợp giải thích miệng đối với những nội dung người trả lời chưa thực sự nắm rõ. Đối với các trường hợp người cao tuổi hoặc người có hạn chế trong việc tiếp nhận ngôn ngữ học thuật, tác giả sử dụng cách diễn đạt thay thế bằng lời nói thông dụng, đồng thời kiểm tra lại sự hiểu của người trả lời trước khi ghi nhận phương án lựa chọn. Theo cách này, việc bảo đảm tính phù hợp của thang đo được thực hiện ngay trong tiến trình khảo sát thực địa, thay vì chỉ dừng ở khâu thiết kế bảng hỏi trên giấy.

Có thể thấy, trong bối cảnh nghiên cứu tại cộng đồng dân tộc thiểu số, thách thức lớn không nằm ở việc lựa chọn mô hình thang đo quốc tế, mà ở khả năng chuyển hóa thang đo đó thành ngôn ngữ khảo sát phù hợp với đặc điểm nhận thức và văn hóa địa phương. Đây cũng là cơ sở để tác giả kiểm soát chất lượng dữ liệu sơ cấp và nâng cao tính thích ứng ngữ cảnh của công cụ nghiên cứu.

2.5.2. Phỏng vấn sâu

Bên cạnh phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, nghiên cứu luận văn sử dụng phỏng vấn sâu như một kỹ thuật nghiên cứu định tính nhằm bổ trợ và làm rõ các kết quả thu được từ phân tích định lượng. Phương pháp này cho phép khai thác thông tin chuyên sâu về nhận thức, trải nghiệm và cách đánh giá của cư dân địa phương đối với những tác động của du lịch đến đời sống kinh tế - xã hội tại địa bàn nghiên cứu.

Đối tượng phỏng vấn bao gồm đại diện các hộ dân tham gia trực tiếp và không tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch; đồng thời mở rộng đến một số cán bộ địa phương có liên quan nhằm đảm bảo tính đa chiều của nguồn thông tin. Nội dung phỏng vấn tập trung vào các vấn đề như sự thay đổi sinh kế, thu nhập, đời sống xã hội, văn hóa cộng đồng, cũng như mức độ hài lòng và thái độ của cư dân trước sự phát triển du lịch. Dữ liệu thu thập từ phỏng vấn sâu được sử dụng để đối chiếu, bổ sung và giải thích kết quả nghiên cứu định lượng, qua đó góp phần nâng cao độ tin cậy và tính toàn diện của nghiên cứu.

Quá trình khảo sát được tiến hành theo hình thức trực tiếp tại địa bàn, kết hợp giữa phát bảng hỏi và trao đổi ngắn với người trả lời để làm rõ nội dung câu hỏi khi cần thiết. Cách tiếp cận này được lựa chọn nhằm nâng cao độ chính xác của thông tin thu thập được, đồng thời phù hợp với đặc điểm dân cư tại Lô Lô Chải, nơi trình độ học vấn, mức độ tham gia du lịch và khả năng tiếp cận các thuật ngữ nghiên cứu giữa các nhóm hộ có sự khác biệt nhất định. Trong quá trình tiếp cận từng hộ, tác giả không chỉ phát phiếu khảo sát mà còn chủ động giới thiệu mục đích nghiên cứu, giải thích ngắn gọn nội dung bảng hỏi, thời gian trả lời và nguyên tắc bảo mật thông tin, từ đó tạo tâm lý hợp tác và giảm bớt sự e ngại của người cung cấp thông tin.

Nhóm các câu hỏi phỏng vấn sâu:

+ Nhóm câu hỏi về tác động kinh tế: Thúc đẩy phát triển kinh doanh nhỏ, tăng cơ hội việc làm, tăng thu nhập, cải thiện mức sống...

+ Nhóm câu hỏi về tác động xã hội: niềm tự hào văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, đời sống thường ngày...

+ Nhóm câu hỏi về tác động môi trường: ý thức bảo vệ môi trường, ô nhiễm nguồn nước, tăng lượng rác thải...

Bên cạnh điều tra bằng bảng hỏi, nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu nhằm thu thập dữ liệu định tính để bổ trợ, giải thích và kiểm chứng các kết quả định lượng. Trong nghiên cứu này, tác giả thực hiện 19 cuộc phỏng vấn sâu với các nhóm đối tượng khác nhau tại bản Lô Lô Chải, bao gồm: đại diện các hộ dân tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch; đại diện các hộ dân không tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch; và một số cán bộ địa phương, cán bộ quản lý có liên quan đến phát triển du lịch tại địa bàn. Việc lựa chọn các nhóm này nhằm bảo đảm tính đa chiều của nguồn thông tin, đồng thời giúp nhận diện rõ hơn sự khác biệt trong nhận thức giữa các nhóm cư dân hưởng lợi trực tiếp, cư dân hưởng lợi gián tiếp và chủ thể quản lý địa phương. Cách tiếp cận này cũng phù hợp với định hướng hiện có của luận văn là sử dụng phỏng vấn sâu để khai thác sâu hơn những nội dung mà bảng hỏi khó phản ánh đầy đủ.

Các cuộc phỏng vấn sâu được thực hiện theo hình thức bán cấu trúc, với bộ câu hỏi định hướng được xây dựng trước nhưng vẫn linh hoạt theo diễn biến trao đổi thực tế. Nội dung phỏng vấn tập trung vào các nhóm vấn đề chính: sự thay đổi về sinh kế và thu nhập; cơ hội việc làm và kinh doanh từ du lịch; sự biến đổi trong đời sống xã hội và quan hệ cộng đồng; nhận thức của cư dân về bảo tồn văn hóa địa phương; các vấn đề môi trường nảy sinh trong quá trình phát triển du lịch; mức độ hài lòng, ủng hộ và những băn khoăn của người dân đối với định hướng phát triển du lịch tại làng. Các chủ đề này về cơ bản thống nhất với các nhóm nội dung đã được luận văn xác định trong phần phương pháp nghiên cứu.

Để bảo đảm tính đạo đức nghiên cứu, toàn bộ người tham gia phỏng vấn được mã hóa và ẩn danh trong quá trình ghi chép, xử lý dữ liệu và trích dẫn trong luận văn. Thay vì sử dụng tên thật, tác giả mã hóa người tham gia theo nhóm đối tượng và số thứ tự phỏng vấn. Cụ thể, nhóm hộ dân tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch được ký hiệu là HKD, nhóm hộ dân không tham gia trực tiếp được ký hiệu là HNN, và nhóm cán bộ địa phương được ký hiệu là HQL. Việc mã hóa này giúp bảo vệ danh tính người cung cấp thông tin, đồng thời tạo thuận lợi cho việc truy xuất, đối chiếu và phân tích dữ liệu giữa các nhóm đối tượng khác nhau.

Thông tin chi tiết về danh mục đối tượng phỏng vấn sâu đã được ẩn danh và khung hỏi phỏng vấn được trình bày tại phần phụ lục. Việc bổ sung các phụ lục này nhằm nâng cao tính minh bạch của quy trình thu thập dữ liệu định tính, đồng thời chứng minh tính khách quan và khả năng kiểm chứng của nguồn dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu.

Do bảng hỏi sử dụng thang đo Likert 5 mức để đo lường nhận thức của cư dân về các tác động kinh tế và xã hội của du lịch, tác giả không triển khai theo hình thức để người dân tự điền hoàn toàn, mà ưu tiên cách hỏi trực tiếp có giải thích kèm theo đối với những trường hợp cần hỗ trợ. Các phát biểu trong bảng hỏi được diễn đạt lại bằng ngôn ngữ phổ thông, ngắn gọn, dễ hiểu và gắn với các biểu hiện gần gũi trong đời sống thường ngày của người dân địa phương. Chẳng hạn, các khái niệm mang tính học thuật như “tác động kinh tế”, “tác động xã hội”, “cơ hội việc làm”,

“chi phí sinh hoạt”, hay “bảo tồn văn hóa” được chuyển tải bằng các cách hỏi cụ thể hơn, gắn với trải nghiệm thực tế của hộ gia đình như thu nhập tăng hay giảm, việc làm có ổn định hơn không, giá cả sinh hoạt có thay đổi không, hoặc phong tục tập quán của cộng đồng có bị ảnh hưởng không.

Trong quá trình khảo sát, đối với những người trả lời là đồng bào dân tộc thiểu số hoặc người cao tuổi gặp khó khăn trong việc tiếp nhận câu hỏi theo lối diễn đạt học thuật, tác giả tiến hành giải thích lại bằng các từ ngữ đơn giản hơn, tránh dùng thuật ngữ trừu tượng và kiểm tra lại mức độ hiểu của người trả lời trước khi ghi nhận phương án lựa chọn. Việc giải thích bằng hỏi được thực hiện theo nguyên tắc giữ nguyên nội hàm khoa học của biến đo lường nhưng điều chỉnh cách diễn đạt sao cho phù hợp với bối cảnh ngôn ngữ và văn hóa tại địa phương. Cách làm này góp phần hạn chế sai lệch do hiểu nhầm câu hỏi, đồng thời nâng cao độ tin cậy của dữ liệu sơ cấp.

Các câu hỏi nhằm mục đích khai thác chi tiết hơn về nhận thức của người dân tại Lô Lô Chải và cơ quan quản lý về các tác động của du lịch lên đời sống kinh tế xã hội. (Chi tiết câu hỏi phỏng vấn xem phụ lục bảng số 2.2).

2.6. Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu

Sau khi thu thập dữ liệu, bảng hỏi được rà soát và làm sạch, loại bỏ các bảng hỏi không đầy đủ, câu trả lời thiếu thông tin, trả lời sai logic. Mã hóa dữ liệu để nhập vào phần mềm phân tích SPSS 26.0. Định dạng các biến theo bảng mã hóa để đảm bảo thuận tiện trong phân tích thống kê. Dữ liệu định tính sau khi thu thập được chép lại, rà soát và tiến hành mã hóa mở theo các nhóm chủ đề lớn như tác động kinh tế, tác động xã hội, biến đổi sinh kế, bảo tồn văn hóa, sự tham gia của cộng đồng và những lo ngại của cư dân trước phát triển du lịch. Trên cơ sở các mã ban đầu, tác giả tiếp tục nhóm các ý kiến thành những chủ đề phân tích cấp cao hơn để đối chiếu với kết quả định lượng. Việc phân tích theo chủ đề giúp nhận diện rõ hơn cách cư dân lý giải các biến đổi do du lịch mang lại, đồng thời bổ sung chiều sâu diễn giải cho kết quả khảo sát bằng bảng hỏi.

Thống kê tần suất, tỷ lệ phần trăm, trung bình, độ lệch chuẩn nhằm mô tả mức độ đồng ý của người dân đối với từng biến quan sát. Phân tích Post hoc Turkey giữa nhận thức của cư dân thuộc các nhóm nghề khác nhau về sự đồng thuận trong các quan điểm khảo sát. Mục đích so sánh đối chiếu giữa các số liệu thứ cấp khai thác được và nhận thức của người dân về các tác động của du lịch lên đời sống kinh tế và xã hội tại bản.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Chương 2 đã trình bày đầy đủ cơ sở phương pháp luận được sử dụng trong nghiên cứu luận văn. Trên cơ sở mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu đã xác định, tác giả luận văn đã xây dựng quy trình nghiên cứu tổng thể, kết hợp giữa phân tích dữ liệu thứ cấp và khảo sát sơ cấp nhằm đảm bảo tính toàn diện trong việc đánh giá tác động của du lịch đến đời sống kinh tế và xã hội của cư dân địa phương. Khung lý thuyết nghiên cứu được xây dựng dựa trên sự kế thừa và tổng hợp từ các mô hình lý luận đã được kiểm chứng trong các nghiên cứu trước như Perceived Impacts of Tourism Model và nghiên cứu thực nghiệm của các tác giả khác. Đồng thời, các nội dung liên quan đến thiết kế bảng hỏi, thang đo, phương pháp chọn mẫu, cũng như quy trình xử lý và phân tích dữ liệu đã được trình bày cụ thể, khoa học và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương nghiên cứu. Những nội dung này là cơ sở quan trọng để tiến hành thu thập dữ liệu thực tế và thực hiện các phân tích, đánh giá trong các chương tiếp theo của luận văn.

Địa bàn nghiên cứu là Bản Lô Lô Chải, một ngôi làng nằm ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, nơi du lịch cộng đồng đang phát triển mạnh mẽ. Chương này đã cung cấp cái nhìn tổng quan về đặc điểm dân cư, nghề nghiệp, trình độ học vấn và mức thu nhập của các hộ gia đình trong làng, từ đó phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của cư dân về tác động của du lịch.

Tổng quan về địa bàn nghiên cứu đã giúp xác định các đặc điểm địa phương ảnh hưởng đến nhận thức của cư dân về du lịch, cũng như làm rõ lý do chọn Bản Lô Lô Chải làm địa điểm nghiên cứu. Những thông tin này sẽ là cơ sở để phân tích sâu hơn về tác động của du lịch đối với sự phát triển kinh tế và xã hội của cộng đồng dân tộc tại đây

CHƯƠNG 3. TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH ĐẾN ĐỜI SỐNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CƯ DÂN LÔ LÔ CHẢI HIỆN NAY

3.1. Thực trạng phát triển du lịch tại bản Lô Lô Chải

3.1.1. Các giai đoạn phát triển du lịch tại Lô Lô Chải

Giai đoạn hình thành (2010-2015) đánh dấu bởi việc Cao nguyên đá Đồng Văn được UNESCO công nhận là Công viên Địa chất Toàn cầu năm 2010, tạo động lực ban đầu cho phát triển du lịch khu vực. Sau khi hoàn thành công trình Cột cờ Lũng Cú vào năm 2011, việc phát triển du lịch cộng đồng tại Lũng Cú bắt đầu được triển khai. Giai đoạn đầu, chỉ có 3 hộ dân tham gia do nhận thức về du lịch còn hạn chế và lo ngại về an ninh trật tự khi có người lạ vào nhà. Chính quyền đã hỗ trợ 120 triệu đồng mỗi gia đình để đầu tư xây dựng homestay. Năm 2012, đã triển khai các chương trình đào tạo tiếng Anh và các kỹ năng du lịch như pha chế đồ uống cho người dân; đồng thời hỗ trợ 30 triệu đồng mỗi hộ gia đình để xây dựng bếp ăn phục vụ khách du lịch.

Đến năm 2014, ông Yasushi Ogura, một chuyên gia người Nhật đã đến thăm và ngỏ lời với tỉnh Hà Giang và huyện Đồng Văn về việc phát triển du lịch cộng đồng kết hợp với bảo tồn văn hóa. Ông đề xuất đào tạo pha chế và nấu ăn truyền thống như một phần của hoạt động du lịch địa phương. Trong giai đoạn này, chưa có dịch vụ du lịch chuyên nghiệp, khách chủ yếu đến tham quan trong ngày.

Giai đoạn phát triển (2015-2020) chứng kiến sự quan tâm tăng cao của chính quyền địa phương và khách du lịch đối với bản làng. Năm 2017, nghệ thuật trang trí trang phục của người Lô Lô được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, thu hút thêm sự chú ý của truyền thông và khách du lịch.

Tháng 11/2018, Lô Lô Chải lần đầu được công nhận là làng văn hóa - du lịch cộng đồng, dấu mốc lịch sử cho sự vươn mình phát triển của du lịch Lô Lô Chải. Các hộ gia đình đầu tiên bắt đầu kinh doanh homestay và dịch vụ ăn uống đơn giản.

Giai đoạn hiện tại (2020-2025) đánh dấu bởi sự phát triển mạnh mẽ của du lịch cộng đồng tại đây. Năm 2022, Lô Lô Chải được công nhận lần 2 là Làng văn hóa du lịch tiêu biểu gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

Hiện nay, thôn có 62 hộ dân tham gia kinh doanh du lịch cộng đồng (homestay, dịch vụ ăn uống, hướng dẫn trải nghiệm) với 565 buồng lưu trú. Mô hình du lịch cộng đồng bước đầu phát huy hiệu quả, mang lại thu nhập và việc làm ổn định cho người dân, người dân chủ động tham gia làm du lịch, nâng cao nhận thức về bảo tồn văn hóa gắn với phát triển kinh tế. Nhiều hộ đã đầu tư tái tạo sinh kế từ du lịch, như trồng rau sạch, chăn nuôi phục vụ ẩm thực, làm sản phẩm thủ công phục vụ khách. Các dịch vụ lưu trú, ăn uống, hướng dẫn du lịch được hình thành, nhưng quy mô nhỏ, chưa đồng đều về chất lượng. Tuy nhiên hiện nay tại làng thiếu các dịch vụ phụ trợ như điểm dừng chân, khu chụp ảnh, quầy bán hàng lưu niệm chuyên nghiệp.

Công tác truyền thông du lịch Lô Lô Chải hiện được triển khai qua nhiều kênh, như: Thông tin trên website của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Giang, Trung tâm Xúc tiến du lịch tỉnh, cùng các chương trình của Đài Truyền hình Hà Giang, Đài Tiếng nói Việt Nam và các báo trung ương. Nhiều nội dung quảng bá Lô Lô Chải được lan tỏa mạnh mẽ trên Facebook, TikTok, YouTube, Zalo... thông qua các travel blogger, phóng sự du lịch và người dân địa phương. Đồng thời, một số doanh nghiệp du lịch và homestay cũng tự xây dựng trang truyền thông riêng. Tuy nhiên, hiện nay thiếu chiến lược truyền thông dài hạn và chuyên nghiệp, công tác quảng bá còn tự phát, chưa có logo, slogan, chưa có sản phẩm truyền thông song ngữ (Việt – Anh) gây khó khăn cho việc tiếp cận khách du lịch quốc tế. Nội dung truyền thông chưa đa dạng chủ yếu thiên về hình ảnh phong cảnh, thiếu chiều sâu về văn hóa, lịch sử, câu chuyện con người.

Nhiều hộ kinh doanh trong làng trực tiếp tham gia hoạt động du lịch cộng đồng. Nhân lực chủ yếu là người địa phương, ít người được đào tạo bài bản về du lịch, phần lớn làm theo kinh nghiệm truyền miệng, thiếu kiến thức chuyên môn về quản lý homestay, phục vụ khách du lịch, kỹ năng giao tiếp, ngoại ngữ, lễ tân...

Trong quá trình phát triển du lịch, thôn đã xây dựng nhiều hoạt động trải nghiệm văn hóa – du lịch cộng đồng nhằm thu hút khách, tạo việc làm và góp phần bảo tồn bản sắc truyền thống: Trải nghiệm văn hóa sinh hoạt cộng đồng, trải nghiệm ẩm thực dân tộc, trải nghiệm giao lưu văn hóa... Tuy nhiên, quy mô

các hoạt động trải nghiệm còn nhỏ lẻ, tự phát, công tác quảng bá sản phẩm trải nghiệm chưa chuyên nghiệp....

Làng đã có bước tiếp cận chuyển đổi số trong truyền thông du lịch, người dân đã sử dụng mạng xã hội để quảng bá dịch vụ. Tuy nhiên, làng chưa có hệ thống wifi công cộng; chưa có bảng chỉ dẫn thông minh, mã QR giới thiệu homestay, sản phẩm du lịch; một số hộ kinh doanh homestay có sử dụng nền tảng đặt buồng trực tuyến (Booking, Agoda, Facebook) nhưng quy mô còn nhỏ, chủ yếu quản lý thủ công; khả năng giao tiếp tiếng Anh và sử dụng công nghệ của người dân còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc hỗ trợ khách du lịch quốc tế...

Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của ngành Du lịch cũng đặt ra nhiều thách thức không nhỏ, đặc biệt trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của người dân địa phương, cũng như trong việc duy trì sự cân bằng với môi trường tự nhiên.

Sự phát triển du lịch đã mang lại những thay đổi rõ rệt trong đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng bản Lô Lô Chải. HQL2 (sinh năm 1976), chia sẻ về sự chuyển biến này: *"Kinh tế phát triển tốt hơn từ khi bắt đầu làm du lịch, ban đầu có 3-4 nhà làm thôi, nhưng thu nhập tốt nên mọi người học theo để làm, bây giờ nhiều gia đình kinh doanh du lịch, các nhà còn lại thì nuôi gà, trồng rau để bán cho các nhà hàng trong bản, đến mùa thì vẫn làm nông, mọi người đều có thu nhập nhiều hơn trước."*

Sự so sánh này làm nổi bật quá trình chuyển mình của cộng đồng về mặt kinh tế. Trước năm 2010, khi du lịch chưa phát triển, người dân gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ cơ bản như chợ, trường học hay bệnh viện, do địa hình vùng cao hiểm trở và thiếu phương tiện giao thông thuận tiện. Đời sống của họ chủ yếu dựa vào nông nghiệp tự cung tự cấp, với mức thu nhập thấp và không ổn định. Sau này, khi du lịch phát triển hơn thì cơ sở hạ tầng giao thông được đầu tư nhiều hơn, với mức thu nhập cao hơn thì người dân được tiếp cận với giáo dục và y tế tốt hơn.

Để có cái nhìn toàn diện hơn về tình hình phát triển du lịch tại bản Lô Lô Chải, luận văn đã tổng hợp các chỉ số quan trọng thể hiện quy mô và đặc điểm hoạt động du lịch tại địa phương.

Bảng 3.1. Thống kê hoạt động phát triển du lịch tại bản Lô Lô Chải hiện nay

Chỉ tiêu	Số liệu	Mô tả chi tiết
Tổng số hộ gia đình	120 hộ	Trong đó 104 hộ thuộc dân tộc Lô Lô, tập trung tại xã Lũng Cú
Số hộ kinh doanh homestay	62 hộ	Các hộ cung cấp dịch vụ lưu trú truyền thống, đóng góp vào trải nghiệm chân thực cho khách du lịch
Lượng khách du lịch năm 2024	148.280 lượt	Lô Lô Chải là điểm đến hấp dẫn cho du lịch văn hóa và khám phá thiên nhiên của Hà Giang, thu hút cả khách trong nước và quốc tế
Doanh thu du lịch năm 2024 ước đạt	> 6 tỷ VND/năm	Doanh thu chủ yếu từ dịch vụ lưu trú, ăn uống và bán sản phẩm thủ công như thổ cẩm
Số nhà hàng phục vụ khách	5 cơ sở	Các nhà hàng phục vụ món ăn truyền thống của dân tộc Lô Lô, đáp ứng nhu cầu ẩm thực của khách du lịch
Sản phẩm OCOP	2 sản phẩm	Làng du lịch văn hóa Lô Lô Chải được công nhận là mô hình làng văn hóa điển hình theo sáng kiến Một xã một sản phẩm (OCOP)
Di sản văn hóa phi vật thể	02 di sản	Nghệ thuật trang trí trên trang phục truyền thống của người Lô Lô được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, Lễ cúng tổ tiên của người Lô Lô tại Lô Lô Chải được công nhận là di sản phi vật thể cấp quốc gia năm 2012.
Tỷ lệ khách quốc tế	~35%	Khoảng 1/3 khách du lịch đến từ các nước khác, chủ yếu từ châu Âu và Bắc Mỹ, với mong muốn

Chỉ tiêu	Số liệu	Mô tả chi tiết
		tìm hiểu về văn hóa bản địa và trải nghiệm homestay
Hoạt động văn hóa, lễ hội	3-5 lễ hội lớn/năm	Các lễ hội truyền thống và hoạt động văn hóa như hát dân ca, múa dân gian được tổ chức thường xuyên để thu hút khách du lịch tham gia

Nguồn: Ủy ban nhân dân xã Lũng Cú

Sự thay đổi này cũng phản ánh tác động tích cực của du lịch đến cấu trúc kinh tế hộ gia đình. Từ việc chỉ dựa vào nông nghiệp, các hộ gia đình đã đa dạng hóa nguồn thu nhập thông qua các hoạt động như homestay, bán sản phẩm thủ công, hướng dẫn du lịch và cung cấp dịch vụ vận chuyển. Điều này không chỉ nâng cao thu nhập mà còn giúp cộng đồng ít phụ thuộc vào điều kiện thời tiết và giá cả của nông sản.

3.1.2. Sản phẩm du lịch hiện có tại Lô Lô Chải

Du lịch văn hóa tham quan tại Lũng Cú tập trung vào việc khám phá các giá trị kiến trúc truyền thống, đặc biệt là nhà trình tường, đồng thời giới thiệu về trang phục và nghề thủ công đặc sắc của cộng đồng Lô Lô. Các hoạt động này giúp khách du lịch hiểu rõ hơn về đời sống và văn hóa đặc trưng của cư dân địa phương.

Bên cạnh đó, du lịch homestay đã phát triển mạnh mẽ, với 62 hộ gia đình cung cấp dịch vụ lưu trú, ăn uống và các trải nghiệm sinh hoạt cùng gia đình. Đây là một hình thức du lịch tạo cơ hội cho khách du lịch sống cùng người dân bản địa, trải nghiệm những nét văn hóa đậm đà bản sắc địa phương.

Du lịch trải nghiệm cộng đồng được tổ chức thông qua các hoạt động sản xuất như dệt vải, thêu tay, nấu các món ăn truyền thống và chăn thả gia súc, giúp khách du lịch tham gia trực tiếp vào công việc của người dân địa phương và hiểu thêm về các nghề truyền thống.

Ngoài ra, du lịch chụp ảnh/quay phim cũng ngày càng thu hút sự quan tâm của các nhà làm phim, nhiếp ảnh gia và khách du lịch yêu thích nhiếp ảnh, những người đến để ghi lại vẻ đẹp độc đáo của văn hóa và thiên nhiên nơi đây.

Những hoạt động này không chỉ nâng cao giá trị văn hóa địa phương, mà còn đóng góp vào việc quảng bá hình ảnh của vùng đất Lũng Cú ra thế giới.

3.1.3. Công nhận quốc tế về du lịch tại Lô Lô Chải

Ngày 17 tháng 10 năm 2025, tại thành phố Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc, Tổ chức Du lịch Thế giới Liên Hợp Quốc (UN Tourism) đã công bố danh sách “Làng du lịch tốt nhất thế giới năm 2025” (Best Tourism Villages 2025). Trong số 55 làng được vinh danh, Làng Văn hóa Du lịch Lô Lô Chải (xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang) đã vượt qua hơn 270 hồ sơ đến từ 65 quốc gia để trở thành một trong hai đại diện của Việt Nam được trao giải thưởng danh giá này.

Giải thưởng “Làng du lịch tốt nhất thế giới” là sáng kiến toàn cầu do UN Tourism khởi xướng, nhằm tôn vinh các điểm đến nông thôn tiêu biểu có đóng góp nổi bật trong việc bảo tồn văn hóa truyền thống, bảo vệ môi trường tự nhiên và phát triển du lịch bền vững gắn với nâng cao sinh kế cho người dân địa phương. Các làng được lựa chọn dựa trên bộ tiêu chí đánh giá nghiêm ngặt, bao gồm hiệu quả quản trị và điều hành du lịch, mức độ sáng tạo, tính bền vững, cũng như đóng góp cho các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc.

Việc Lô Lô Chải được vinh danh không chỉ là niềm tự hào lớn lao của địa phương, mà còn là minh chứng cho những nỗ lực không ngừng của cộng đồng dân tộc Lô Lô và chính quyền trong việc xây dựng mô hình du lịch có trách nhiệm, hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo tồn văn hóa. Theo đánh giá của UN Tourism, Lô Lô Chải được ghi nhận nhờ các yếu tố nổi bật như:

- Bảo tồn hiệu quả di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm kiến trúc nhà trình tường và nghệ thuật thêu thùa công truyền thống.
- Vận hành thành công mô hình du lịch cộng đồng, với sự tham gia chủ động của người dân địa phương trong mọi khâu của hoạt động du lịch.
- Đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển kinh tế, gìn giữ văn hóa và bảo vệ môi trường sinh thái.
- Quản lý và điều hành du lịch minh bạch, có trách nhiệm, hướng tới phát triển bền vững lâu dài.

Sự công nhận này đánh dấu một bước tiến quan trọng trong hành trình phát triển du lịch cộng đồng ở vùng cao nguyên đá Đồng Văn, đồng thời khẳng định giá trị văn hóa độc đáo và sức sống bền bỉ của người Lô Lô giữa dòng chảy hội nhập.



Hình 3.1. Giải thưởng "Làng du lịch tốt nhất thế giới năm 2025"

Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam

3.2. Sự thay đổi về đời sống kinh tế xã hội của người dân địa phương tại Lô Lô Chải thông qua các dữ liệu thứ cấp

Sự phát triển du lịch trong những năm gần đây đã tạo ra những biến đổi rõ nét và đa chiều trong đời sống kinh tế - xã hội của người dân tại Lô Lô Chải. Những thay đổi này thể hiện qua sự thay đổi trong sinh kế, gia tăng thu nhập, mở rộng cơ hội việc làm cũng như những tác động đến văn hóa, môi trường và quan hệ cộng đồng. Các biến động đó được phản ánh tương đối đầy đủ thông qua

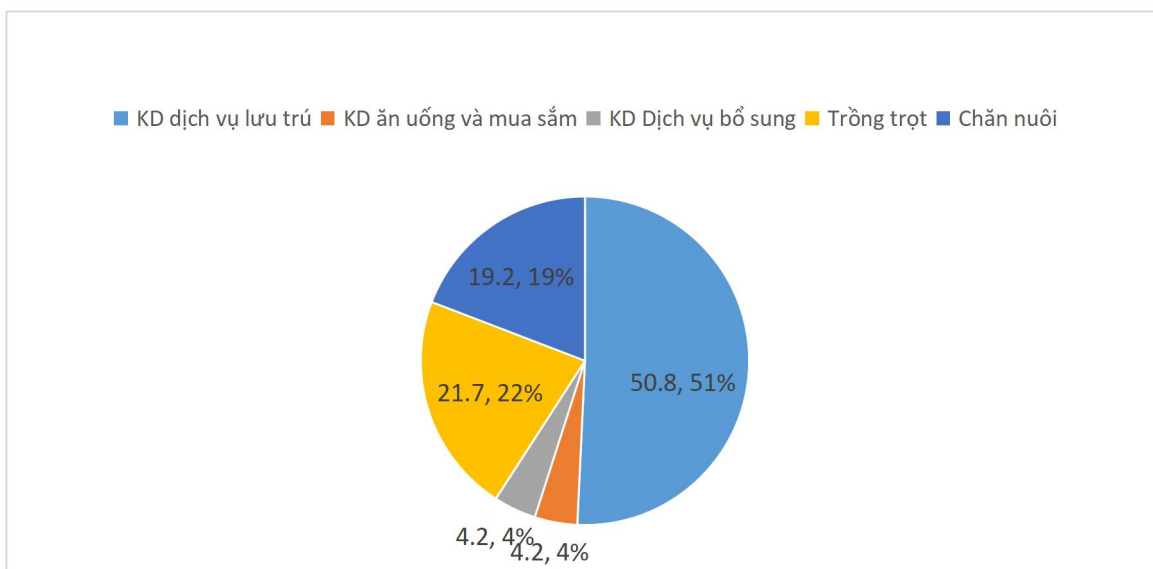
hệ thống dữ liệu thứ cấp từ báo cáo, thống kê, tạo nền tảng quan trọng cho việc phân tích và đánh giá cụ thể ở các phần tiếp theo.

3.2.1. Sự thay đổi về đời sống kinh tế

Trước tiên phải khẳng định rằng 100% các hộ gia đình hiện nay đều có hoạt động nông nghiệp như chăn nuôi, trồng trọt và kết hợp giữa nông nghiệp và kinh doanh dịch vụ, nhưng khác nhau ở thu nhập chính đến từ ngành nghề nào. Nghiên cứu trên 120 hộ dân tại bản Lô Lô Chải, đại diện cho cộng đồng cư trú tại địa phương. Cơ cấu nghề nghiệp chính của đáp viên thể hiện sự đa dạng giữa các nhóm ngành nghề liên quan đến du lịch và sản xuất truyền thống.

Kết quả khảo sát cho thấy nhóm kinh doanh dịch vụ lưu trú chiếm tỷ lệ lớn nhất với 50,8% (61 hộ). Điều này phản ánh rõ sự phát triển mạnh của mô hình du lịch cộng đồng, trong đó nhiều hộ gia đình đã chuyển đổi hoặc mở rộng hoạt động sinh kế sang phục vụ khách du lịch. Nhóm kinh doanh ăn uống và mua sắm và kinh doanh dịch vụ bổ sung đều chiếm 4,2% (5 hộ mỗi nhóm), thể hiện vai trò hỗ trợ và hoàn thiện chuỗi dịch vụ du lịch tại địa phương. Ngoài các hoạt động dịch vụ du lịch, một bộ phận đáng kể hộ dân vẫn duy trì sản xuất nông nghiệp truyền thống. Trong đó, trồng trọt chiếm 21,7% (26 hộ) và chăn nuôi chiếm 19,2% (23 hộ). Điều này cho thấy du lịch phát triển, nhưng chưa thay thế hoàn toàn sinh kế thông qua nông nghiệp; ngược lại, hai nhóm ngành đang tồn tại song song và bổ trợ cho nhau, giúp người dân đa dạng hóa nguồn thu nhập.

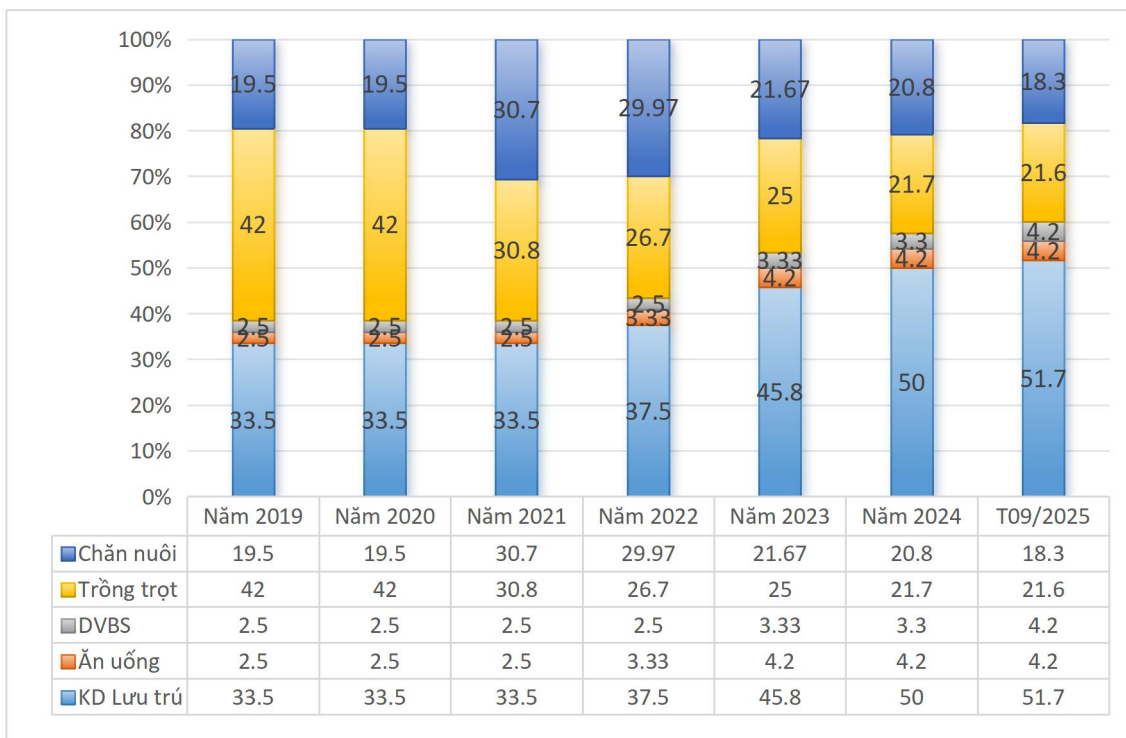
Nhìn chung, cơ cấu nghề nghiệp của các đáp viên đã phản ánh khá rõ bức tranh sinh kế đang có sự chuyển dịch tại Lô Lô Chải, từ mô hình sản xuất truyền thống như nông nghiệp, chăn nuôi sang kết hợp hoặc chuyển hẳn sang hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch. Sự thay đổi này phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong những năm gần đây, khi du lịch ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của người dân.



Hình 3.2. Cơ cấu ngành nghề hiện tại ở Lô Lô Chải tính đến T9/2025

Nguồn: Tổng hợp của tác giả luận văn

Theo đà phát triển, cùng thời điểm, trong thôn có 2 hộ gia đình đang trong quá trình xây dựng homestay, 01 hộ đang xây dựng thêm cơ sở lưu trú và hoàn tất thủ tục để cấp phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trú.

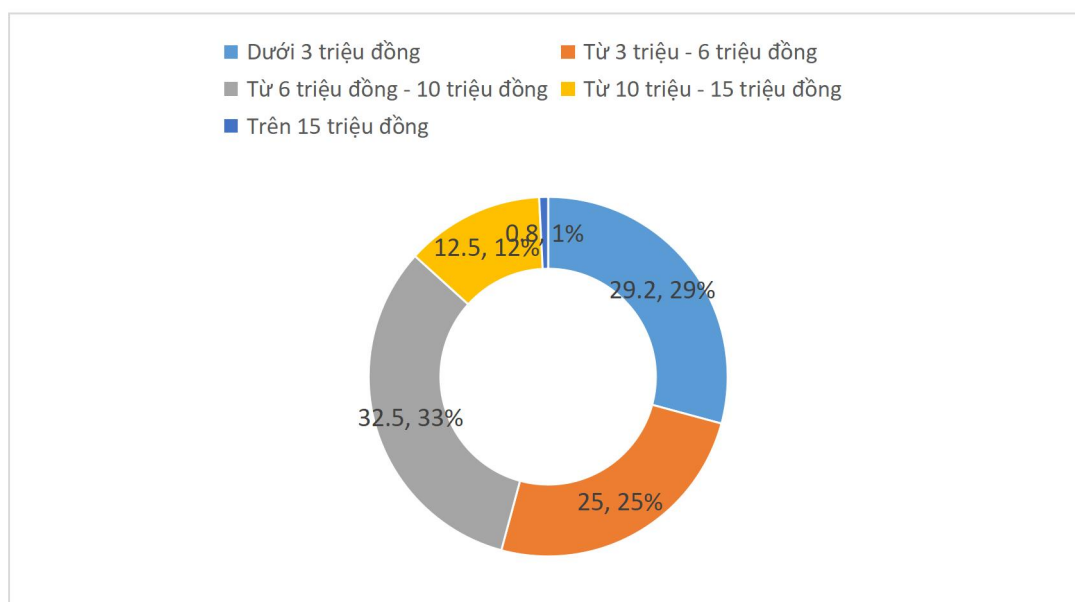


Hình 3.4. Biểu đồ cơ cấu ngành nghề tại bản Lô Lô Chải giai đoạn 2019 - 2025

Nguồn: Tổng hợp của tác giả luận văn

Thu nhập của các hộ dân tại Lô Lô Chải có sự phân hóa rõ rệt, nhưng phần lớn tập trung ở mức trung bình thấp. Kết quả khảo sát cho thấy thu nhập chủ yếu rơi vào các mức dưới 10 triệu đồng/tháng. Cụ thể, nhóm hộ có thu nhập dưới 3 triệu đồng chiếm 29,2% (35 hộ), trong khi nhóm thu nhập từ 3–6 triệu đồng chiếm 25,0% (30 hộ). Đây là hai nhóm chiếm tỷ lệ lớn thứ hai và thứ ba trong cơ cấu thu nhập, phản ánh điều kiện kinh tế còn hạn chế của một bộ phận cư dân. Nhóm thu nhập từ 6–10 triệu đồng chiếm tỷ lệ cao nhất với 32,5% (39 hộ). Điều này cho thấy thu nhập trung bình đang dần được cải thiện, đặc biệt ở những hộ có tham gia hoạt động du lịch cộng đồng hoặc dịch vụ liên quan. Ở mức thu nhập cao hơn, chỉ 12,5% (15 hộ) có mức thu nhập từ 10–15 triệu đồng và chỉ 0,8% (1 hộ) đạt mức trên 15 triệu đồng/tháng. Điều này cho thấy nhóm hộ có thu nhập cao vẫn còn rất ít, và mức thu nhập khá – cao chưa phổ biến tại địa phương.

Nhìn tổng thể, cấu trúc thu nhập cho thấy phần lớn hộ dân vẫn có mức thu nhập thấp đến trung bình, phù hợp với đặc điểm của một cộng đồng vùng cao còn nhiều khó khăn nhưng đang chuyển dịch theo hướng cải thiện nhờ sự phát triển của du lịch.



Hình 3.5. Sơ đồ thể hiện trung bình thu nhập hàng tháng thông qua nhận thức của cư dân

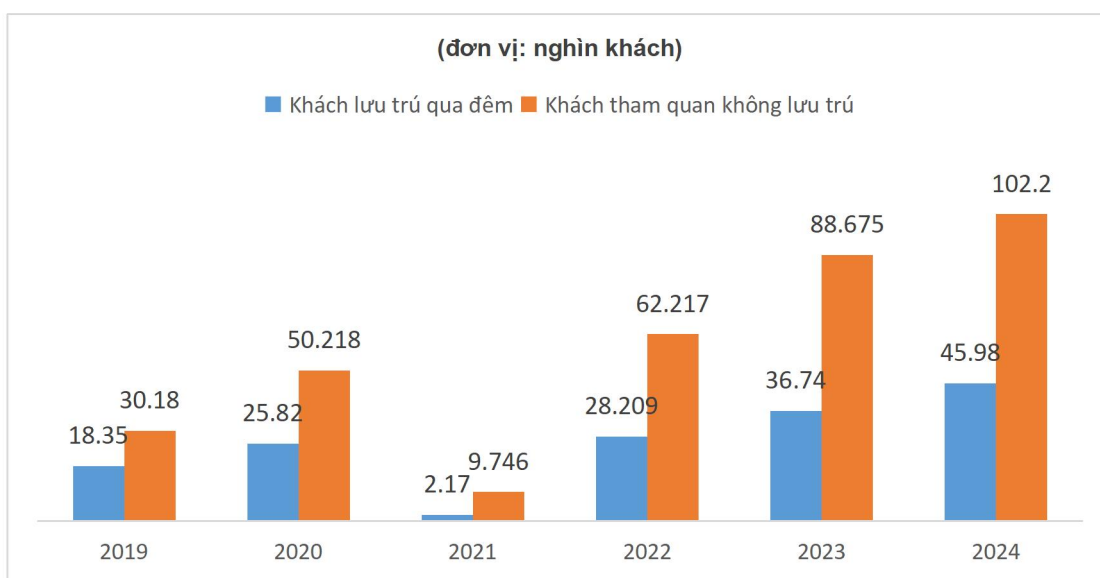
Nguồn: Tổng hợp của tác giả luận văn

Du lịch đã tạo ra các cơ hội việc làm trực tiếp cho người dân, bao gồm các vị trí như hướng dẫn viên du lịch, lễ tân, dọn phòng tại các cơ sở lưu trú, nhân viên bán hàng tại các cửa hàng, và các công việc liên quan trực tiếp đến phục vụ khách du lịch. Những công việc này không chỉ cung cấp thu nhập ổn định, mà còn giúp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách du lịch. Bên cạnh đó, du lịch còn tạo ra các cơ hội việc làm gián tiếp, liên quan đến các dịch vụ hỗ trợ ngành du lịch như dịch vụ ăn uống (nhà hàng, quán cà phê, quầy bán thức ăn đường phố), và các dịch vụ bổ sung khác như các dịch vụ spa, gội đầu, tắm lá, ngâm chân. Những ngành nghề này đã tạo ra một mạng lưới việc làm rộng lớn, giúp tăng trưởng kinh tế cho khu vực và giảm áp lực về vấn đề việc làm cho người dân.

Theo số liệu thống kê từ UBND xã Lũng Cú, tính đến 2024 có khoảng 60% lao động trong độ tuổi lao động của bản Lô Lô Chải tham gia vào các hoạt động liên quan đến du lịch. Cụ thể, khoảng 50% lao động làm việc trực tiếp trong các lĩnh vực du lịch cộng đồng như quản lý homestay, hướng dẫn du lịch, phục vụ ẩm thực và biểu diễn văn nghệ. Ngoài ra, khoảng 5% lao động tham gia vào việc sản xuất thủ công, như thêu thổ cẩm và làm trang phục truyền thống phục vụ nhu cầu của khách du lịch, 5% còn lại làm việc gián tiếp thông qua các hoạt động nông nghiệp, chăn nuôi, vận chuyển và cung cấp thực phẩm cho các cơ sở du lịch, trong đó thanh niên và phụ nữ đóng vai trò vô cùng quan trọng, phụ nữ là lực lượng chủ yếu trong việc vận hành các mô hình du lịch cộng đồng với nhiều chị em trực tiếp tham gia vào việc quản lý homestay, phục vụ ẩm thực, thêu thổ cẩm và làm đồ lưu niệm. Sự phát triển của ngành Du lịch đã giúp mở rộng các cơ hội nghề nghiệp, từ đó tạo ra động lực cho sự phát triển cộng đồng.

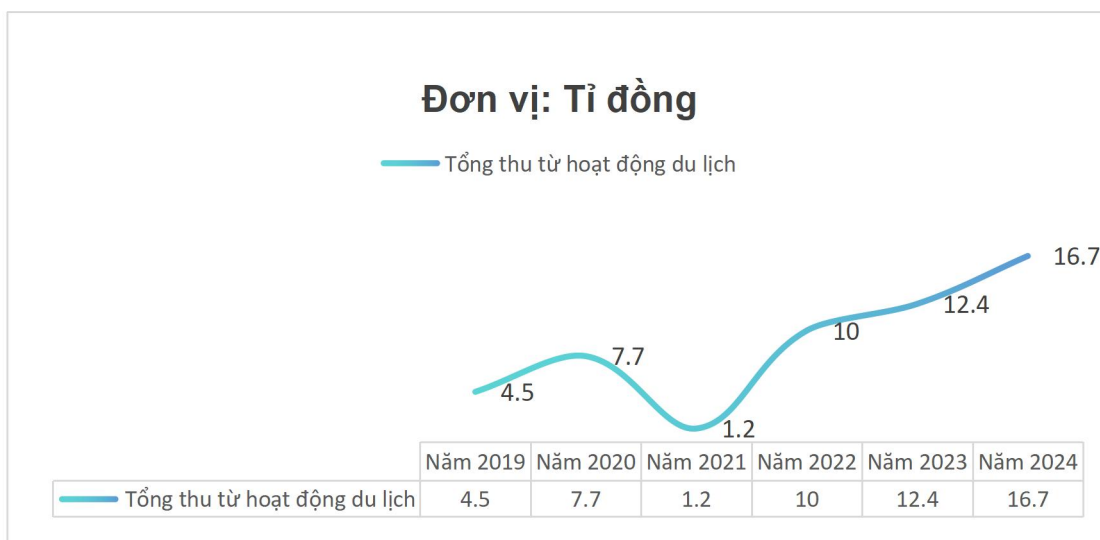
Số lượng khách du lịch đến Lô Lô Chải đã tăng đều qua từng năm, phản ánh sự thu hút mạnh mẽ của Lô Lô Chải với khách du lịch. Sự gia tăng này không chỉ dừng lại ở số lượng khách mà còn kéo theo mức chi tiêu cho các hoạt động du lịch ngày càng cao. Doanh thu từ dịch vụ lưu trú đạt bình quân 300.000 – 350.000 đồng/người/đêm, với công suất phòng đạt từ 60-70% vào mùa cao điểm. Doanh thu

từ dịch vụ ăn uống mỗi khách chi từ 150.000 - 300.000 đồng/ngày, đặc biệt các món ăn truyền thống như thắng cố, gà đen và lợn đen được khách du lịch ưa chuộng. Tuy nhiên, doanh thu từ sản phẩm lưu niệm lại ở mức thấp, chỉ khoảng 5 - 10% khách du lịch mua các sản phẩm thủ công như vải thổ cẩm, móc khóa hay túi vải, tính trong năm 2024, tổng thu từ du lịch ước đạt 6.000.000.000đ (sáu tỉ đồng). (chi tiết thể hiện trong hình 3.6 và 3.7).



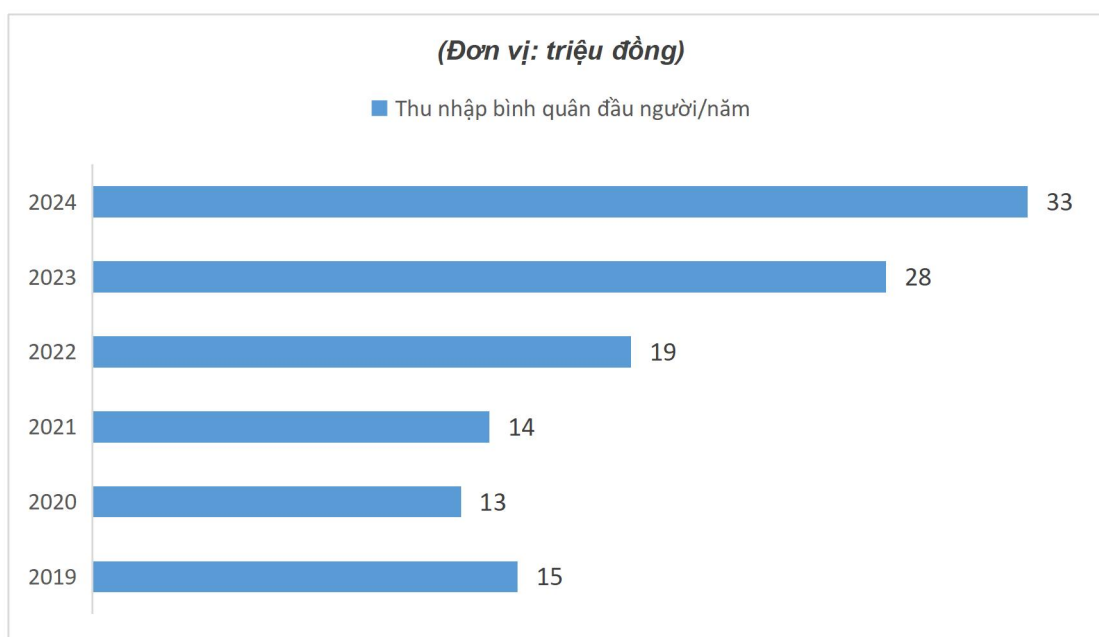
Hình 3.6. Số lượng khách du lịch đến Lô Lô Chải giai đoạn 2019 - 2024

Nguồn: Ủy ban nhân dân xã Lũng Cú



Hình 3.7. Ước đạt tổng thu từ du lịch tại Lô Lô Chải giai đoạn 2019 - 2024

Nguồn: Ủy ban nhân dân xã Lũng Cú

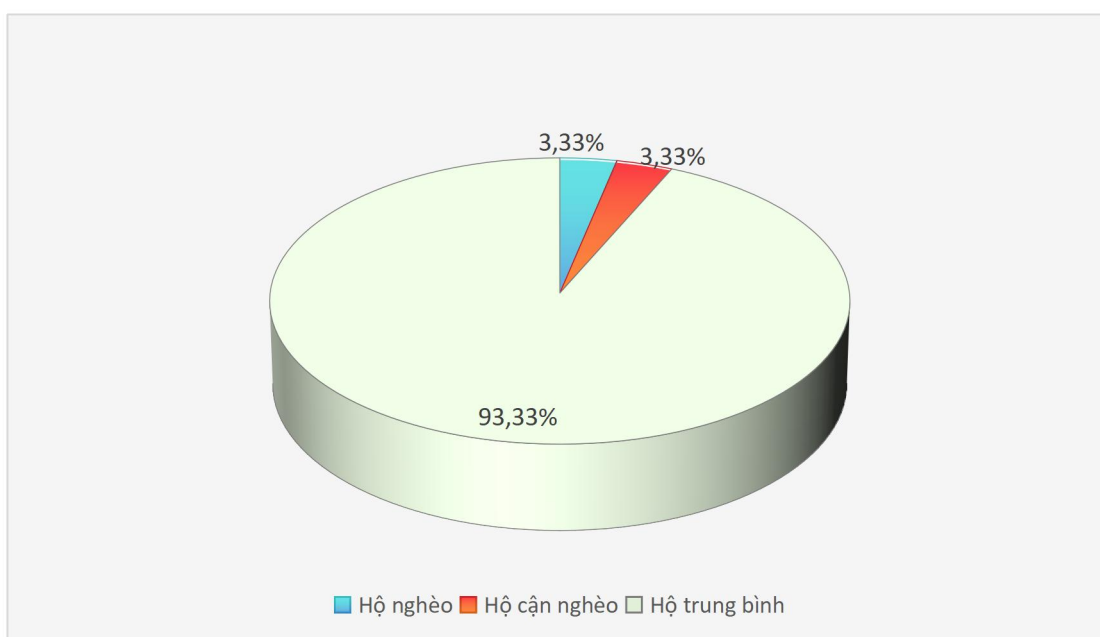


Hình 3.8. Biểu đồ thể hiện thu nhập bình quân đầu người tại Lô Lô Chải giai đoạn 2019-2024

Nguồn: Ủy ban nhân dân xã Lũng Cú

Theo khảo sát thực tế, mức lương của người lao động tại các cơ sở kinh doanh lưu trú rơi vào khoảng 3.000.000đ 1 tháng vào mùa thấp điểm và 5.000.000đ - 6.000.000đ vào mùa cao điểm, thu nhập của người lao động tại các cơ sở spa, gội đầu giao động từ 3.000.000đ - 5.000.000đ mùa cao điểm, như vậy ngoài nguồn thu từ nông nghiệp trồng trọt, cư dân địa phương còn được hưởng lợi trực tiếp từ việc tham gia vào hoạt động du lịch với nhiều vai trò khác nhau.

Làng Lô Lô Chải hiện đang chứng kiến sự thay đổi rõ rệt trong cơ cấu kinh tế và mức sống của cư dân nhờ sự phát triển du lịch. Theo thống kê, tính đến tháng 12/2024, hộ nghèo trong thôn hiện chỉ còn 4 hộ (14 khẩu), chiếm 3,33% tổng số hộ dân, trong khi hộ cận nghèo có 4 hộ (20 khẩu), cũng chiếm 3,33%. Đặc biệt, phần lớn cư dân, 93,33% (112 hộ với 492 khẩu), thuộc diện hộ trung bình. Sự chuyển biến này không chỉ phản ánh hiệu quả của các chính sách phát triển du lịch mà còn minh chứng cho sự cải thiện rõ rệt trong đời sống người dân, từ đó nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của cộng đồng.



Hình 3.9. Biểu đồ thể hiện tỉ lệ hộ nghèo hiện tại ở Lô Lô Chải

Nguồn: Ủy ban nhân dân xã Lũng Cú

Làng Lô Lô Chải đã tích cực tham gia các chương trình đào tạo và tập huấn kỹ năng do xã, huyện và các tổ chức hỗ trợ phát triển du lịch tổ chức. Các lớp đào tạo ngoại ngữ, chủ yếu là tiếng Anh giao tiếp cơ bản, được tổ chức thường xuyên, giúp người dân, đặc biệt là thanh niên và các chủ hộ kinh doanh homestay, có thể giao tiếp hiệu quả với khách du lịch nước ngoài. Bên cạnh đó, các lớp đào tạo nghiệp vụ du lịch, bao gồm kỹ năng đón tiếp khách, phục vụ ẩm thực, vệ sinh buồng phòng, hướng dẫn tham quan và giới thiệu văn hóa địa phương, đã giúp nâng cao chất lượng dịch vụ tại làng, tạo ấn tượng tốt đối với khách du lịch. Ngoài ra, các buổi tập huấn về phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường du lịch cũng đã được tổ chức, nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ an toàn và sức khỏe cho khách du lịch; đồng thời trang bị cho người dân các kỹ năng cần thiết trong việc xử lý tình huống trong quá trình hoạt động dịch vụ.

Làng Lô Lô Chải cũng đạt được những thành tựu quan trọng trong các lĩnh vực khác, đặc biệt là giáo dục và y tế. 100% trẻ em trong thôn đều được đến lớp, không có tình trạng trẻ em đến tuổi mà không đi học, điều này phản ánh sự quan tâm của cộng đồng đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục cho thế hệ

tương lai. Về cơ sở hạ tầng y tế, Trạm Y tế xã ngay trong bản đã được trang bị đầy đủ các thiết bị cơ bản, đảm bảo nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho cư dân. Thêm vào đó, toàn bản có 93 hộ gia đình sở hữu ít nhất một phương tiện đi lại là xe gắn máy chiếm 77,5%. Cùng với đó, trong bản có 33 hộ gia đình có từ 2 nhà trở lên, thường là nhà trình tường để kinh doanh dịch vụ lưu trú và nhà mái bờ lô để ở, góp phần nâng cao chất lượng sống và ổn định cuộc sống cho người dân

3.2.2. Sự thay đổi về đời sống xã hội

Qua thực tế khảo sát trong bản, tính đến tháng 12/2024, 100% trẻ em được đến trường, không có trường hợp trẻ em đến tuổi đi học nhưng không được đến lớp, đảm bảo quyền được học tập cho các thế hệ trẻ. Trạm y tế được trang bị đầy đủ các chức năng cơ bản và tiện lợi, dễ dàng tiếp cận ngay gần khu dân cư và hàng năm được đầu tư nâng cấp các trang thiết bị máy móc, bổ sung tủ thuốc. Trẻ em cũng được tiêm phòng và uống vitamin định kỳ theo quy định của nhà nước. Do đặc điểm văn hóa, trước kia người phụ nữ Lô Lô thường hay sinh ở nhà trong buồng kín nhưng những năm gần đây theo thống kê từ trạm y tế xã ghi nhận không còn trường hợp tự sinh ở nhà như trước, một phần do dân trí được nâng cao và việc di chuyển từ bản Lô Lô đến cơ sở y tế rất gần và thuận tiện, khoảng cách xa nhất khoảng 2km. Kinh tế được cải thiện từ du lịch cũng làm cho việc tiếp cận các dịch vụ y tế trở nên dễ dàng hơn.

Năm 2012, UBND tỉnh Hà Giang đã ban hành Quyết định số 1682/QĐ-UBND về việc công nhận Lô Lô Chải là “Làng nghề truyền thống thêu, dệt thổ cẩm trang phục dân tộc Lô Lô”, năm 2018, UBND xã Lũng Cú ban hành Quyết định số 79/QĐ-UBND về việc thành lập tổ nghề truyền thống bản Lô Lô Chải với số thành viên ban đầu là 9 thành viên và tính đến tháng 12/2024 số thành viên trong tổ nghề là 16 thành viên, qua đó góp phần bảo tồn những giá trị văn hóa độc đáo của cộng đồng dân tộc Lô Lô. Thêm vào đó, việc thành lập ban quản lý làng nghề đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc duy trì và phát triển các sản phẩm thủ công truyền thống. Sản phẩm thêu và dệt thổ cẩm không chỉ phục vụ nhu cầu của người dân mà còn được tiêu thụ chủ yếu như quà lưu niệm và trang phục cho khách

du lịch thuê, góp phần vào việc nâng cao giá trị kinh tế của nghề thủ công truyền thống trong bối cảnh du lịch phát triển, đồng thời cũng tạo nên một dấu ấn văn hóa độc đáo khi khách du lịch khoác lên mình bộ trang phục truyền thống của người Lô Lô và lan tỏa những bức ảnh đó như một cách để quảng bá và lan tỏa các giá trị đặc sắc của người Lô Lô.

Chính quyền địa phương cũng đã triển khai các chương trình hành động nhằm bảo tồn, phục dựng các giá trị văn hóa truyền thống của Lô Lô. UBND xã Lũng Cú đã thành lập đội văn nghệ dân gian bản Lô Lô Chải theo Quyết định số 80/QĐ-UBND, bao gồm 20 thành viên, thường xuyên tổ chức các buổi biểu diễn văn hóa dân gian phục vụ khách du lịch với mức giá cho mỗi buổi biểu diễn dao động từ 1.500.000đ đến 2.500.000đ, tùy vào thời gian và số lượng người tham gia. Đội văn nghệ đã phục dựng gần như nguyên bản các điệu múa truyền thống của người Lô Lô như múa gặt lúa, giã gạo kết hợp với âm thanh từ các nhạc cụ chính như trống da, trống đồng (đây được xem như linh hồn của văn hóa Lô Lô, bảo vật quốc gia), thực hành các trò chơi dân gian như đá lợn. Đây không chỉ là cơ hội để giới thiệu các điệu múa, bài hát, trò chơi truyền thống mà còn là 1 cách để cộng đồng ghi nhớ, lưu truyền các di sản văn hóa, đồng thời cũng nguồn thu nhập thêm cho cộng đồng.

Ngoài ra, sự quan tâm của cấp tỉnh đối với các phong tục mang giá trị tâm linh, đặc biệt là lễ cúng tổ tiên của người Lô Lô, đã tạo ra nền tảng quan trọng cho việc bảo tồn văn hóa phi vật thể, UBND Tỉnh Hà Giang đã ban hành văn bản số 49/KH-SVHTTDL về kế hoạch “Bảo vệ, phát huy, phục dựng và mở lớp truyền dạy dân ca, bí quyết thực hành di sản 'Lễ cúng tổ tiên của người Lô Lô' bản Lô Lô Chải, xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang” nhằm bảo vệ, phát huy và phục dựng các di sản văn hóa, bao gồm việc mở lớp truyền dạy dân ca và bí quyết thực hành di sản "lễ cúng tổ tiên của người Lô Lô" tại bản Lô Lô Chải. Những lớp học này nhằm phục dựng các nghi lễ cúng, phong tục tập quán liên quan đến các lễ hội truyền thống, đồng thời mở các lớp tập huấn hoạt động bảo vệ và bảo tồn di sản

văn hóa của thôn. Từ 2018 đến tháng 12/2024 đã có 5 đợt tập huấn về công tác bảo tồn các giá trị di sản văn hóa tại Lô Lô Chải.

Việc khuyến khích sử dụng trang phục truyền thống cũng là một yếu tố cho thấy du lịch tác động mạnh mẽ đến việc giữ gìn bản sắc văn hóa. Trong khi nhiều nơi trang phục truyền thống chỉ còn xuất hiện trong lễ hội, tại Lô Lô Chải, sự hiện diện thường xuyên của trang phục trong hoạt động du lịch đã giúp trang phục truyền thống được bảo tồn cả về phương diện thẩm mỹ lẫn kỹ thuật chế tác. Điều này góp phần tạo dựng hình ảnh văn hóa đặc trưng, giúp cộng đồng dễ dàng nhận diện và quảng bá bản sắc của mình.

3.3. Đánh giá tác động của du lịch dựa trên nhận thức của cư dân địa phương tại Lô Lô Chải

Bảng thống kê mô tả trình bày các chỉ tiêu cơ bản gồm giá trị trung bình, giá trị nhỏ nhất, lớn nhất và độ lệch chuẩn của các biến dùng để đo lường nhận thức của cư dân về tác động của du lịch. Thông qua các tham số này, có thể đánh giá mức độ đồng thuận cũng như sự phân tán trong ý kiến của người dân đối với từng khía cạnh tác động. Kết quả cho thấy mức độ đồng thuận đối với các nhận định về tác động kinh tế và tác động xã hội của du lịch có sự khác biệt đáng kể giữa các biến, phản ánh tính đa chiều và không đồng nhất trong nhận thức của cộng đồng.

Bảng 3.1. Bảng thống kê mô tả về nhận thức của người dân về tác động của du lịch lên đời sống kinh tế - xã hội tại Lô Lô Chải

Nội dung	Mean	Std. Deviation
KT1: Du lịch thúc đẩy phát triển kinh doanh nhỏ và dịch vụ.	4,40	,586
KT2: Du lịch đã làm tăng cơ hội việc làm cho cư dân địa phương.	4,57	,498
KT3: Du lịch đã làm tăng mức lương của người lao động địa phương.	4,002	1,053
KT4: Du lịch đã làm tăng thu nhập của cư dân	4,58	,630
KT5: Du lịch đã cải thiện mức sống của cư dân	4,43	,807
KT6: Du lịch đã làm tăng sự chênh lệch thu nhập.	4,51	,502
KT7: Du lịch đã làm tăng chi phí sinh hoạt cho cư dân.	4,26	,825

XH1: Du lịch đã cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, y tế, nước, điện và an ninh cho cư dân.	4,50	,661
XH2: Du lịch thúc đẩy các nghề thủ công và nghi lễ truyền thống	4,35	,741
XH3: Du lịch đã làm tăng niềm tự hào của cư dân về văn hóa địa phương.	4,56	,731
XH4: Du lịch đã nâng cao việc bảo tồn các phong tục và văn hóa địa phương	4,52	,635
XH5: Du lịch làm tăng tinh thần đoàn kết trong bản	4,17	,938
X6: Du lịch khiến đời sống riêng tư bị xâm phạm bởi sự có mặt của khách du lịch	1,87	1,10
XH7: Du lịch đã làm tăng sự suy giảm văn hóa truyền thống.	1,90	1,064
XH8: Du lịch đã làm tăng sự suy thoái đạo đức, gia tăng các tệ nạn xã hội như tội phạm, sử dụng ma túy và mại dâm	1,29	0,509
MT1: Du lịch đã làm tăng nhận thức của cư dân về bảo tồn môi trường tự nhiên	4,78	,419
MT2: Du lịch tạo ra động lực cho việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên	4,55	,500
MT3: Du lịch đã làm tăng sự phá hủy thực vật và nạn phá rừng.	1,59	,542
MT4: Du lịch đã làm tăng ô nhiễm nước	1,89	,797
MT5: Du lịch đã làm tăng lượng rác thải	3,93	,796

Nguồn: Tổng hợp của tác giả luận văn

Bảng thống kê mô tả trong nghiên cứu này trình bày các kết quả liên quan đến nhận thức của cư dân về tác động của du lịch đến các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường. Các chỉ tiêu đánh giá tác động của du lịch đối với đời sống kinh tế được phản ánh qua các chỉ số từ KT1 đến KT7.

Kết quả cho thấy cư dân địa phương nhận thức tích cực về sự phát triển kinh tế mà du lịch mang lại. Cụ thể, các chỉ tiêu như KT1 (du lịch thúc đẩy phát triển kinh doanh nhỏ và dịch vụ) và KT3 (du lịch làm tăng mức lương của người lao động địa phương) có giá trị trung bình lần lượt là 4.40 và 4.02, cho thấy sự đồng thuận cao từ cư dân về việc du lịch góp phần thúc đẩy kinh tế địa phương, tạo ra nhiều cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. Tuy nhiên, các độ lệch chuẩn cũng phản ánh một mức độ phân tán trong nhận thức, đặc biệt là

với chỉ tiêu KT3, nơi có độ lệch chuẩn 0.586, cho thấy không phải tất cả cư dân đều đồng tình về mức độ tác động của du lịch đối với thu nhập và cơ hội việc làm.

Về tác động xã hội, các chỉ tiêu từ XH1 đến XH7 phản ánh mức độ nhận thức của cư dân về việc du lịch ảnh hưởng đến sự bảo tồn văn hóa, đời sống xã hội và chất lượng cuộc sống. Chỉ tiêu XH1 đạt giá trị trung bình cao 4.56, cho thấy cư dân đánh giá du lịch có ảnh hưởng tích cực trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa địa phương. Tuy nhiên, các chỉ tiêu như XH6 và XH7 lại có độ lệch chuẩn cao, lần lượt là 1.900 và 1.064, phản ánh sự phân tán mạnh mẽ trong nhận thức của cộng đồng về các vấn đề xã hội và văn hóa liên quan đến du lịch. Điều này có thể cho thấy sự khác biệt trong cảm nhận giữa các nhóm cư dân, đặc biệt là đối với những người ít tham gia vào hoạt động du lịch.

Tác động môi trường của du lịch cũng được phản ánh qua các chỉ tiêu từ MT1 đến MT5. Các chỉ tiêu này đánh giá tác động của du lịch đến bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, chất lượng môi trường và việc sử dụng các tài nguyên thiên nhiên bền vững. Các chỉ tiêu như MT1 và MT4 có giá trị trung bình lần lượt là 4.78 và 4.58, cho thấy cư dân nhận thức rõ ràng về các tác động tích cực của du lịch đối với môi trường. Tuy nhiên, độ lệch chuẩn của chỉ tiêu MT5 lại là 0.659 cho thấy vẫn còn một số ý kiến khác nhau về tác động tiêu cực của du lịch với môi trường.

Dữ liệu thu thập từ bảng thống kê mô tả chỉ ra rằng cư dân địa phương nhìn nhận du lịch chủ yếu mang lại lợi ích kinh tế và xã hội tích cực, đặc biệt trong việc tạo ra cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập và góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, vẫn tồn tại sự phân tán trong nhận thức, nhất là đối với các tác động xã hội và môi trường, cho thấy cần có những chiến lược quản lý du lịch bền vững nhằm hạn chế các hệ quả tiêu cực và tối ưu hóa lợi ích cho cộng đồng. Điều này đồng thời đặt ra yêu cầu tăng cường sự tham gia của người dân trong quá trình hoạch định và triển khai các chính sách phát triển du lịch tại địa phương.

Bảng 3.2. Kết quả Anova Test về nhận thức của người dân về tác động của du lịch lên đời sống kinh tế - xã hội tại Lô Lô Chải

Nội dung	F	Sig
KT0: Mức thu nhập bình quân của người dân	77,298	,000
KT1: Du lịch thúc đẩy phát triển kinh doanh nhỏ và dịch vụ.	17,185	,000
KT2: Du lịch đã làm tăng cơ hội việc làm cho cư dân địa phương.	,496	,739
KT3: Du lịch đã làm tăng mức lương của người lao động địa phương.	11,393	,000
KT4: Du lịch đã làm tăng thu nhập của cư dân	32,655	,000
KT5: Du lịch đã cải thiện mức sống của cư dân	14,375	,000
KT6: Du lịch đã làm tăng sự chênh lệch thu nhập.	2,212	,072
KT7: Du lịch đã làm tăng chi phí sinh hoạt cho cư dân.	4,422	,002
XH1: Du lịch đã cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, y tế, nước, điện và an ninh cho cư dân.	3,691	,007
XH2: Du lịch thúc đẩy các nghề thủ công và nghi lễ truyền thống	,680	,607
XH3: Du lịch đã làm tăng niềm tự hào của cư dân về văn hóa địa phương.	2,092	,086
XH4: Du lịch đã nâng cao việc bảo tồn các phong tục và văn hóa địa phương	,283	,888
XH5: Du lịch làm tăng tinh thần đoàn kết trong bản	8,421	,000
X6: Du lịch khiến đời sống riêng tư bị xâm phạm bởi sự có mặt của khách du lịch	3,317	,013
XH7: Du lịch đã làm tăng sự suy giảm văn hóa truyền thống.	,557	,694
XH8: Du lịch đã làm tăng sự suy thoái đạo đức, gia tăng các tệ nạn xã hội như tội phạm, sử dụng ma túy và mại dâm	1,536	,196
MT1: Du lịch đã làm tăng nhận thức của cư dân về bảo tồn môi trường tự nhiên	1,655	,165
MT2: Du lịch tạo ra động lực cho việc bảo tồn tài nguyên	,049	,995

Nội dung	F	Sig
thiên nhiên		
MT3: Du lịch đã làm tăng sự phá hủy thực vật và nạn phá rừng.	,433	,785
MT4: Du lịch đã làm tăng ô nhiễm nước	1,171	,327
MT5: Du lịch đã làm tăng lượng rác thải	13,318	,000

Nguồn: Tổng hợp của tác giả luận văn

Kết quả ANOVA chỉ ra rằng du lịch có tác động rõ rệt đến thu nhập của cư dân. Cụ thể, chỉ tiêu KT3: Du lịch đã làm tăng mức lương của người lao động địa phương đạt giá trị Sig = .000, cho thấy du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc tăng thu nhập cho người dân địa phương. Điều này phản ánh sự gia tăng các cơ hội việc làm và sự phát triển kinh tế mà du lịch mang lại. Thêm vào đó, chỉ tiêu KT5: Du lịch đã cải thiện mức sống của cư dân có giá trị Sig = .000, cho thấy mức sống của cư dân địa phương được nâng cao nhờ vào sự phát triển kinh tế từ du lịch. Tác động này không chỉ thể hiện qua thu nhập mà còn qua sự cải thiện về chất lượng sống của cộng đồng.

Về mặt xã hội là 8.421 với Sig = .000, chỉ ra rằng du lịch giúp tăng cường sự đoàn kết trong cộng đồng. Điều này cho thấy rằng du lịch không chỉ tạo ra lợi ích kinh tế, mà còn góp phần củng cố mối quan hệ xã hội và tinh thần cộng đồng. Tuy nhiên, chỉ tiêu XH7: Du lịch đã làm tăng sự suy giảm văn hóa truyền thống có giá trị Sig = .694, cho thấy mặc dù du lịch có thể có ảnh hưởng tiêu cực đến việc bảo tồn văn hóa truyền thống, nhưng tác động này không phải là một yếu tố quá lớn đối với cư dân địa phương. Điều này phản ánh sự phân tán trong nhận thức của cộng đồng về sự thay đổi trong các giá trị văn hóa truyền thống.

Về tác động môi trường, chỉ tiêu MT5: Du lịch đã làm tăng lượng rác thải có giá trị Sig = .000, cho thấy một tác động tiêu cực rõ rệt từ du lịch đối với môi trường. Lượng rác thải gia tăng là một vấn đề đáng lo ngại trong khu vực du lịch, đặc biệt khi số lượng khách du lịch ngày càng tăng. Tác động này phản ánh sự thiếu hụt trong các biện pháp bảo vệ môi trường, cần thiết phải có các giải pháp quản lý du lịch bền vững để giảm thiểu các vấn đề ô nhiễm môi trường.

Các kết quả từ bảng ANOVA chỉ ra rằng du lịch có tác động tích cực đến các yếu tố kinh tế và xã hội, đặc biệt là trong việc tạo ra cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống cho cư dân địa phương. Tuy nhiên, các tác động tiêu cực của du lịch, đặc biệt là về môi trường, như sự gia tăng lượng rác thải, cũng là một vấn đề đáng quan tâm. Điều này yêu cầu các nhà quản lý du lịch cần phải có chiến lược quản lý và phát triển du lịch bền vững, nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực và đảm bảo lợi ích lâu dài cho cộng đồng địa phương.

3.3.1. Tác động của du lịch lên đời sống kinh tế ở Lô Lô Chải giữa các nhóm nghề nghiệp của cư dân

Các biến thuộc nhóm tác động kinh tế (KT1–KT7) nhìn chung có giá trị trung bình cao, phản ánh mức độ đồng thuận mạnh của cư dân về vai trò tích cực của du lịch đối với sự phát triển kinh tế địa phương. Điều này cho thấy người dân nhận thức rõ ràng và tương đối thống nhất về những lợi ích mà hoạt động du lịch mang lại.

Các biến KT1–KT6 đều có điểm trung bình trong khoảng 4.40–4.58, thể hiện mức đồng thuận rất cao. Điều này cho thấy cư dân đánh giá du lịch đã mang lại nhiều lợi ích kinh tế rõ rệt, bao gồm:

Thúc đẩy phát triển kinh doanh nhỏ và dịch vụ (KT1): Có thể hiểu rằng du lịch sẽ thúc đẩy các hộ gia đình kinh doanh với quy mô nhỏ như tham gia vào hoạt động buôn bán, dịch vụ du lịch, homestay, nhà hàng, bán hàng lưu niệm góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống.

Tuy nhiên Kết quả kiểm định Post Hoc Tukey đối với biến KT1 – “Du lịch thúc đẩy phát triển kinh doanh nhỏ và dịch vụ” cho thấy mức độ đồng thuận khác biệt rõ rệt giữa các nhóm nghề nghiệp. Nhóm kinh doanh dịch vụ lưu trú ghi nhận mức đồng ý cao nhất (Mean = 4.67), tiếp theo là kinh doanh dịch vụ bổ sung (Mean = 4.60) và chăn nuôi (Mean = 4.39). Nhóm kinh doanh ăn uống và mua sắm thể hiện mức đồng thuận trung bình (Mean = 4.20), trong khi nhóm trồng trọt có mức đánh giá thấp nhất (Mean = 3.77). Điều này phản ánh rằng các hoạt động

kinh doanh gắn trực tiếp với du lịch hưởng lợi nhiều nhất từ sự phát triển du lịch, trong khi tác động lan tỏa đến nhóm nông nghiệp còn hạn chế.

Bảng 3.3. Kết quả kiểm định Post-hoc theo nghề nghiệp với biến KT1

Nghề nghiệp chính	N	Subset for alpha = 0.05	
		1	2
Trồng trọt	26	3,77	
Kinh doanh ăn uống và mua sắm	5	4,20	4,20
Chăn nuôi	23		4,39
Kinh doanh dịch vụ bổ sung	5		4,60
Kinh doanh dịch vụ lưu trú	61		4,67

Nguồn: Tổng hợp của tác giả luận văn

Du lịch giúp tăng cơ hội việc làm cho cư dân địa phương (KT2): Cư dân cho rằng du lịch tạo thêm việc làm trực tiếp (hướng dẫn viên, lễ tân, bán hàng...) và gián tiếp (dịch vụ ăn uống, vận chuyển...), điều này cho thấy du lịch không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế mà còn tạo ra cơ hội việc làm phong phú cho cư dân địa phương. Cư dân trong khu vực đều nhận thấy rằng ngành du lịch đã mở rộng cơ hội việc làm trực tiếp và gián tiếp, góp phần đáng kể vào việc giảm tỷ lệ thất nghiệp và nâng cao thu nhập cho người dân.

Cụ thể, . Chị Vàng Thị Xuân, nhân viên của Dành House homestay chia sẻ :
“Trước kia thì chị phải đi làm ở xa dưới tận Yên Minh hoặc dưới thành phố Hà Giang, nhưng từ khi phát triển du lịch thì chị về làm ở đây, vừa trông con vừa đi làm, mỗi tháng thu nhập khoảng 5.000.000đ - 6.000.000đ”.

KT3 - Du lịch giúp tăng mức lương cho người dân địa phương cư dân: Kết quả khảo sát về quan điểm của cư dân địa phương đối với tác động của du lịch đến mức lương cho thấy sự đồng thuận cao. Cụ thể, giá trị trung bình (mean) là 4,00 cho thấy phần lớn người dân đều đồng ý rằng du lịch đã góp phần tăng mức lương của người dân. Điều này phản ánh nhận thức tích cực của cộng đồng về vai trò của ngành du lịch trong việc cải thiện mức lương. Độ lệch chuẩn (Std. Deviation) là 1,053, cho thấy mức độ đồng thuận cao trong các câu trả lời, nghĩa là các quan điểm

của cư dân về tác động của du lịch đối với mức lương khá gần nhau, tuy nhiên vẫn có một nhóm nhỏ có quan điểm khác biệt hơn. Những kết quả này chỉ ra rằng du lịch không chỉ mang lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng mà còn được nhìn nhận một cách mạnh mẽ và đồng thuận, thể hiện sự thay đổi tích cực trong nhận thức của người dân về ngành du lịch và tác động của nó đến mức lương. Anh Vàng Di Văn - nhân viên dọn phòng cho Dành house homestay chia sẻ “Thu nhập 1 tháng của tôi vào mùa cao điểm là 5.000.000đ/tháng, ăn cơm ngày 2 bữa, mùa thấp điểm ít khách thì chỉ đi làm ngày cuối tuần hoặc ngày nào mà đông khách thì mới cần đi làm, tháng cũng được 2.500.000đ - 3.000.000đ, nhà cũng vẫn làm ruộng nên cũng cải thiện được thu nhập hàng tháng”. Chị HKD3, nhân viên của cơ sở kinh doanh cắt tóc, gội đầu chia sẻ “ Tôi năm nay mới 18 tuổi, học hết cấp 2 nên những năm trước chỉ ở nhà làm ruộng, rảnh thì xuống thị trấn làm bốc vác, thu nhập bấp bênh, từ khi làm ở đây tôi có mức lương ổn định là 4.500.000đ 1 tháng, lại gần nhà nên rất thuận tiện”, chị HQL3, chủ homestay chia sẻ “Khi quyết định kinh doanh dịch vụ lưu trú, chị mong muốn có thể giải quyết được phần nào nhu cầu việc làm cho bà con ở đây, bình thường mọi người chỉ trông rọt hoặc đi làm xa với mức thu nhập thấp, tôi trả mức lương cao hơn, sử dụng luôn người dân tộc Lô Lô để chia sẻ với khách du lịch về văn hóa của người Lô Lô...” Mặc dù vậy, vẫn có nhóm nhỏ người dân không có nhiều nhận thức về việc tăng thu nhập nhờ du lịch, chủ yếu thuộc nhóm gia đình làm nông nghiệp, trông rọt và chăn nuôi, đa phần là tự cung tự cấp, không làm thuê cho các cơ sở kinh doanh trong bản nên du lịch ít tác động lên nhóm đối tượng này ở phương diện tiền lương, số ít gia đình có người đi làm thuê cho các cơ sở kinh doanh trong bản thì có nhận thức tích cực hơn về quan điểm này, điều này cũng được thể hiện thông qua kết quả ANOVA cho thấy nhóm kinh doanh dịch vụ lưu trú có mức đánh giá cao nhất (Mean = 4.51), tiếp theo là nhóm kinh doanh dịch vụ bổ sung (Mean = 4.20) và nhóm kinh doanh ăn uống, mua sắm (Mean = 3.80). Nhóm chăn nuôi ghi nhận mức độ đồng thuận trung bình (Mean = 3.57), trong khi nhóm trông rọt có mức đánh giá thấp nhất (Mean = 3.19). Điều này cho thấy các hộ gia đình tham gia trực tiếp vào chuỗi dịch vụ du lịch cảm nhận rõ

ràng hơn về tác động tích cực của du lịch đối với thu nhập và tiền lương, trong khi các hộ làm nông nghiệp ít thấy được lợi ích này.

Bảng 3.4. Kết quả kiểm định Post-hoc theo nghề nghiệp với biến KT3

NGHE_NGHIEP_CHINH	N	Subset for alpha = 0.05	
		1	2
Trồng trọt	26	3,19	
Chăn nuôi	23	3,57	3,57
Kinh doanh ăn uống và mua sắm	5	3,80	3,80
Kinh doanh dịch vụ bổ sung	5	4,20	4,20
Kinh doanh dịch vụ lưu trú	61		4,51

Nguồn: Tổng hợp của tác giả luận văn

Anh HQL1 chia sẻ: “Xã cũng thường xuyên thăm hỏi các hộ kinh doanh, quan tâm đến người lao động. Trước mắt, việc phát triển các dịch vụ du lịch đã giải quyết được phần nào vấn đề việc làm cho lao động trong thôn nhưng chưa nhiều, vì đặc điểm thời tiết nên từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau là mùa cao điểm, thời điểm này khách du lịch đông hơn, nhiều việc làm hơn. Từ tháng 6 đến tháng 10 hàng năm là mùa mưa bão nên ít khách du lịch hơn, thường thì các hộ kinh doanh sẽ tự phục vụ hoặc sẽ thuê theo buổi chứ không có mức lương ổn định, người lao động lớn tuổi thường ít tham gia vào các hoạt động du lịch hơn vì họ không hiểu nhiều tiếng kinh và ít chuyên môn dịch vụ”.

Du lịch đã chứng minh là một yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các địa phương, đặc biệt là trong việc tăng thu nhập cho người lao động. Với việc thu hút lượng lớn khách du lịch, ngành Du lịch không chỉ tạo ra các cơ hội việc làm trực tiếp mà còn góp phần nâng cao mức lương cho người dân thông qua các hoạt động liên quan đến dịch vụ, khách sạn, vận tải và các ngành nghề hỗ trợ khác. Mặc dù có sự khác biệt về quan điểm, nhưng phần lớn cư dân đều nhận thấy rằng du lịch đã tạo ra những cơ hội kinh tế mới, giúp cải thiện chất lượng cuộc sống và tăng thu nhập cho người lao động. Điều này cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa sự phát triển của du lịch và mức độ cải thiện thu nhập của người dân

địa phương, khẳng định vai trò của du lịch trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững tại các cộng đồng.

Tăng thu nhập cá nhân và hộ gia đình (KT4): Điểm trung bình 4.52 cho thấy nhận thức mạnh mẽ rằng thu nhập được cải thiện nhờ du lịch. Tuy vậy, kết quả kiểm định Post Hoc Tukey đối với biến KT4 cho thấy mức độ đồng thuận về nhận định “du lịch làm tăng thu nhập của cư dân” khác biệt rõ rệt giữa các nhóm nghề nghiệp. Nhóm kinh doanh dịch vụ lưu trú ghi nhận mức đánh giá cao nhất (Mean = 5.00), tiếp đến là kinh doanh ăn uống và mua sắm (Mean = 4.87) và kinh doanh dịch vụ bổ sung (Mean = 4.80). Nhóm chăn nuôi có mức đồng thuận thấp hơn đáng kể (Mean = 4.65), trong khi trồng trọt là nhóm đánh giá thấp nhất (Mean = 3.73). Những kết quả này cho thấy các hộ gia đình tham gia trực tiếp vào hoạt động kinh doanh du lịch nhận thấy thu nhập tăng rõ rệt hơn so với nhóm làm nông nghiệp, vốn không có sự liên kết chặt chẽ với chuỗi giá trị du lịch.

KT5 - Kết quả khảo sát về quan điểm của cư dân địa phương đối với tác động của du lịch đến việc cải thiện mức sống cho thấy sự đồng thuận cao với giá trị trung bình (mean) là 4,58, gần với mức cao nhất của thang đo Likert 5 bậc, cho thấy phần lớn cư dân đồng ý mạnh mẽ rằng du lịch đã có tác động tích cực đến mức sống của họ. Mức độ đồng ý này phản ánh sự nhận thức rõ ràng và mạnh mẽ về lợi ích kinh tế mà ngành du lịch mang lại cho cộng đồng. Độ lệch chuẩn (Std. Deviation) chỉ là 0,630, cho thấy mức độ đồng nhất cao trong các câu trả lời, với rất ít sự phân tán giữa các phản hồi. Điều này cho thấy rằng các cư dân đều có quan điểm gần gũi về tác động của du lịch, với phần lớn nhận thấy rõ rệt sự cải thiện trong đời sống nhờ vào ngành Du lịch.

Về mặt văn hóa, làng cũng đã thành lập một đội văn nghệ dân gian gồm 20 thành viên nhằm mục đích bảo tồn và biểu diễn các điệu múa dân gian đặc sắc của địa phương. Đây là một sáng kiến quan trọng không chỉ góp phần duy trì và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống mà còn là một phần của các hoạt động thu hút khách du lịch, tạo nên một sản phẩm du lịch văn hóa độc đáo. Mặc dù vậy, kết quả kiểm định Post Hoc test lại cho thấy sự chênh lệch đáng kể về sự đồng ý với

quan điểm này qua từng nhóm nghề nghiệp. Nhóm kinh doanh dịch vụ lưu trú ghi nhận mức đánh giá cao nhất (Mean = 4.85), tiếp theo là nhóm kinh doanh ăn uống và mua sắm (Mean = 4.60) và kinh doanh dịch vụ bổ sung (Mean = 4.40). Các nhóm chăn nuôi (Mean = 4.04) và trồng trọt (Mean = 3.77) có mức đồng thuận thấp hơn rõ rệt.

Điều này phản ánh rằng sự cải thiện mức sống chủ yếu được cảm nhận bởi các hộ gia đình tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch, trong khi các nhóm làm nông nghiệp là các hộ ít liên quan đến chuỗi giá trị du lịch thì chỉ ghi nhận mức thay đổi khiêm tốn hơn. Những thay đổi này cho thấy sự phát triển toàn diện của làng Lô Lô Chải, với ngành Du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện mức sống của cư dân; đồng thời tạo cơ hội phát triển bền vững cho cộng đồng địa phương.

KT6 - Du lịch làm tăng sự chênh lệch thu nhập giữa các nhóm cư dân.

Kết quả khảo sát đối với biến KT6 cho thấy cư dân địa phương có nhận định khá rõ ràng về tác động của du lịch đối với sự chênh lệch thu nhập trong cộng đồng. Giá trị trung bình (Mean = 4,51) nằm gần mức cao nhất của thang đo Likert 5 bậc, phản ánh rằng phần lớn người dân đồng ý rằng quá trình phát triển du lịch đã làm gia tăng khoảng cách thu nhập giữa các nhóm hộ gia đình. Điều này cho thấy tuy du lịch mang lại nhiều cơ hội kinh tế, nhưng lợi ích không được phân bổ đồng đều, đặc biệt giữa các hộ tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch và các hộ ít hoặc không tham gia. Độ lệch chuẩn tương đối thấp (Std. Deviation = 0,502) chứng tỏ các phản hồi khá đồng nhất, với mức độ phân tán không lớn. Điều này nghĩa là cư dân có sự thống nhất cao trong nhận định rằng phát triển du lịch, bên cạnh những tác động tích cực, cũng kéo theo sự phân hóa thu nhập trong cộng đồng. Đây là một chỉ số quan trọng, cho thấy cần có các chính sách điều tiết, hỗ trợ và phân bổ nguồn lợi công bằng hơn trong chiến lược phát triển du lịch địa phương.

Kết quả phân tích ANOVA giữa thu nhập của người dân và các nhóm ngành (KT0) cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa mức thu nhập của các nhóm ngành nghề tại bản Lô Lô Chải ($F = 77,298$, $Sig. = 0,000$), chỉ ra rằng thu nhập của

các nhóm ngành nghề không đồng đều. Cụ thể, kết quả kiểm định Post Hoc với phương pháp Tukey xác định rằng nhóm Trồng trọt có mức thu nhập thấp nhất, với giá trị 1,00, trong khi nhóm Chăn nuôi có mức thu nhập cao hơn, đạt 1,61.

Các nhóm ngành Kinh doanh ăn uống và mua sắm, Kinh doanh dịch vụ bổ sung và Kinh doanh dịch vụ lưu trú được nhóm vào cùng một phân nhóm với mức thu nhập cao hơn, từ 2,20 đến 3,11. Điều này cho thấy sự phân hóa rõ rệt về mức thu nhập giữa các nhóm ngành nghề, với ngành Kinh doanh dịch vụ lưu trú có mức thu nhập cao nhất, phản ánh sự phát triển mạnh mẽ của ngành Du lịch trong khu vực. Những kết quả này không chỉ làm rõ sự chênh lệch thu nhập mà còn cho thấy mối quan hệ giữa các ngành nghề truyền thống và dịch vụ du lịch đang dần chuyên dịch tại địa phương. Chi tiết được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 3.5. Kết quả phân tích phương sai một nhân tố (One-way ANOVA) theo nghề nghiệp chính

	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	95,917	4	23,979	77,298	,000
Within Groups	35,675	115	,310		
Total	131,592	119			

Nguồn: Tổng hợp của tác giả luận văn

Bảng 3.6. Kết quả kiểm định hậu nghiệm (Post Hoc) – Bảng nhóm đồng nhất theo nghề nghiệp chính

NGHE_NGHIEP	N	Subset for alpha = 0.05			
		1	2	3	4
Trồng trọt	26	1,00			
Chăn nuôi	23		1,61		
Kinh doanh ăn uống và mua sắm	5			2,20	
Kinh doanh dịch vụ bổ sung	5			2,60	2,60
Kinh doanh dịch vụ lưu trú	61				3,11

Nguồn: Tổng hợp của tác giả luận văn

Kết quả khảo sát đối với biến KT7 cho thấy cư dân địa phương có nhận thức rằng du lịch có ảnh hưởng đến chi phí sinh hoạt, với giá trị trung bình (Mean = 4,26) gần mức cao của thang đo Likert 5 bậc. Điều này phản ánh rằng phần lớn người dân đồng ý rằng du lịch đã góp phần làm tăng chi phí sinh hoạt nói chung. Tuy nhiên, độ lệch chuẩn khá lớn (Std. Deviation = 0,825) cho thấy sự phân tán trong các phản hồi, nghĩa là không phải tất cả cư dân đều cảm nhận sự gia tăng chi phí này một cách đồng đều. Một số hộ gia đình có thể cảm thấy rõ rệt sự tăng chi phí do sự phát triển du lịch, trong khi các hộ khác không bị ảnh hưởng nhiều.

Điều này chỉ ra rằng, mặc dù du lịch là một yếu tố góp phần làm tăng chi phí sinh hoạt, nhưng không hoàn toàn do du lịch mà có thể là do các biến động thị trường và các yếu tố kinh tế vĩ mô như lạm phát hoặc biến động giá cả thị trường. Các yếu tố này cũng có thể ảnh hưởng đến giá cả sinh hoạt chung, khiến người dân cảm nhận rằng chi phí sống đã tăng lên. Qua phỏng vấn thực tế chị HKD4 - chủ cửa hàng tạp hóa cho biết “Giá cả tăng là do thị trường nói chung chứ không hoàn toàn vì du lịch hàng hóa nhập về giá cao thì phải bán giá cao thôi”, Anh HKD5 - chủ homestay cho biết “Việc nhập 1 số nguyên liệu thực phẩm tăng cao hơn vì khách du lịch tiêu thụ nhiều hơn mà trong bản thì không phải ai cũng nuôi gà, trồng rau để bán nên giá cả có bị cao hơn 1 chút”, số khác cho rằng họ không bị ảnh hưởng nhiều bởi giá cả vì gia đình chủ yếu tự cung tự cấp về thực phẩm. Do đó, kết quả này cho thấy rằng sự gia tăng chi phí sinh hoạt không chỉ do du lịch mà còn do những yếu tố bên ngoài khác, và du lịch chỉ là một trong các yếu tố tác động vào sự thay đổi này.

Tổng thể, kết quả khảo sát cho thấy cư dân Lô Lô Chải nhận thức rõ những lợi ích mà du lịch mang lại, như tăng thu nhập và cơ hội việc làm, nhưng cũng đồng thời nhận thấy những thách thức đi kèm, như sự phân hóa thu nhập và chi phí sinh hoạt. Điều này yêu cầu các giải pháp hợp lý để duy trì sự phát triển bền vững của ngành Du lịch; đồng thời đảm bảo sự công bằng trong việc phân bổ lợi ích giữa các nhóm cư dân.

3.3.2. Tác động của du lịch lên đời sống xã hội của cư dân địa phương

Tác động của du lịch lên đời sống xã hội của cư dân địa phương được nhận thức bởi cư dân bản địa thông qua các yếu tố liên quan đến sự cải thiện các dịch vụ cơ bản, bảo tồn văn hóa truyền thống, cũng như những ảnh hưởng tiêu cực có thể phát sinh (biến XH1-XH9). Kết quả thống kê mô tả cho thấy, nhận thức tích cực của người dân về tác động xã hội của du lịch với một số điểm chính như sau:

XH1 - Du lịch đã cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, y tế, nước, điện và an ninh cho cư dân, ở biến này cho thấy du lịch được nhận thức có tác động tích cực trong việc cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, y tế, nước, điện và an ninh với giá trị trung bình 4,50 và độ lệch chuẩn 0,661 cho thấy đa số cư dân đều cho rằng du lịch đã góp phần nâng cao chất lượng đời sống trong các lĩnh vực này, mặc dù vẫn có một số ý kiến không đồng nhất về mức độ tác động. Chị HNN1 chia sẻ: "Ngày trước khó khăn hơn, mỗi lúc ốm đau phải đi xa lắm mới xuống được bệnh viện, không thì ở nhà chữa mẹo thôi, bây giờ có trạm y tế, có hiệu thuốc xung quanh, đau bụng cũng có thuốc ngay." Chị HKD6 cũng tâm sự: "Trong nhà lúc nào cũng có tủ thuốc theo quy định của Nhà nước khi kinh doanh homestay, nên nếu có đau đầu, sổ mũi, tiêu chảy là ứng biến được ngay.". Những thay đổi này cho thấy tác động tích cực của du lịch không chỉ ở mặt phát triển kinh tế mà còn làm nâng cao chất lượng cuộc sống, mang lại những lợi ích rõ rệt trong việc chăm sóc sức khỏe và giáo dục cho cư dân địa phương.

XH2 - Du lịch thúc đẩy phát triển các ngành nghề thủ công, nhận thức của người dân về quan điểm này cũng nhận được sự đồng thuận cao với mean = 4,35 và độ lệch chuẩn 0,741 cho thấy mặc dù còn việc nhận thức có chút chưa đồng đều nhưng đa phần cư dân đều cho rằng du lịch đã thúc đẩy nghề thủ công. Theo ông HQL1 chia sẻ “ Việc khôi phục, duy trì và phát triển làng nghề truyền thống của Lô Lô Chải cũng nằm trong đề án phát triển du lịch chung của xã, chính quyền cũng rất quan tâm mở các lớp dạy nghề, truyền nghề nhưng cũng có một số khó khăn do nhu

cầu chủ yếu là người dân tự sử dụng, số ít là khách du lịch mua nhưng với số lượng không nhiều, vì vậy việc phát triển kinh tế chính vẫn là kinh doanh các dịch vụ lưu trú và các dịch vụ bổ sung khác”. Những nỗ lực này chứng tỏ rằng du lịch không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn hỗ trợ mạnh mẽ trong việc bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc của cộng đồng địa phương.

XH3 - Du lịch đã làm tăng niềm tự hào của cư dân về văn hóa địa phương, với giá trị trung bình 4,56 và độ lệch chuẩn 0,731, nhận thức này cho thấy sự đồng thuận trong cộng đồng, khẳng định rằng du lịch là yếu tố quan trọng trong việc nâng cao sự tự hào và giá trị văn hóa dân tộc. Bà con địa phương đã chia sẻ rằng họ cảm thấy rất vui và tự hào khi có cơ hội giới thiệu và biểu diễn các điệu múa, trò chơi dân gian của dân tộc mình cho khách du lịch, chị HKD7, thành viên đội văn nghệ dân gian Lô Lô Chải chia sẻ “ Mỗi khi có nhà (homestay) nào thuê biểu diễn chúng tôi rất vui, vừa có thêm thu nhập, vừa được biểu diễn và giao lưu với khách bằng điệu múa, trò chơi, tôi thấy rất tự hào khi được mang đến những nét đẹp truyền thống của mình khiến khách du lịch vui vẻ và thích thú”. Những hoạt động này không chỉ giúp khách du lịch hiểu rõ hơn về bản sắc văn hóa của địa phương mà còn là dịp để người dân cảm nhận được sự trân trọng và yêu mến từ khách du lịch. Các biểu diễn này thường xuyên nhận được sự thích thú, khen ngợi từ khách du lịch, làm tăng thêm niềm tự hào của bà con về những giá trị văn hóa truyền thống của mình. Thông qua những chia sẻ này, có thể thấy rằng du lịch không chỉ giúp nâng cao giá trị kinh tế mà còn là công cụ hiệu quả để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, đồng thời gắn kết cộng đồng địa phương với thế giới bên ngoài.

XH4 - Du lịch đã nâng cao việc bảo tồn các phong tục và văn hóa địa phương, Kết quả khảo sát cho thấy người dân đánh giá rất tích cực về tác động của du lịch đối với việc bảo tồn các phong tục, tập quán và di sản văn hóa của người Lô Lô. Giá trị trung bình 4,52 cùng độ lệch chuẩn 0,635 phản ánh mức độ đồng thuận tương đối cao, cho thấy phần lớn cư dân nhận thức được vai trò của du lịch như một nhân tố thúc đẩy quá trình bảo tồn văn hóa địa phương. So với nghiên cứu của Vedastus, S.K. Said khi nghiên cứu tác động xã hội của du lịch

lên đời sống của cư dân – nơi quan điểm của cư dân chỉ dừng lại ở mức mean = 2,27, khá thấp, thì kết quả tại Lô Lô Chải thể hiện mức đánh giá cao hơn, cho thấy cộng đồng nơi đây có sự chủ động và tích cực trong tham gia hoạt động bảo tồn gắn với du lịch.

XH5: Du lịch đã làm tăng tinh thần đoàn kết và hợp tác trong bản. Theo kết quả nghiên cứu, phát biểu “Du lịch làm tăng tinh thần đoàn kết trong bản làng” có giá trị trung bình (Mean) = 4,11 cho thấy phần đa người dân đồng ý với nhận định này và độ lệch chuẩn (Std) = 0,960 cho thấy mức độ chênh lệch giữa các ý kiến không quá nhiều. Điều đó cho thấy hoạt động du lịch đã góp phần củng cố tinh thần gắn bó, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên trong cộng đồng địa phương. Khi du lịch phát triển, người dân thường cùng nhau tổ chức các dịch vụ homestay, bán hàng lưu niệm hoặc biểu diễn văn hóa truyền thống, tạo mối liên kết chặt chẽ trong quá trình chia sẻ lợi ích kinh tế và bảo tồn giá trị văn hóa bản địa.

Thực tế khảo sát tại Lô Lô Chải, người dân thường xuyên phối hợp cùng nhau trong việc đón tiếp khách du lịch, duy trì vệ sinh môi trường, và tổ chức các lễ hội dân gian, những hoạt động này đã làm tăng sự tin tưởng, đoàn kết và tự hào cộng đồng. Các hoạt động mang tính tập thể này đã tạo điều kiện để các hộ gia đình tăng cường tương tác, củng cố niềm tin lẫn nhau và nâng cao tinh thần đoàn kết nội bộ. Đồng thời, việc cùng chung trách nhiệm trong quảng bá văn hóa và giữ gìn hình ảnh bản làng trước khách du lịch không chỉ nâng cao ý thức cộng đồng, mà còn góp phần gia tăng niềm tự hào về bản sắc văn hóa địa phương. Những minh chứng này cho thấy du lịch đóng vai trò như một yếu tố quan trọng thúc đẩy sự hợp tác, hỗ trợ và thống nhất giữa các thành viên trong cộng đồng Lô Lô Chải. Chị HKD8, chủ homestay Homi chia sẻ: “*Mỗi người trong thôn hay cùng nhau tổ chức các hoạt động cộng đồng như các ngày lễ, nhà tôi kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống cũng thường xuyên mua nguyên liệu của các hộ gia đình khác, từ đó mọi người trở nên thân thiết hơn*”, anh Sinh Gi Gai, trưởng bản chia sẻ “*Nhận thấy những chênh lệch trong thu nhập giữa các hộ gia đình, xã đã thành lập 1 quỹ chung gọi là quỹ đoàn kết, vận động từ các nguồn như các hộ gia đình*

kinh doanh dịch vụ du lịch, các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn, trích từ các nguồn tổ chức khác để hỗ trợ các hộ gia đình có thu nhập thấp hơn và phân bổ vào công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của thôn bản”. Tuy nhiên cũng có 1 số ý kiến còn phân vân về điều này, đặc thù cơ cấu dân số của Lô Lô Chải chủ yếu từ hai dòng họ lớn là họ Sinh (chiếm khoảng 30%) và họ Vàng (33%) và một số họ khác như Dìu, Vũ..., các họ có mối liên kết bền chặt từ trước cũng như tính chất kết hôn trong bản nên mối liên kết giữa các hộ dân trong bản rất chặt chẽ, anh HKD9 chia sẻ : “Ở đây mọi người toàn là anh em trong dòng họ cả, nên tinh thần đoàn kết cao từ xưa chứ không phải bây giờ, nhưng có du lịch thì mọi người quan tâm đến nhau, trao đổi mua bán, kinh nghiệm kinh doanh nhiều hơn”. Có thể thấy kết quả nghiên cứu từ khảo sát và phỏng vấn sâu người dân cùng với thực tiễn địa phương đều khẳng định du lịch là nhân tố tích cực thúc đẩy sự hòa hợp và gắn kết xã hội ở cộng đồng.

Về mặt tác động tiêu cực từ du lịch, nhìn chung cư dân địa phương không cho rằng du lịch gây ra các tác động tiêu cực đáng kể đối với đời sống xã hội. Các yếu tố liên quan đến sự xâm phạm đời sống cá nhân và sự suy giảm văn hóa truyền thống, mặc dù được đề cập trong nghiên cứu, nhưng đều có mức đánh giá rất thấp. Yếu tố "du lịch khiến đời sống ngày càng bị xâm phạm" chỉ đạt giá trị trung bình 1,87, cho thấy sự đồng thuận trong cộng đồng rằng du lịch không phải là yếu tố chính dẫn đến sự xâm phạm đời sống riêng tư của cư dân.

Khi được hỏi về vấn đề này anh HNN2(hộ có nghề nghiệp chính là trồng trọt) chia sẻ “ Khách du lịch đến thì họ cũng đi chơi, đi ăn, chụp ảnh trong bản thôi, nhà tôi không bị ảnh hưởng gì nhiều lắm, các hoạt động văn nghệ thì sau 10h cũng dừng lại, nhiều khi thấy có khách du lịch đến, tôi lại có thêm động lực để mở cửa hàng kinh doanh”. Chị HKD10 - chủ cửa hàng kinh doanh ăn uống cho biết “Mình kinh doanh ăn uống nên nhiều khi khách cũng ồn ào, nhưng mà người ta ăn một lúc rồi thôi, với lại người ta mang lại nguồn thu cho mình thì không thấy phiền hay gì hết”, nhưng cũng có nhiều ý kiến cho thấy du lịch phần nào đã khiến cuộc sống của họ bị ảnh hưởng, anh HNN3, hộ trồng trọt cho biết “khách du lịch cười nói quá to,

chụp ảnh gây ảnh hưởng đến sinh hoạt riêng của gia đình tôi". Có thể thấy rằng người dân đánh giá du lịch ít mang lại sự xâm phạm đời sống riêng tư, tuy nhiên cũng có những ý kiến cho thấy khác, theo thống kê của tác giả luận văn, ở nhóm hộ gia đình chăn nuôi và trồng trọt có nhận thức mạnh mẽ hơn về vấn đề này, điều này được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng 3.7. Kết quả thống kê mô tả về tác động tiêu cực của du lịch theo nhóm nghề nghiệp của cư dân

Nhóm nghề nghiệp	Mean	N	Std. Deviation
Kinh doanh dịch vụ lưu trú	1,69	61	1,041
Kinh doanh ăn uống và mua sắm	1,60	5	,894
Kinh doanh dịch vụ bổ sung	1,20	5	,447
Trồng trọt	2,46	26	1,303
Chăn nuôi	2,13	23	,920
Total	1,92	120	1,104

Nguồn: Tổng hợp của tác giả luận văn

Quan điểm "Du lịch làm tăng sự suy giảm văn hóa truyền thống," với giá trị trung bình 1,90, độ lệch chuẩn 1,064 cho thấy cư dân cũng không cho rằng du lịch có tác động tiêu cực đáng kể đối với các giá trị văn hóa truyền thống. Mặc dù du lịch có thể tạo ra một số sự thay đổi về thói quen và lối sống, tuy nhiên, người dân địa phương tin rằng du lịch thực sự đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa của cộng đồng, thể hiện qua các hoạt động biểu diễn văn hóa và lễ hội truyền thống. Anh HKD11 - chủ Homestay Cự Bắc chia sẻ "*Nhờ phát triển du lịch nên người ta mới có đội văn nghệ biểu diễn, rồi người ta về dạy cách múa, dạy cách tổ chức lễ hội sao cho đúng, giờ chị em phụ nữ trong thôn hầu như ai cũng biết nhảy, múa, hàng năm đến lễ thờ cúng tổ tiên thì đông vui lắm, như ngày hội lớn của cả thôn*", chị HQL2 chia sẻ: "*Du lịch phát triển nên chính quyền rất quan tâm đến việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, nên các công tác bảo tồn, tuyên truyền được tổ chức bài bản, có kế hoạch hơn*".

Bên cạnh đó cũng có những lo ngại cho rằng việc phát triển du lịch ô ạt, lượng khách du lịch tăng đột biến sẽ khiến cho văn hóa ngoại lai du nhập, làm lu mờ văn hóa bản địa. Theo chia sẻ của HQL3, Trưởng bản: *“Bên cạnh những mặt tích cực thì cũng có một số vấn đề cần lưu ý như các bạn trẻ bây giờ đi học ở dưới đó sau đó về sẽ quên mất văn hóa bản địa, quần áo cũng mặc như người kinh rồi, thêm nữa 1 số homestay khi xây dựng cũng có xu hướng tập trung vào dịch vụ mà quên bất tính truyền thống của ngôi nhà”*. Theo quan sát của tác giả luận văn, vì tính tiện lợi trong vận động nên trang phục hiện đại của người kinh được sử dụng nhiều hơn trong đời sống hằng ngày, nhóm người cao tuổi từ 50 tuổi trở lên thì vẫn mặc trang phục truyền thống trong các hoạt động hàng ngày. Chị HKD1, nhân viên của homestay cho biết: *“Tôi làm công việc dọn phòng, nên trang phục truyền thống sẽ khiến tôi không thoải mái khi làm việc, vì vậy tôi chỉ mặc vào các dịp lễ hội hoặc khi đón các đoàn khách lớn thôi”*. Nhìn chung, mặc dù một bộ phận nhỏ cư dân bày tỏ lo ngại về khả năng văn hóa ngoại lai xâm nhập và nguy cơ làm phai nhạt bản sắc địa phương, phần lớn người dân Lô Lô Chải vẫn cho rằng du lịch không gây suy giảm văn hóa truyền thống mà ngược lại còn góp phần quan trọng vào việc bảo tồn, phục hồi và lan tỏa giá trị văn hóa. Những hoạt động như biểu diễn văn nghệ, truyền dạy múa, phục dựng lễ hội và sự quan tâm của chính quyền đã củng cố niềm tin của cộng đồng rằng du lịch là động lực thúc đẩy văn hóa bản địa phát triển bền vững.

Song song với đó, các vấn đề xã hội như tội phạm, sử dụng ma túy hay mại dâm, thường được coi là những tác động tiêu cực của du lịch, nhưng trong nghiên cứu này, cư dân không nhận thấy du lịch là nguyên nhân chính dẫn đến gia tăng các vấn đề này. Với giá trị trung bình rất thấp 1,29, độ lệch chuẩn 0,509 kết quả khảo sát cho thấy du lịch không được coi là yếu tố sinh ra các hành vi tội phạm hay các vấn đề xã hội liên quan.

Qua phỏng vấn, nhiều người cho rằng hiện nay trên địa bàn của thôn không có các tệ nạn xã hội như ma túy hay mại dâm, khách du lịch đến đây cũng rất văn minh, góp phần tạo nên môi trường du lịch văn minh. Chị HKD12 khi được hỏi về đánh giá tình trạng tệ nạn xã hội tại thôn đã chia sẻ: *“Từ trước đến nay ở thôn*

không có mấy cái đó đâu, nếu có thì chỉ có uống rượu thôi, nhưng từ khi du lịch phát triển, con trai cũng ít uống vì còn phải làm việc nữa”, trò chuyện cùng ông HQL1 cho hay: *“Từ khi phát triển du lịch tình trạng bạo hành gia đình giảm hẳn, người dân ở đây thì tính tình rất thoáng nên có hay uống rượu, chi tiêu hoang phí thôi, nhưng từ khi phát triển kinh doanh du lịch thì ít uống hẳn”*. Có thể nói rằng du lịch tại thời điểm khảo sát gần như không tạo ra tác động xã hội tiêu cực tại Lô Lô Chải, thông qua nghiên cứu, phỏng vấn chỉ ra rằng tội phạm, ma túy hay mại dâm không xuất hiện tại địa phương và cũng không liên quan đến sự phát triển du lịch. Ngược lại, du lịch còn góp phần cải thiện đời sống xã hội: hành vi uống rượu quá mức giảm, xung đột gia đình ít xảy ra hơn, và môi trường cộng đồng trở nên văn minh, kỷ luật hơn nhờ sự tương tác tích cực giữa người dân và khách du lịch.

Kết quả nghiên cứu cho thấy một sự đồng thuận rộng rãi trong cộng đồng rằng mặc dù du lịch mang lại những lợi ích lớn về mặt kinh tế và văn hóa, nhưng nó không gây ra các tác động tiêu cực nghiêm trọng đến đời sống xã hội. Cư dân địa phương chủ yếu nhận thấy những thay đổi tích cực từ du lịch, và tin tưởng rằng du lịch không làm xói mòn các giá trị văn hóa truyền thống hay gia tăng các vấn đề xã hội tiêu cực.

3.3.3. Tác động của du lịch lên môi trường tự nhiên

Nhận thức của người dân về vấn đề môi trường dưới tác động của du lịch khá tích cực. Du lịch được đánh giá cao trong việc nâng cao nhận thức và tạo động lực cho việc bảo vệ môi trường tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.

Kết quả khảo sát cho thấy biến MT1 - “Du lịch đã làm tăng nhận thức của cư dân về bảo tồn môi trường tự nhiên” – có giá trị trung bình rất cao (Mean = 4,78) và độ lệch chuẩn thấp (SD = 0,419). Điều này phản ánh mức độ đồng thuận gần như tuyệt đối của cư dân rằng du lịch là nhân tố quan trọng giúp họ nâng cao ý thức về việc bảo vệ môi trường. Người dân nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của cảnh quan thiên nhiên đối với phát triển du lịch, từ đó chủ động tham gia các hoạt động gìn giữ môi trường. Sự thống nhất cao này cho thấy du lịch đã góp phần hình thành thái độ tích cực và trách nhiệm hơn trong cộng đồng đối với công tác bảo tồn. Các

hộ điều trang bị thùng rác riêng, thực hiện việc tập kết đúng thời gian và có ý thức phân loại, xử lý hoặc tái sử dụng rác thải. Nhiều loại rác hữu cơ được tận dụng để làm phân bón, trong khi một số vật liệu khác như chai lọ, bao bì còn được dùng cho mục đích trang trí hoặc tái chế. Điều này cho thấy cộng đồng đã chủ động thích ứng, giảm thiểu tác động tiêu cực và góp phần duy trì môi trường sạch đẹp phục vụ phát triển du lịch bền vững.

Biến MT2 - “Du lịch tạo ra động lực cho việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên” đạt giá trị trung bình 4,55 và độ lệch chuẩn 0,500. Điều này thể hiện sự đồng thuận mạnh mẽ của cư dân rằng du lịch mang lại động lực thực tiễn để bảo tồn tài nguyên như rừng, suối, cảnh quan và các yếu tố tự nhiên khác. Du lịch tạo thêm thu nhập và cơ hội kinh tế, từ đó giúp người dân có thêm động lực để bảo vệ môi trường sống, vốn là nguồn lực quan trọng thu hút khách du lịch. Mức độ phân tán thấp cho thấy đánh giá tích cực này được chia sẻ rộng rãi trong cộng đồng. Qua phỏng vấn, ông HQL1 xã Lũng Cú cho biết “Hiện nay thôn đã có bãi tập kết và xử lý rác thải riêng, trong quy hoạch tổng thể cũng không cho phép phá rừng, lấy đất ruộng để xây dựng cơ sở lưu trú, hầu hết người dân đều xây dựng dựa trên đất có sẵn của gia đình, xã cũng đã có những tuyên truyền giáo dục đến việc bảo vệ cảnh quan môi trường, nguồn rừng, núi để giữ tốt nhất tính nguyên bản của môi trường”.

Đối với biến MT3 - “Du lịch làm tăng sự phá hủy thực vật và nạn phá rừng”, giá trị trung bình chỉ ở mức 1,59 với độ lệch chuẩn 0,542. Điều này cho thấy cư dân hầu như không đồng ý rằng du lịch gây ra các hiện tượng tiêu cực như phá rừng hay hủy hoại thực vật. Nhận thức này phù hợp với thực tế Lô Lô Chải, nơi hoạt động du lịch chủ yếu diễn ra trong khu dân cư, ít gây áp lực lên các khu rừng lân cận, các hộ dân chỉ khai hoang đất đồi để phục vụ nhu cầu trồng trọt chứ không xây dựng các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch ở đây. Độ lệch chuẩn thấp phản ánh sự thống nhất trong đánh giá của người dân rằng du lịch không phải nguyên nhân gây tổn hại đến hệ sinh thái rừng địa phương.

Biến MT4 - “Du lịch làm tăng ô nhiễm nước” có giá trị trung bình thấp (Mean = 1,89) và độ lệch chuẩn 0,797. Mặc dù có sự phân tán ý kiến cao hơn so với MT3, phần lớn người dân vẫn cho rằng du lịch không gây ra ô nhiễm nguồn nước tại địa phương. Thực tế khảo sát, quy mô kinh doanh của các hộ kinh doanh ở mức nhỏ, số lượng cơ sở lưu trú còn hạn chế và hệ thống cung cấp nước sinh hoạt chủ yếu dựa vào nguồn tự nhiên, ít bị tác động bởi hoạt động du lịch; đồng thời các hộ cũng có phương án xử lý nước thải như dùng bể lắng, nổi ống để tránh gây mất mỹ quan. Kết quả cho thấy cư dân ít cảm nhận tác động tiêu cực từ du lịch đối với chất lượng nước

Biến MT5 - “Du lịch làm tăng lượng rác thải” - có giá trị trung bình 3,93 và độ lệch chuẩn 0,796. Đây là tác động tiêu cực được cư dân đồng ý cao nhất trong nhóm các biến môi trường. Người dân cho rằng lượng khách du lịch tăng lên kéo theo sự gia tăng rác thải sinh hoạt tại thôn, tạo áp lực lên công tác vệ sinh môi trường. Mặc dù mức độ đồng thuận cao, giá trị mean vẫn chưa vượt mức “đồng ý hoàn toàn”, cho thấy vấn đề rác thải có tồn tại nhưng chưa đến mức nghiêm trọng. Qua phỏng vấn anh Vàng Gi Ránh, chủ Chiu Pa homestay cho biết “Khách du lịch đến nhiều thì lượng rác thải cũng nhiều hơn là đúng, nhưng các hộ gia đình cũng tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn vệ sinh môi trường như đã ký kết với chính quyền khi kinh doanh homestay”. Tuy nhiên, đây vẫn là lĩnh vực cần được quan tâm nhằm đảm bảo phát triển du lịch bền vững.

Như vậy có thể thấy du lịch đã mang lại không ít những tác động tích cực lên đời sống kinh tế, xã hội và môi trường của cư dân tại Lô Lô Chải. Tuy nhiên bên cạnh đó cũng có không ít những thách thức đặt ra cho sự phát triển du lịch để tránh khỏi những tác động tiêu cực như thương mại hóa văn hóa hay chênh lệch giàu nghèo tại đây.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc phát triển du lịch tại bản Lô Lô Chải đã tạo ra tác động tích cực rõ rệt đến đời sống kinh tế xã hội và môi trường của cộng đồng địa phương. Về kinh tế, du lịch thúc đẩy kinh doanh, tạo việc làm,

nâng thu nhập và cải thiện mức sống, song cũng làm gia tăng phân hóa thu nhập giữa nhóm hộ kinh doanh dịch vụ du lịch và nhóm nông nghiệp truyền thống.

Về xã hội, cư dân ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực như nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội, phát triển nghề thủ công, tăng niềm tự hào văn hóa và củng cố đoàn kết cộng đồng; đồng thời không ghi nhận rõ các tác động tiêu cực như xâm phạm riêng tư, suy giảm văn hóa hay tệ nạn xã hội.

Về môi trường, du lịch được xem là động lực nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên, tuy nhiên vấn đề rác thải gia tăng theo lượng khách du lịch là thách thức cần được quản lý hiệu quả hơn. Tổng thể, cộng đồng nhìn nhận du lịch như một trụ cột quan trọng thúc đẩy phát triển bền vững tại địa phương.

CHƯƠNG 4. BÀN LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP NHẪM GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÔ LÔ CHẢI

4.1. Bàn luận kết quả nghiên cứu

Phần bàn luận này nhằm đưa ra quan điểm của tác giả luận văn về các tác động của du lịch lên đời sống kinh tế - xã hội - môi trường của cư dân địa phương tại Lô Lô Chải. Qua đó, luận văn sẽ đánh giá nhận thức của cộng đồng về những lợi ích và thách thức mà du lịch mang lại; đồng thời đưa ra các hàm ý chính sách để phát triển du lịch bền vững tại địa phương.

4.1.1. Tác động của du lịch lên đời sống kinh tế của cư dân địa phương tại Lô Lô Chải

Du lịch đã có những ảnh hưởng tích cực đến đời sống kinh tế của cư dân các vùng dân tộc thiểu số nói chung và bản Lô Lô Chải nói riêng, đặc biệt là trong bối cảnh Nhà nước Việt Nam có nhiều chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, an sinh xã hội của vùng dân tộc thiểu số. Lô Lô Chải nổi lên như một điểm đến hấp dẫn với những giá trị về cảnh quan, văn hóa, con người đặc sắc và thành công phát triển mô hình du lịch cộng đồng khi đã có nhiều chuyển biến tích cực về kinh tế và xã hội trong giai đoạn phát triển du lịch.

Qua nghiên cứu, người dân tại đây đánh giá tích cực về tác động của du lịch, với ảnh hưởng lớn nhất là thúc đẩy phát triển kinh tế, tăng cơ hội việc làm và từ đó tăng thu nhập cho người dân địa phương. Kết quả nghiên cứu cho thấy du lịch đã có tác động tích cực đáng kể đến đời sống kinh tế và xã hội của cộng đồng dân tộc thiểu số tại Lô Lô Chải, đặc biệt là về thu nhập, cơ cấu ngành nghề và chất lượng sống của cư dân. Theo số liệu thu thập, thu nhập bình quân của người dân trong khu vực đã tăng mạnh từ 13.000.000 đồng/người vào năm 2020 lên 33.000.000 đồng/người vào năm 2024, phản ánh sự cải thiện rõ rệt nhờ vào sự phát triển của ngành Du lịch. Cụ thể, chỉ tiêu "Du lịch đã làm tăng thu nhập của cư dân địa phương" có giá trị trung bình đạt 4,56, cho thấy mức độ tích cực của du lịch đối với đời sống kinh tế tại đây. Thu nhập được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo theo đó cũng giảm đáng kể, với 93,33% hộ thoát nghèo và trung bình, trong khi chỉ có 3,3%

hộ nghèo và 3,3% hộ cận nghèo. Điều này chứng tỏ rằng du lịch đã góp phần không nhỏ vào việc giảm nghèo và nâng cao chất lượng sống của cộng đồng dân tộc thiểu số, đúng như mục đích của phát triển du lịch cộng đồng .

Tuy nhiên, điểm đáng chú ý là mặc dù ngành dịch vụ, đặc biệt là du lịch, hiện chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu ngành nghề tại Lô Lô Chải, song 100% hộ gia đình vẫn duy trì hoạt động nông nghiệp hoặc chăn nuôi. Thực tế này cho thấy sự phát triển du lịch không làm triệt tiêu sinh kế truyền thống, mà dẫn đến xu hướng đa dạng hóa sinh kế, trong đó du lịch trở thành nguồn thu bổ sung bên cạnh nền tảng sản xuất nông nghiệp. Nguyên nhân không chỉ xuất phát từ nhu cầu tự cung, tự cấp thực phẩm, mà còn gắn với yếu tố văn hóa - sinh kế đặc trưng của cộng đồng vùng cao. Đối với người dân Lô Lô Chải, nông nghiệp và chăn nuôi không đơn thuần là hoạt động kinh tế mà còn là một phần của bản sắc cộng đồng, gắn với tri thức bản địa, tập quán canh tác và lối sống truyền thống. Việc tiếp tục duy trì sản xuất nông nghiệp vì vậy mang ý nghĩa bảo tồn phương thức sống, duy trì sự ổn định xã hội và củng cố tính liên tục văn hóa của cộng đồng trong quá trình du lịch hóa.

Bên cạnh đó, do tính thời vụ và rủi ro của hoạt động du lịch, người dân khó có thể phụ thuộc hoàn toàn vào du lịch như nguồn sinh kế duy nhất. Tại Lô Lô Chải, mùa cao điểm tập trung từ tháng 12 đến tháng 5 năm sau, trong khi giai đoạn từ tháng 6 đến tháng 11 là mùa mưa, điều kiện di chuyển khó khăn làm giảm lượng khách. Trong bối cảnh đó, nông nghiệp tiếp tục đóng vai trò như một nền tảng kinh tế, giúp hộ gia đình giảm thiểu rủi ro thu nhập và duy trì ổn định đời sống. Như vậy, việc người dân duy trì nông nghiệp song song với phát triển dịch vụ phản ánh một chiến lược thích ứng hợp lý, vừa đảm bảo an toàn sinh kế, vừa gìn giữ nền tảng văn hóa truyền thống của cộng đồng.

Về cơ cấu thu nhập hàng tháng, nghiên cứu chỉ ra sự phân bố không đồng đều giữa các hộ. Cụ thể, 29,2% hộ có thu nhập dưới 3 triệu đồng, 25% có thu nhập từ 3-6 triệu đồng, trong khi nhóm thu nhập từ 6-10 triệu đồng chiếm tỷ lệ lớn nhất với 32,5%. Mặc dù đã có sự cải thiện rõ rệt trong thu nhập, tỷ lệ hộ có

thu nhập cao vẫn chiếm một tỷ lệ nhỏ, với chỉ 12,5% hộ có thu nhập từ 10-15 triệu đồng và chỉ có 0,8% hộ có thu nhập trên 15 triệu đồng. Điều này phản ánh sự phân hóa thu nhập trong cộng đồng, mặc dù du lịch đóng góp nhiều vào việc gia tăng thu nhập nhưng vẫn còn tồn tại khoảng cách thu nhập giữa các hộ gia đình.

Nhìn chung, du lịch đã có tác động tích cực đối với cộng đồng dân tộc thiểu số ở Lô Lô Chải, không chỉ giúp tăng thu nhập mà còn đóng góp vào việc giảm tỷ lệ nghèo. Bên cạnh đó, việc duy trì nông nghiệp và chăn nuôi cho thấy một sự phát triển bền vững, khi cộng đồng có thể kết hợp giữa du lịch và bảo tồn các giá trị văn hóa, nghề truyền thống. Đây có thể được xem là một mô hình phát triển du lịch bền vững, nơi mà du lịch không chỉ giúp nâng cao đời sống mà còn không làm mất đi bản sắc văn hóa và các nghề truyền thống, tạo ra một nền kinh tế đa dạng và ổn định. Việc kết hợp du lịch với các hoạt động nông nghiệp, thủ công truyền thống cũng giúp tạo ra một sản phẩm du lịch độc đáo, thu hút khách du lịch mà vẫn bảo vệ được giá trị truyền thống của cộng đồng dân tộc thiểu số.

Điều này đúng với các nghiên cứu trước đó của Lê Thị Hồng Thúy và Lê Ngọc Quang (2022) ; Trần Bá Uẩn (2020), Agarwal và cộng sự (2023) về tác động của du lịch đến đời sống kinh tế của cư dân địa phương sự gia tăng thu nhập, tăng cơ hội việc làm, khuyến khích doanh nghiệp nhỏ...

4.1.2. Tác động của du lịch lên đời sống xã hội của cư dân địa phương tại Lô Lô Chải

Dựa trên các kết quả định lượng từ bảng thống kê mô tả kết hợp với những quan sát thực địa, có thể khẳng định rằng du lịch đã tạo ra những tác động xã hội sâu sắc và đa chiều đối với đời sống cư dân địa phương tại Lô Lô Chải. Trước hết, du lịch góp phần cải thiện đáng kể khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Điều này được phản ánh rõ qua chỉ số ủng hộ quan điểm du lịch đã cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, y tế, nước, điện và an ninh cho cư dân, với giá trị trung bình cao, cho thấy sự đồng thuận tương đối cao trong nhận thức của cộng đồng. Thực tế khảo sát đến tháng 12/2024 cho thấy 100% trẻ em trong bản được đến trường, được tiêm chủng đầy đủ theo quy định của

Nhà nước; hệ thống y tế cơ sở với trạm y tế và các trang thiết bị cơ bản được duy trì, khoảng cách di chuyển thuận lợi, góp phần nâng cao mức độ tiếp cận và chăm sóc sức khỏe cho người dân. Những kết quả này cho thấy du lịch không chỉ tác động gián tiếp thông qua việc gia tăng thu nhập, mà còn đóng vai trò như một động lực thúc đẩy đầu tư hạ tầng xã hội, từ đó cải thiện chất lượng sống và phúc lợi của cộng đồng địa phương.

Bên cạnh tác động đến y tế và giáo dục, du lịch còn góp phần quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc Lô Lô. Việc thành lập các tổ nghề truyền thống và tổ văn nghệ dân gian thể hiện quyết tâm của cơ quan quản lý và cộng đồng địa phương trong việc khôi phục, duy trì các giá trị văn hóa bản địa, mà còn tạo ra không gian để văn hóa truyền thống được “sống” trong bối cảnh hiện đại. Các sản phẩm thủ công truyền thống không còn giới hạn trong phạm vi sinh hoạt của cộng đồng mà đã trở thành sản phẩm phục vụ du lịch sử dụng trong trang trí các cơ sở lưu trú và cho thuê phục vụ trải nghiệm của khách du lịch, qua đó gia tăng giá trị kinh tế cho các hoạt động văn hóa truyền thống.

Du lịch cũng tạo ra những chuyển biến tích cực trong quan hệ xã hội và cấu trúc cộng đồng. Quan điểm của người dân về “Du lịch làm tăng tinh thần đoàn kết trong bản” đạt giá trị trung bình 4,17, cho thấy sự gia tăng các mối quan hệ hợp tác, liên kết giữa các hộ gia đình trong quá trình tham gia vào chuỗi hoạt động du lịch. Các hộ dân không chỉ tham gia riêng lẻ mà còn hình thành các nhóm, tổ chức cùng hỗ trợ nhau trong cung cấp dịch vụ lưu trú, biểu diễn văn hóa, sản xuất sản phẩm thủ công và phục vụ khách du lịch. Quá trình này góp phần củng cố vốn xã hội của cộng đồng, tăng cường sự gắn kết nội bộ và nâng cao năng lực tự tổ chức của người dân địa phương. Các hộ kinh doanh homestay sẽ thuê đội văn nghệ biểu diễn phục vụ khách du lịch, các nhà hàng sử dụng các nguyên vật liệu như rau, củ, thịt từ các hộ gia đình chăn nuôi tạo nên một chuỗi cung ứng khép kín trong kinh doanh du lịch.

Một khía cạnh xã hội đáng chú ý khác là sự thay đổi về vai trò và vị thế của phụ nữ trong cộng đồng. Thực tế khảo sát cho thấy khoảng 70% lao động trực tiếp tham gia vào các cơ sở lưu trú, dịch vụ bổ sung và nhà hàng là phụ nữ. Điều này cho thấy du lịch đã mở ra không gian việc làm mới, tạo điều kiện để phụ nữ tham gia sâu hơn vào các hoạt động kinh tế xã hội, từ đó nâng cao vai trò, tiếng nói và vị thế của họ trong gia đình cũng như cộng đồng.

Không chỉ đóng vai trò lao động, phụ nữ còn tham gia vào các hoạt động bảo tồn và truyền dạy nghề truyền thống, biểu diễn văn hóa dân gian và tiếp xúc trực tiếp với khách du lịch, góp phần định hình hình ảnh văn hóa của địa phương. Họ được tiếp xúc với khách du lịch với nhiều nguồn tư tưởng, văn hóa, vùng miền khác nhau, đã giúp họ thay đổi tư tưởng, quan niệm về đời sống xã hội. Chị HKD1 chia sẻ: “ Trước tôi ở nhà làm nương, chồng uống rượu vào thì bạo hành, nhưng vì không có tiền và thương con nên tôi vẫn chịu đựng, giờ đã đi làm và có tiền rồi thì không cần nhịn nữa, chị ly hôn và tự nuôi con”, kết quả phỏng vấn cho thấy sự tham gia của phụ nữ vào chuỗi phát triển du lịch tại địa phương không chỉ xuất phát từ nhu cầu tăng thu nhập, mà còn phản ánh động lực xã hội sâu sắc hơn. Du lịch tạo ra cơ hội để phụ nữ bước ra khỏi không gian lao động khép kín truyền thống, tiếp cận các mạng lưới quan hệ xã hội mới và tiếp xúc với những hệ giá trị đa dạng từ khách du lịch. Quá trình này góp phần thúc đẩy sự thay đổi trong nhận thức về quyền cá nhân, sự tự chủ và phẩm giá của phụ nữ, giúp họ tăng năng lực thương lượng trong gia đình, giảm lệ thuộc và có khả năng đưa ra quyết định quan trọng như ly hôn, chấm dứt bạo lực, tự nuôi con và làm chủ cuộc sống. Như vậy, du lịch không chỉ tạo việc làm, mà còn đóng vai trò như một cơ chế trao quyền, hỗ trợ phụ nữ thoát khỏi các mối quan hệ bất bình đẳng và tái định vị vai trò của họ trong cộng đồng.

Tuy nhiên, bên cạnh những tác động xã hội tích cực, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy sự tồn tại của những thách thức và tác động tiêu cực tiềm ẩn từ quá trình phát triển du lịch. Mặc dù các biến như “Du lịch làm tăng sự suy giảm văn hóa truyền thống” (Mean = 1,90) hay “Du lịch làm tăng sự suy thoái đạo đức,

gia tăng tệ nạn xã hội” (Mean = 1,29) và “Du lịch khiến đời sống riêng tư bị xâm phạm” có giá trị trung bình thấp, phản ánh mức độ lo ngại của người dân chưa cao, song thực tế vẫn ghi nhận những biểu hiện đáng lưu ý. Trang phục truyền thống đang dần ít xuất hiện trong đời sống hàng ngày do sự tiện lợi của trang phục hiện đại, trong khi kiến trúc nhà ở truyền thống có xu hướng bị biến tấu để phù hợp với nhu cầu sinh hoạt và kinh doanh du lịch, làm suy giảm tính nguyên bản của không gian văn hóa bản địa. Với số lượng khách du lịch ngày càng đông, đặc biệt là vào những ngày cuối tuần, đã có những ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt thường nhật của người dân, điển hình như việc khách du lịch tổ chức galadiner, quán cafe, nhà hàng ăn hoạt động muộn gây ồn ào, ảnh hưởng đến đời sống của người dân. Những thay đổi này cho thấy áp lực của quá trình thương mại hóa văn hóa và hiện đại hóa không gian sống, đặt ra nguy cơ mai một bản sắc văn hóa nếu thiếu các cơ chế quản lý phù hợp.

Từ những phân tích trên có thể thấy, du lịch tại Lô Lô Chải đã tạo ra những tác động xã hội tích cực nổi bật, góp phần nâng cao phúc lợi xã hội, củng cố sự gắn kết cộng đồng, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; đồng thời nâng cao vai trò của phụ nữ trong đời sống kinh tế xã hội. Tuy nhiên, các tác động tiêu cực tiềm ẩn cũng đặt ra yêu cầu cần có những chính sách và giải pháp quản lý phù hợp nhằm cân bằng giữa phát triển du lịch và bảo tồn văn hóa, bảo đảm quá trình phát triển du lịch diễn ra theo hướng bền vững, hài hòa và có sự tham gia chủ động của cộng đồng địa phương.

4.1.3. Tác động của du lịch lên môi trường sống của cư dân tại Lô Lô Chải

Dựa trên bảng thống kê mô tả kết hợp với kết quả khảo sát thực tế, có thể nhận thấy nhận thức của người dân Lô Lô Chải về tác động môi trường của du lịch nhìn chung là khá tích cực và tương đối thống nhất. Các biến liên quan đến bảo vệ môi trường trong bảng thống kê đều có giá trị trung bình cao, đặc biệt là “Du lịch đã làm tăng nhận thức của cư dân về bảo tồn môi trường tự nhiên” (Mean = 4,78) và “Du lịch tạo ra động lực cho việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên” (Mean = 4,55), cho thấy người dân ý thức rõ vai trò của du lịch trong việc thúc đẩy trách nhiệm

bảo vệ môi trường sống. Trên thực tế, hầu hết các hộ gia đình đều chủ động trang bị thùng rác riêng, thực hiện việc tập kết rác đúng thời gian, có ý thức phân loại, xử lý và tái sử dụng rác thải. Nhiều loại rác hữu cơ được tận dụng làm phân bón cho sản xuất nông nghiệp, trong khi các vật liệu như chai lọ, bao bì được tái sử dụng cho mục đích trang trí hoặc tái chế, phản ánh sự chuyển biến tích cực trong hành vi môi trường của cư dân địa phương.

Bên cạnh đó, công tác quản lý và quy hoạch môi trường tại địa phương cũng góp phần hạn chế những tác động tiêu cực từ hoạt động du lịch. Việc hình thành bãi tập kết và xử lý rác thải riêng cho thôn, cùng với các quy định không cho phép phá rừng, lấn chiếm đất ruộng để xây dựng cơ sở lưu trú, đã giúp kiểm soát tốt hơn các nguy cơ suy thoái môi trường. Hầu hết các hộ kinh doanh du lịch đều tận dụng đất ở sẵn có của gia đình để cải tạo, xây dựng cơ sở lưu trú, hạn chế mở rộng không gian xây dựng sang các khu vực nhạy cảm về sinh thái. Đồng thời, chính quyền địa phương thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ cảnh quan, rừng và núi, nhằm giữ gìn tính nguyên bản của môi trường tự nhiên là yếu tố cốt lõi tạo nên sức hấp dẫn của điểm đến Lô Lô Chải.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy mức độ tác động của du lịch đến môi trường tự nhiên hiện nay còn ở mức thấp. Hoạt động du lịch chủ yếu diễn ra trong khu dân cư, ít mở rộng sang các khu vực rừng núi, do đó ít gây ảnh hưởng đến hệ thực vật và cảnh quan tự nhiên xung quanh. Quy mô kinh doanh của các hộ còn nhỏ lẻ, số lượng cơ sở lưu trú hạn chế, cùng với việc hệ thống cung cấp nước sinh hoạt chủ yếu dựa vào nguồn tự nhiên, khiến áp lực môi trường từ du lịch chưa lớn. Các hộ kinh doanh cũng đã chủ động áp dụng các biện pháp xử lý nước thải như xây dựng hệ thống thoát nước hợp lý nhằm hạn chế ô nhiễm và đảm bảo mỹ quan môi trường. Điều này phần nào lý giải vì sao các chỉ tiêu phản ánh tác động tiêu cực như “Du lịch làm tăng sự phá hủy thực vật và nạn phá rừng” (Mean = 1,59) hay “Du lịch làm tăng ô nhiễm nước” (Mean = 1,89) đều có giá trị trung bình thấp, cho thấy cư dân ít cảm nhận những ảnh hưởng tiêu cực rõ rệt từ du lịch đối với môi trường.

Tuy nhiên, vấn đề rác thải vẫn là một khía cạnh cần được quan tâm trong bối cảnh lượng khách du lịch ngày càng gia tăng. Biến “Du lịch làm tăng lượng rác thải” có giá trị trung bình ở mức 3,93, phản ánh nhận thức của người dân rằng rác thải có gia tăng nhưng chưa đến mức nghiêm trọng. Qua phỏng vấn chủ một cơ sở lưu trú tại địa phương cho thấy, mặc dù lượng rác phát sinh tăng theo số lượng khách, các hộ kinh doanh vẫn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về vệ sinh môi trường đã cam kết với chính quyền khi tham gia kinh doanh du lịch. Điều này cho thấy sự chủ động và trách nhiệm của người dân trong việc giảm thiểu tác động tiêu cực của du lịch đến môi trường. Tuy vậy, theo quan điểm cá nhân, đây vẫn là lĩnh vực cần được theo dõi và quản lý chặt chẽ hơn trong tương lai, bởi khi quy mô du lịch mở rộng, áp lực lên môi trường, đặc biệt là rác thải sinh hoạt và nước thải, có nguy cơ gia tăng nhanh chóng nếu thiếu các giải pháp kiểm soát phù hợp.

Có thể nhận định rằng du lịch tại Lô Lô Chải hiện nay đang phát triển theo hướng tương đối thân thiện với môi trường với sự tham gia tích cực và ý thức trách nhiệm cao của cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, để đảm bảo phát triển du lịch bền vững trong dài hạn, cần tiếp tục tăng cường công tác quản lý môi trường, hoàn thiện hệ thống thu gom và xử lý rác thải, cũng như nâng cao hơn nữa nhận thức của người dân và khách du lịch về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Điều này không chỉ góp phần giảm thiểu các tác động tiêu cực tiềm ẩn, mà còn giúp duy trì lâu dài giá trị môi trường – yếu tố nền tảng cho sự phát triển bền vững của du lịch tại Lô Lô Chải.

Tổng hợp các kết quả trên cho thấy du lịch tại Lô Lô Chải đang phát triển theo hướng hòa nhập vào đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng một cách cân bằng và tích cực. Người dân đánh giá cao các lợi ích mà du lịch đem lại, nhưng cũng nhận thức được những thách thức đặt ra, đặc biệt trong việc quản lý rác thải, đảm bảo công bằng trong thụ hưởng lợi ích kinh tế và duy trì bản sắc văn hóa trong quá trình thương mại hóa. Du lịch đã trở thành động lực quan trọng cho sự thay đổi, đồng thời mở ra cơ hội để cộng đồng Lô Lô Chải phát triển bền vững nếu có sự

định hướng đúng đắn và các giải pháp phù hợp trong giai đoạn tiếp theo của phát triển du lịch.

4.2. Đề xuất giải pháp nhằm phát triển du lịch xanh bền vững tại Lô Lô Chải

Trên cơ sở những tác động đã phân tích, việc đề xuất các định hướng giải pháp là cần thiết nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực của du lịch đến đời sống kinh tế – xã hội của người dân địa phương. Các giải pháp này hướng tới phát triển du lịch bền vững, phù hợp với điều kiện thực tế của Lô Lô Chải.

4.2.1. Định hướng giải pháp đối với cộng đồng dân cư

4.2.1.1. Chủ động nâng cao năng lực tham gia hoạt động du lịch

Cư dân cần chủ động tham gia các chương trình tập huấn; đồng thời tự bồi dưỡng các kỹ năng thiết yếu trong hoạt động du lịch như giao tiếp, đón tiếp khách, quản trị homestay, vệ sinh an toàn thực phẩm, hướng dẫn trải nghiệm và truyền thông trên nền tảng số. Việc nâng cao năng lực không chỉ giúp chuẩn hóa chất lượng dịch vụ mà còn gia tăng tính chuyên nghiệp trong vận hành du lịch cộng đồng, qua đó nâng cao khả năng cạnh tranh và tối ưu hóa lợi ích kinh tế cho các hộ gia đình tham gia hoạt động du lịch.

Bên cạnh các kỹ năng nghiệp vụ, người dân cần chú trọng phát triển năng lực quản trị kinh doanh hộ gia đình như quản lý chi phí doanh thu, định giá dịch vụ, lập kế hoạch tài chính, xây dựng chiến lược tiếp cận thị trường, cũng như tổ chức dịch vụ theo chuỗi (lưu trú - ăn uống - trải nghiệm - bán sản phẩm). Việc trang bị kiến thức quản lý không chỉ giúp tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh du lịch, mà còn góp phần giảm tình trạng làm du lịch tự phát, thiếu định hướng, dẫn đến chất lượng dịch vụ không đồng đều và suy giảm trải nghiệm của khách du lịch.

Ngoài ra, trong bối cảnh du lịch chịu ảnh hưởng mạnh bởi xu hướng tiêu dùng và nền tảng công nghệ, cư dân cần tăng cường kỹ năng ứng dụng chuyên đổi số như sử dụng các nền tảng đặt phòng trực tuyến, quản lý lịch đặt phòng, phản hồi đánh giá của khách, đăng tải nội dung quảng bá trên mạng xã hội; đồng thời xây dựng hình ảnh thân thiện và chuyên nghiệp trong giao tiếp. Việc

nâng cao năng lực số giúp cộng đồng mở rộng thị trường, tiếp cận hiệu quả hơn với khách du lịch, đặc biệt là khách trẻ và khách quốc tế, từ đó góp phần gia tăng lợi ích kinh tế và tạo nền tảng cho phát triển du lịch cộng đồng theo hướng bền vững.

4.2.1.2. Đa dạng hóa sinh kế và duy trì sinh kế truyền thống

Trong bối cảnh hoạt động du lịch tại Lô Lô Chải mang tính mùa vụ rõ nét, cư dân cần duy trì chiến lược sinh kế linh hoạt theo hướng kết hợp giữa dịch vụ du lịch (kinh doanh lưu trú, dịch vụ bổ sung, dịch vụ ăn uống) với nông nghiệp (trồng ngô, lúa, nấu rượu, chăn nuôi (gà, vịt, lợn, chim...)) và nghề thủ công truyền thống (thêu, dệt, may trang phục truyền thống). Mô hình sinh kế đa dạng giúp các hộ gia đình ổn định nguồn thu nhập, hạn chế rủi ro khi lượng khách sụt giảm vào mùa mưa hoặc khi thị trường du lịch biến động. Đồng thời, việc không phụ thuộc hoàn toàn vào du lịch còn giúp cư dân chủ động hơn trong phân bổ lao động, sử dụng thời gian hợp lý giữa các mùa vụ, từ đó giảm áp lực chạy theo tăng trưởng ngắn hạn.

Bên cạnh lợi ích về kinh tế, nông nghiệp và chăn nuôi vẫn giữ vai trò như một bộ đỡ sinh kế, đặc biệt trong việc đảm bảo an ninh lương thực hộ gia đình, giảm chi phí sinh hoạt thông qua tự cung tự cấp, phù hợp với điều kiện vùng cao còn hạn chế về giao thông và khả năng tiếp cận hàng hóa. Do vậy, nông nghiệp không chỉ mang tính bổ trợ mà còn tạo ra sự bền vững nội tại cho đời sống cư dân, giúp duy trì sự ổn định xã hội và hạn chế những hệ quả tiêu cực khi ngành du lịch phát triển thiếu kiểm soát.

Quan trọng hơn, việc duy trì các hoạt động sinh kế truyền thống còn gắn với bản sắc văn hóa tri thức bản địa của cộng đồng. Các tập quán sản xuất, chăn nuôi, chế biến thực phẩm và nghề thủ công không đơn thuần là hoạt động lao động, mà còn phản ánh phương thức sống, hệ giá trị và sự gắn kết cộng đồng của cư dân vùng cao. Trong bối cảnh du lịch ngày càng phát triển, sinh kế truyền thống vì vậy không nên bị thay thế hoàn toàn, mà cần được xem như nền tảng để du lịch cộng đồng phát triển theo hướng hài hòa, vừa nâng cao thu nhập, vừa giữ gìn bản sắc và tính bền vững dài hạn của địa phương.

4.2.1.3. Phát triển sản phẩm địa phương gắn với bản sắc văn hóa

Cư dân cần khai thác hiệu quả các nguồn lực bản địa để phát triển hệ thống sản phẩm du lịch đặc trưng, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh và tạo sinh kế ổn định cho cộng đồng. Các sản phẩm nên được thiết kế theo hướng gắn với trải nghiệm, nhấn mạnh yếu tố bản sắc như ẩm thực truyền thống (thịt lợn bản, thịt gà đen, các món rau rừng...), trải nghiệm nghề thủ công, giới thiệu sản phẩm dệt may – thổ cẩm, hoạt động trình diễn văn hóa dân gian, cũng như các trải nghiệm đời sống thường nhật của cư dân bản địa. Việc phát triển sản phẩm theo hướng này không chỉ giúp tăng giá trị kinh tế của du lịch cộng đồng, mà còn góp phần lan tỏa và củng cố niềm tự hào văn hóa trong cộng đồng.

Tuy nhiên, để bảo đảm phát triển bền vững, cộng đồng cần thống nhất các quy tắc ứng xử và cơ chế quản lý nội bộ trong khai thác văn hóa phục vụ du lịch. Cụ thể, cần có sự đồng thuận về nội dung trình diễn các điệu múa dân gian, trò chơi truyền thống, cách tổ chức trải nghiệm, mức độ “sân khấu hóa” văn hóa và nguyên tắc chia sẻ lợi ích, nhằm tránh thương mại hóa quá mức hoặc làm sai lệch giá trị truyền thống. Việc duy trì tính chân thực và giá trị nguyên gốc của văn hóa bản địa sẽ là nền tảng quan trọng giúp Lô Lô Chải xây dựng hình ảnh điểm đến khác biệt, đồng thời bảo tồn văn hóa lâu dài trong bối cảnh du lịch phát triển nhanh.

4.2.1.4. Tăng cường hợp tác cộng đồng và liên kết giữa các hộ dân

Cư dân cần thúc đẩy tinh thần hợp tác thông qua việc hình thành các tổ nhóm nghề hoặc nhóm liên kết dịch vụ du lịch cộng đồng nhằm tăng tính gắn kết và hiệu quả trong cung ứng dịch vụ. Việc liên kết giữa các hộ không chỉ giúp chia sẻ nguồn khách và hỗ trợ lẫn nhau trong mùa cao điểm, mà còn tạo điều kiện để thống nhất quy trình phục vụ, tiêu chuẩn chất lượng và cách thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm, từ đó nâng cao sự hài lòng của khách du lịch và duy trì hình ảnh điểm đến chuyên nghiệp.

Mô hình hợp tác cộng đồng góp phần hạn chế tình trạng cạnh tranh thiếu lành mạnh như chèn ép giá hoặc giành khách, vốn có thể làm suy giảm chất lượng dịch vụ và gây mâu thuẫn nội bộ. Khi các hộ cùng tham gia mạng lưới liên kết, việc

phân bổ cơ hội việc làm và lợi ích kinh tế sẽ minh bạch và công bằng hơn, qua đó củng cố đoàn kết cộng đồng và tạo nền tảng quan trọng cho phát triển du lịch cộng đồng bền vững tại địa phương

4.2.1.5. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và kiểm soát rác thải

Trước thực trạng rác thải gia tăng theo lượng khách du lịch, cư dân cần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường thông qua việc phân loại rác tại nguồn, thu gom đúng nơi quy định và hạn chế sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần. Đồng thời, cộng đồng cần thống nhất và thực hiện nghiêm túc các quy ước chung về vệ sinh môi trường trong thôn, xem đây là tiêu chí quan trọng để duy trì chất lượng cảnh quan và đảm bảo tính bền vững của hoạt động du lịch.

Bên cạnh đó, các hộ kinh doanh dịch vụ du lịch cần phát huy vai trò nêu gương trong việc giữ gìn vệ sinh, bố trí khu vực thu gom rác hợp lý, hướng dẫn khách du lịch tuân thủ quy tắc môi trường, từ đó hình thành văn hóa du lịch xanh trong cộng đồng. Việc kiểm soát rác thải hiệu quả không chỉ giảm tác động tiêu cực đến môi trường sống mà còn góp phần duy trì hình ảnh điểm đến sạch đẹp, văn minh và thân thiện trong mắt khách du lịch.

4.2.2. Định hướng giải pháp đối với cơ quan quản lý nhà nước

Trên cơ sở kết quả khảo sát định lượng và phỏng vấn sâu, có thể thấy du lịch tại bản Lô Lô Chải tạo ra tác động tích cực nổi trội về kinh tế – xã hội; đồng thời phát sinh một số thách thức liên quan đến chênh lệch lợi ích giữa các nhóm hộ và vấn đề rác thải. Vì vậy, cơ quan quản lý nhà nước cần đóng vai trò điều phối trung tâm nhằm định hướng phát triển du lịch theo hướng bền vững, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, gìn giữ bản sắc văn hóa và bảo vệ môi trường.

4.2.2.1. Giải pháp về quy hoạch, kiến trúc và quản lý cảnh quan

Cơ quan quản lý cần triển khai đồng bộ công tác quy hoạch và kiểm soát xây dựng nhằm bảo tồn không gian văn hóa – kiến trúc truyền thống của thôn. Trên cơ sở quy hoạch chi tiết 1/500 theo định hướng UBND xã Lũng Cú, tác giả đề xuất:

Ban hành quy chế quản lý kiến trúc và cảnh quan, quy định rõ tiêu chuẩn cải tạo, xây mới đối với homestay và công trình dịch vụ du lịch. Ban hành quy chế

quản lý kiến trúc và cảnh quan là giải pháp then chốt nhằm kiểm soát quá trình cải tạo và xây dựng mới các công trình phục vụ du lịch (homestay, nhà hàng, quầy bán hàng, điểm dịch vụ...), đảm bảo không làm biến dạng không gian văn hóa - kiến trúc truyền thống của thôn. Quy chế cần quy định cụ thể các tiêu chuẩn kỹ thuật và thẩm mỹ đối với công trình như quy mô xây dựng (chiều cao tối đa, mật độ xây dựng, khoảng lùi công trình, kiểu mái), khuyến khích duy trì đặc trưng nhà trình tường, vật liệu và màu sắc sử dụng, ưu tiên vật liệu truyền thống và thân thiện môi trường (đất trình tường, đá, gỗ), hạn chế sử dụng bê tông, mái tôn và vật liệu hiện đại gây phá vỡ cảnh quan, quy định về biển hiệu, quảng cáo, hệ thống chiếu sáng nhằm đảm bảo tính hài hòa, tránh “đô thị hóa” không gian bản làng.

Thiết lập cơ chế thẩm định bắt buộc trước khi cải tạo hoặc xây dựng mới, theo đó mọi công trình phục vụ du lịch phải được xem xét và phê duyệt trên cơ sở tuân thủ quy định về kiến trúc và cảnh quan đã ban hành. Cơ chế này giúp kiểm soát sự phát triển tự phát, hạn chế nguy cơ “đô thị hóa” không gian bản làng, đồng thời bảo vệ tính toàn vẹn của cảnh quan và kiến trúc truyền thống. Việc áp dụng thống nhất quy chế không chỉ góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa vật thể của cộng đồng Lô Lô, mà còn tạo nền tảng để Lô Lô Chải phát triển theo hướng du lịch cộng đồng bền vững, qua đó nâng cao khả năng cạnh tranh và giá trị khác biệt của điểm đến.

Cơ quan quản lý cần tăng cường kiểm soát việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đặc biệt đối với đất nông nghiệp và đất ở truyền thống, nhằm ngăn chặn tình trạng xây dựng công trình dịch vụ du lịch theo hướng tự phát và thiếu quy hoạch. Việc chuyển đổi đất phục vụ du lịch cần được xem xét dựa trên quy hoạch chi tiết, đảm bảo tuân thủ các tiêu chí về mật độ xây dựng, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật và năng lực chịu tải của điểm đến. Đồng thời, cần hạn chế xu hướng phát triển manh mún, chạy theo lợi nhuận ngắn hạn hoặc thương mại hóa quá mức, bởi điều này có thể làm suy giảm không gian sống bản địa, phá vỡ cấu trúc cư trú truyền thống và làm giảm giá trị văn hóa, cảnh quan vốn là yếu tố tạo nên sức hấp dẫn đặc thù của Lô Lô Chải.

4.2.2.2. Giải pháp phát triển kinh tế du lịch theo hướng bao trùm và giảm chênh lệch thu nhập

Kết quả nghiên cứu cho thấy lợi ích kinh tế từ du lịch chủ yếu tập trung ở nhóm hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú và các dịch vụ bổ trợ, trong khi nhóm hộ làm nông nghiệp truyền thống hưởng lợi hạn chế. Do đó, cơ quan quản lý cần:

Thiết kế và triển khai các chính sách hỗ trợ nhóm hộ ít hoặc chưa tham gia vào hoạt động du lịch, nhằm giảm chênh lệch lợi ích và đảm bảo tính bao trùm trong phát triển du lịch cộng đồng. Các chính sách nên tập trung vào: Tổ chức đào tạo nghề và bồi dưỡng kỹ năng phù hợp (dịch vụ lưu trú, nấu ăn, bán hàng, hướng dẫn, giao tiếp cơ bản); Tư vấn chuyển đổi hoặc đa dạng hóa sinh kế theo hướng gắn với du lịch; Hỗ trợ nguồn vốn nhỏ hoặc ưu đãi tín dụng để cải tạo nhà ở, mua sắm trang thiết bị hoặc phát triển sản phẩm địa phương; Tạo cơ chế để các hộ này tham gia vào chuỗi cung ứng du lịch thông qua cung cấp nông sản, thực phẩm, lao động thời vụ, sản phẩm thủ công và các dịch vụ bổ trợ. Giải pháp này góp phần mở rộng cơ hội sinh kế, tăng khả năng hưởng lợi của nhóm yếu thế và nâng cao tính công bằng trong phân phối lợi ích từ du lịch tại địa phương.

Cơ quan quản lý cần khuyến khích và hỗ trợ hình thành mô hình liên kết kinh tế cộng đồng như tổ nhóm nghề, tổ hợp tác hoặc hợp tác xã du lịch cộng đồng nhằm tăng cường tính hợp tác và hiệu quả trong cung ứng dịch vụ du lịch. Thông qua mô hình liên kết, các hộ dân có thể phối hợp phân chia nguồn khách, chia sẻ cơ hội việc làm, tổ chức cung ứng dịch vụ theo chuỗi (lưu trú - ăn uống - trải nghiệm văn hóa - bán sản phẩm địa phương), đồng thời thống nhất tiêu chuẩn chất lượng và giá dịch vụ để đảm bảo tính minh bạch. Đây là cơ sở quan trọng giúp hạn chế cạnh tranh thiếu lành mạnh, giảm tình trạng chèn ép giá, nâng cao hình ảnh điểm đến và góp phần phân bổ lợi ích công bằng hơn giữa các nhóm hộ trong cộng đồng.

Cơ quan quản lý cần thành lập và hướng dẫn vận hành Quỹ phát triển du lịch cộng đồng nhằm tạo nguồn lực tài chính ổn định cho các hoạt động phát triển du lịch bền vững tại địa phương. Quỹ cần được tổ chức theo nguyên tắc công khai,

minh bạch và có cơ chế giám sát cộng đồng, đảm bảo nguồn thu chi được thống kê, báo cáo định kỳ và sử dụng đúng mục đích. Nguồn quỹ có thể trích một tỷ lệ phù hợp từ doanh thu hoạt động du lịch (lưu trú, dịch vụ trải nghiệm, bán sản phẩm) hoặc đóng góp tự nguyện hoặc trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, đơn vị lữ hành; Hỗ trợ từ các chương trình, dự án phát triển cộng đồng và bảo tồn văn hóa. Quỹ được sử dụng để tái đầu tư vào các nội dung ưu tiên như đào tạo nâng cao năng lực cho cư dân, cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch và đời sống, hỗ trợ phát triển sản phẩm địa phương, cũng như bảo tồn kiến trúc – văn hóa truyền thống. Việc thiết lập quỹ không chỉ góp phần tăng tính chủ động trong phát triển du lịch cộng đồng mà còn tạo nền tảng để phân bổ lợi ích công bằng hơn và nâng cao tính bền vững của điểm đến

4.2.2.3. Giải pháp bảo tồn văn hóa và phát triển sản phẩm du lịch đặc thù

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Lô Lô cần được xác định là trụ cột cốt lõi để duy trì sức hấp dẫn của điểm đến. Tác giả đề xuất:

Cơ quan quản lý cần xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch cộng đồng, nhằm đảm bảo du lịch trở thành động lực bảo tồn thay vì làm biến đổi bản sắc văn hóa. Cần xác định rõ danh mục các giá trị văn hóa cốt lõi cần ưu tiên bảo vệ như: lễ hội, nghi lễ truyền thống và các quy ước cộng đồng, các nghề thủ công truyền thống như nghề thêu dệt thổ cẩm, chơi nhạc cụ, hình thức biểu diễn dân gian và không gian sinh hoạt cộng đồng. Kế hoạch cần gắn với cơ chế hỗ trợ cụ thể (kinh phí, đào tạo, truyền dạy, tư liệu) và quy định về khai thác văn hóa trong hoạt động du lịch nhằm đảm bảo tính nguyên bản, tránh sự biến chất, thương mại hóa quá mức và duy trì sự tham gia chủ động của cộng đồng địa phương.

Cơ quan quản lý cần hỗ trợ tổ chức các sự kiện văn hóa định kỳ (lễ hội truyền thống, ngày hội văn hóa, hoạt động trình diễn nghệ thuật dân gian, giới thiệu nghề thủ công...) nhằm duy trì tính liên tục của đời sống văn hóa và gia tăng sức hấp dẫn cho điểm đến. Đồng thời, cần đầu tư và hoàn thiện không gian giới thiệu văn hóa cộng đồng như nhà văn hóa thôn, thư viện văn hóa bản hoặc khu trưng bày

nghe truyền thống, đóng vai trò vừa là nơi sinh hoạt của cư dân vừa là điểm trải nghiệm cho khách du lịch. Để hạn chế nguy cơ thương mại hóa và làm “biến dạng” văn hóa, các hoạt động trình diễn, trải nghiệm cần được xây dựng theo nguyên tắc tôn trọng giá trị bản địa, có sự tham gia và kiểm soát của cộng đồng, tránh dàn dựng quá mức hoặc đơn giản hóa nghi lễ vì mục tiêu phục vụ khách. Cách tiếp cận này góp phần bảo đảm sự cân bằng giữa khai thác du lịch và bảo tồn văn hóa, nâng cao trải nghiệm khách du lịch đồng thời duy trì tính chân thực của bản sắc địa phương.

Cơ quan quản lý cần định hướng và hỗ trợ phát triển hệ thống sản phẩm du lịch đặc trưng dựa trên nguồn lực bản địa, nhằm tăng tính khác biệt và nâng cao sức cạnh tranh của điểm đến. Các sản phẩm nên được thiết kế theo hướng trải nghiệm, gắn với đời sống và tri thức truyền thống của cộng đồng Lô Lô như: trải nghiệm sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp vùng cao (trồng ngô, lúa, rau, chăn vịt, gà...), ẩm thực truyền thống, trình diễn văn nghệ dân gian, tham gia các hoạt động nghề thủ công, cũng như mua sắm sản phẩm lưu niệm mang bản sắc dân tộc Lô Lô đen. Việc phát triển sản phẩm cần đảm bảo nguyên tắc bảo tồn giá trị văn hóa, tránh sao chép hoặc thương mại hóa quá mức làm suy giảm tính chân thực của trải nghiệm. Bên cạnh đó, cần xây dựng cơ chế chứng nhận/nhãn hiệu sản phẩm địa phương (ví dụ: nhãn “Sản phẩm Lô Lô Chải”) kèm theo tiêu chí chất lượng và xuất xứ rõ ràng, nhằm kiểm soát chất lượng, hạn chế hàng giả, đồng thời nâng cao giá trị thương hiệu và tạo lợi thế thị trường cho các sản phẩm gắn với cộng đồng. Đây là cơ sở quan trọng để tăng thu nhập cho người dân theo hướng bền vững và đảm bảo phân bổ lợi ích rộng hơn trong cộng đồng.

4.2.2.4. Giải pháp nâng cao năng lực cộng đồng và chuẩn hóa chất lượng dịch vụ

Chất lượng dịch vụ là yếu tố quan trọng quyết định khả năng quay lại của khách du lịch và duy trì thương hiệu điểm đến. Tác giả đề xuất:

Phối hợp với các cơ sở đào tạo, đơn vị chuyên môn và doanh nghiệp du lịch tổ chức các chương trình tập huấn định kỳ nhằm nâng cao năng lực tham gia du lịch của cư dân địa phương. Nội dung đào tạo cần tập trung vào các kỹ năng thiết yếu

như: quản trị và vận hành homestay (quy trình phục vụ, quản lý đặt buồng lưu trú, tiêu chuẩn vệ sinh buồng nghỉ), vệ sinh an toàn thực phẩm, kỹ năng đón tiếp và chăm sóc khách, kỹ năng giao tiếp cơ bản (đặc biệt với khách quốc tế), cũng như ứng xử văn minh trong hoạt động du lịch cộng đồng. Việc tổ chức tập huấn cần được thực hiện theo hướng thực hành, dễ áp dụng, phù hợp với điều kiện của thôn, đồng thời gắn với cơ chế hỗ trợ hoặc cấp chứng nhận để khuyến khích hộ dân tham gia. Giải pháp này góp phần chuẩn hóa chất lượng dịch vụ, nâng cao sự hài lòng của khách du lịch và tạo nền tảng cho phát triển du lịch cộng đồng bền vững.

Xây dựng các chương trình hỗ trợ phụ nữ và thanh niên tham gia khởi nghiệp trong lĩnh vực du lịch cộng đồng nhằm mở rộng cơ hội sinh kế và tăng tính bao trùm của phát triển du lịch. Nội dung hỗ trợ nên tập trung vào: đào tạo nghề và kỹ năng phù hợp như kinh doanh dịch vụ lưu trú, chuẩn hóa chế biến ẩm thực truyền thống, hướng dẫn viên trải nghiệm, sản xuất thủ công mỹ nghệ; hướng dẫn kiến thức quản trị kinh doanh cơ bản (lập kế hoạch tài chính, quản lý chi phí doanh thu, kỹ năng bán hàng); và hỗ trợ kết nối thị trường thông qua liên kết với doanh nghiệp lữ hành, nền tảng đặt buồng trực tuyến, hoạt động xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm trên các kênh số. Giải pháp này không chỉ góp phần nâng cao thu nhập, mà còn thúc đẩy trao quyền kinh tế xã hội cho phụ nữ và thanh niên, từ đó củng cố vai trò chủ thể của cộng đồng trong quá trình phát triển du lịch bền vững tại địa phương.

Xây dựng và ban hành bộ tiêu chí chất lượng dịch vụ tối thiểu áp dụng cho các cơ sở và hộ tham gia hoạt động du lịch cộng đồng, nhằm chuẩn hóa chất lượng dịch vụ, bảo đảm trải nghiệm đồng đều cho khách du lịch và nâng cao uy tín điểm đến. Bộ tiêu chí nên bao gồm các nhóm yêu cầu cơ bản như: tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn tại homestay (buồng lưu trú, nhà vệ sinh, xử lý rác thải, nước sạch); Tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm và quy trình phục vụ khách; Quy định về giá dịch vụ công khai, minh bạch; Kỹ năng giao tiếp và ứng xử văn minh du lịch; và tiêu chí

bảo tồn bản sắc, trong đó khuyến khích giữ gìn kiến trúc truyền thống, không gian văn hóa và các yếu tố đặc trưng của cộng đồng Lô Lô.

4.2.2.5. Giải pháp bảo vệ môi trường và quản lý rác thải

Trong khi phân lớn tác động môi trường được cư dân đánh giá theo hướng tích cực, vấn đề rác thải lại là thách thức nổi bật và cần ưu tiên giải quyết. Tác giả có đề xuất với cơ quan quản lý như sau:

Xây dựng hệ thống thu gom - vận chuyển - xử lý rác thải ổn định và liên tục, đáp ứng quy mô khách du lịch ngày càng tăng nhằm hạn chế tình trạng rác thải phát sinh gây suy giảm chất lượng môi trường và hình ảnh điểm đến. Theo đó, cần bố trí thùng rác phân loại tại các khu vực tập trung khách và các điểm check-in chính, đồng thời quy hoạch điểm tập kết rác hợp lý để đảm bảo vệ sinh và thuận tiện trong vận chuyển. Bên cạnh việc đầu tư trang thiết bị, chính quyền cần thiết lập lịch thu gom định kỳ, phân công rõ đơn vị chịu trách nhiệm (tổ vệ sinh môi trường), quy định rõ quy trình vận chuyển và liên kết với hệ thống xử lý rác cấp tỉnh. Việc vận hành đồng bộ chuỗi thu gom, xử lý không chỉ giải quyết vấn đề môi trường trước mắt mà còn tạo nền tảng cho định hướng phát triển du lịch xanh, bền vững tại Lô Lô Chải.

Ban hành quy chế du lịch xanh nhằm định hướng hoạt động du lịch theo hướng thân thiện môi trường và giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái địa phương. Trong đó, cần đặc biệt tập trung vào việc hạn chế nhựa dùng một lần trong hoạt động kinh doanh homestay và dịch vụ ăn uống thông qua các quy định và khuyến nghị cụ thể như: không sử dụng chai nhựa, ống hút nhựa, túi nilon; khuyến khích thay thế bằng các vật dụng tái sử dụng hoặc vật liệu phân hủy sinh học; sử dụng bình nước lớn, điểm refill thay cho nước đóng chai; và yêu cầu các cơ sở dịch vụ thực hiện phân loại rác tại nguồn.

Các quy chế cần đi kèm cơ chế triển khai như: hướng dẫn cho các hộ kinh doanh, xây dựng tiêu chí “homestay xanh”, khen thưởng các mô hình thực hiện tốt và lồng ghép kiểm tra định kỳ trong công tác quản lý điểm đến. Việc ban hành

và thực thi quy chế du lịch xanh không chỉ góp phần giảm áp lực rác thải, mà còn nâng cao hình ảnh Lô Lô Chải như một điểm đến du lịch cộng đồng bền vững.

Tăng cường truyền thông và giáo dục môi trường đối với khách du lịch nhằm nâng cao ý thức bảo vệ cảnh quan, hạn chế hành vi gây ô nhiễm trong quá trình tham quan. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn tập trung cho toàn bộ các hộ kinh doanh về công tác bảo vệ môi trường và phát triển du lịch bền vững. Nội dung truyền thông có thể triển khai thông qua hệ thống biển báo, pano, tờ rơi, mã QR hướng dẫn, đồng thời lồng ghép quy tắc ứng xử về môi trường trong các kênh truyền thông số và tại các cơ sở lưu trú.

Bên cạnh đó, cần ban hành quy định xử phạt đối với hành vi xả rác bừa bãi, kết hợp cơ chế nhắc nhở, kiểm tra định kỳ và xử lý vi phạm trong mùa cao điểm. Đặc biệt, cần phát huy vai trò của cộng đồng thông qua mô hình giám sát cộng đồng (tổ tự quản môi trường), nhằm kịp thời phát hiện, phản ánh và phối hợp xử lý các hành vi gây ảnh hưởng đến môi trường và hình ảnh điểm đến. Giải pháp này vừa góp phần giảm tải áp lực rác thải, vừa nâng cao tính văn minh du lịch và bảo vệ thương hiệu du lịch cộng đồng của Lô Lô Chải.

4.2.2.6. Giải pháp quản lý, giám sát và huy động nguồn lực

Để đảm bảo hoạt động du lịch tại Lô Lô Chải phát triển ổn định, minh bạch và phù hợp với định hướng bền vững, cơ quan quản lý nhà nước cần tăng cường vai trò điều phối và quản trị điểm đến thông qua một số giải pháp sau:

Thành lập Tổ quản lý du lịch cấp thôn/xã với sự tham gia của đại diện chính quyền địa phương, cộng đồng cư dân và các hộ kinh doanh dịch vụ. Tổ quản lý có chức năng điều phối hoạt động du lịch, xây dựng quy ước cộng đồng, tiếp nhận phản ánh từ người dân và khách du lịch, đồng thời thực hiện giám sát chất lượng dịch vụ (lưu trú, ăn uống, trải nghiệm), quản lý giá cả và đảm bảo trật tự trong hoạt động du lịch cộng đồng.

Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành giữa các bên liên quan (cơ quan quản lý nhà nước, cư dân, trạm y tế, công an...) nhằm nâng cao hiệu quả quản lý. Cơ chế phối hợp này đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh trật tự, an

toàn cho khách du lịch, vệ sinh an toàn thực phẩm, cũng như kịp thời xử lý các sự cố hoặc rủi ro phát sinh, đặc biệt trong mùa cao điểm.

Huy động và lồng ghép nguồn lực từ các chương trình phát triển nông thôn, dự án bảo tồn văn hóa, các tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp nhằm hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng theo hướng bền vững. Việc phân bổ nguồn lực cần được ưu tiên cho các hạng mục trọng tâm như nâng cấp hạ tầng thiết yếu, bảo tồn văn hóa truyền thống và cải thiện môi trường, đảm bảo sử dụng ngân sách đúng mục tiêu và tăng tính lan tỏa đối với cộng đồng địa phương.

4.2.3. Định hướng giải pháp đối với các bên liên quan khác

Bên cạnh vai trò của cư dân địa phương và cơ quan quản lý nhà nước, sự tham gia của các bên liên quan như doanh nghiệp lữ hành, tổ chức phi chính phủ và khu vực tư nhân có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng tại Lô Lô Chải theo hướng bền vững. Các doanh nghiệp lữ hành cần tăng cường liên kết với cộng đồng địa phương trong xây dựng và khai thác sản phẩm du lịch, ưu tiên sử dụng dịch vụ lưu trú, ăn uống và hướng dẫn viên tại chỗ nhằm gia tăng lợi ích kinh tế cho người dân. Đồng thời, các tour tuyến cần được thiết kế phù hợp với sức tải của điểm đến, tránh khai thác đại trà làm gia tăng áp lực lên môi trường và không gian văn hóa bản địa. Đối với các tổ chức phi chính phủ và tổ chức phát triển, cần tập trung hỗ trợ cộng đồng thông qua các chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý du lịch, bảo tồn văn hóa, bảo vệ môi trường và bình đẳng giới. Việc hỗ trợ kỹ thuật, tài chính quy mô nhỏ và kết nối thị trường sẽ góp phần tăng tính tự chủ của cộng đồng, hạn chế phụ thuộc vào các nguồn lực bên ngoài.

Ngoài ra, cần khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp xã hội và khu vực tư nhân trong đầu tư hạ tầng du lịch thân thiện môi trường, phát triển sản phẩm địa phương và quảng bá điểm đến một cách có trách nhiệm. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan sẽ tạo nên mạng lưới hợp tác đa chiều, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, bảo tồn bản sắc văn hóa và đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng Lô Lô Chải.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 4

Chương 4 đã bàn luận một cách hệ thống các kết quả nghiên cứu về tác động của du lịch đối với đời sống kinh tế – xã hội – môi trường của cư dân bản Lô Lô Chải. Kết quả cho thấy du lịch mang lại những lợi ích nổi bật về kinh tế như tăng thu nhập, tạo thêm việc làm và góp phần giảm nghèo cho nhiều hộ gia đình; tuy nhiên, vẫn tồn tại sự phân hóa mức độ hưởng lợi giữa các nhóm hộ, đặc biệt giữa hộ tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch và hộ ít hoặc không tham gia. Đồng thời, việc cư dân tiếp tục duy trì các hoạt động nông nghiệp, chăn nuôi phản ánh xu hướng đa dạng hóa sinh kế, cũng như vai trò quan trọng của sinh kế truyền thống trong bối cảnh du lịch mang tính mùa vụ và tiềm ẩn rủi ro.

Về phương diện xã hội và môi trường, du lịch góp phần cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội, thúc đẩy sự gắn kết cộng đồng và nâng cao ý thức bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống. Nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường nhìn chung khá tích cực; tuy nhiên, tình trạng gia tăng rác thải và áp lực lên hạ tầng môi trường là vấn đề cần được quan tâm và quản lý chặt chẽ hơn. Trên cơ sở đó, chương đã đề xuất các nhóm giải pháp dành cho cộng đồng cư dân và cơ quan quản lý nhà nước nhằm phát huy tối đa tác động tích cực, hạn chế rủi ro phát sinh và định hướng phát triển du lịch cộng đồng theo hướng bền vững, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và bảo tồn tài nguyên, văn hóa địa phương.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trên cơ sở khảo sát các hộ dân và kết hợp phương pháp nghiên cứu định lượng với định tính, luận văn đã phân tích một cách toàn diện những tác động của du lịch đến đời sống kinh tế - xã hội của cư dân bản Lô Lô Chải. Kết quả cho thấy du lịch đã và đang trở thành động lực phát triển quan trọng của địa phương, góp phần gia tăng thu nhập, mở rộng cơ hội việc làm, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu sinh kế và từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Về kinh tế, hoạt động du lịch giúp đa dạng hóa nguồn thu, giảm sự phụ thuộc vào nông nghiệp truyền thống và tạo các ngành nghề dịch vụ mới như lưu trú, ẩm thực, bán hàng lưu niệm và dịch vụ hỗ trợ. Thu nhập tăng lên đã tạo điều kiện cho các hộ gia đình đầu tư cải thiện nhà ở, chăm lo giáo dục con em và tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ y tế, giáo dục, xã hội. Hiệu ứng lan tỏa của du lịch cũng góp phần thúc đẩy các hoạt động sản xuất, trao đổi hàng hóa trong cộng đồng.

Về xã hội, du lịch góp phần củng cố sự gắn kết cộng đồng, nâng cao ý thức bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc và phục dựng nhiều giá trị truyền thống đặc sắc. Việc đón tiếp và giao lưu với khách du lịch giúp người dân mở rộng tầm nhìn, tăng cường kỹ năng giao tiếp và khả năng thích ứng với bối cảnh phát triển mới. Đặc biệt, vai trò và vị thế của phụ nữ được nâng cao rõ rệt khi họ tham gia tích cực vào hoạt động kinh doanh, quản lý homestay và tổ chức dịch vụ.

Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, nghiên cứu cũng chỉ ra các thách thức như sự phân hóa lợi ích giữa các nhóm hộ, áp lực môi trường và rác thải gia tăng, cũng như nguy cơ biến đổi không gian kiến trúc, văn hóa truyền thống nếu thiếu định hướng quản lý phù hợp. Những vấn đề này đặt ra yêu cầu phải có quy hoạch dài hạn và cơ chế phân chia lợi ích công bằng hơn trong cộng đồng.

Từ những phân tích trên, luận văn khẳng định rằng phát triển du lịch tại Lô Lô Chải chỉ có thể bền vững khi đảm bảo sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo tồn văn hóa và bảo vệ môi trường, gắn phát triển du lịch với duy trì sinh kế truyền thống, đồng thời tăng cường sự tham gia chủ động của cộng đồng và vai trò điều phối hiệu quả của chính quyền địa phương.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. MỘT SỐ HÌNH ẢNH KHẢO SÁT



Hình 1.1. Khu homestay Danh house mô phỏng hình dáng của trống đồng

Nguồn ảnh: Tác giả luận văn



Hình 1.2. Homestay theo phong cách nhà trình tường của người Lô Lô

Nguồn ảnh: Tác giả luận văn



Hình 1.3. Hộ kinh doanh dịch vụ bổ sung

Nguồn ảnh: Tác giả luận văn



Hình 1.4. Bảng giá dịch vụ của một cửa hàng dịch vụ

Nguồn ảnh: Tác giả luận văn

PHỤ LỤC 2. DANH SÁCH ĐÁP VIÊN THAM GIA PHÒNG VẤN SÂU

STT	Mã hóa	Họ và tên	Ghi chú
1	HQL1	Trần Đức Chung	Chủ tịch UBND xã Lũng Cú
2	HQL2	Sinh Di Gai	Trưởng bản
3	HQL3	Hoàng Mỹ Khánh	Chuyên viên phòng Văn hóa - Thông tin UBND xã Lũng Cú, chủ Dành house Homestay
4	HKD1	Vàng Thị Xuân	Nhân viên của Dành house homestay
5	HKD2	Vàng Di Văn	Nhân viên của Dành house homestay
6	HKD3	Vàng Thị Chanh	Chủ cơ sở kinh doanh cắt tóc gội đầu
7	HKD4	Vàng Thị Quỳnh Nga	Chủ cửa hàng tạp hóa
8	HKD5	Mai Văn Hiến	Chủ homestay Hiến Xuyên
9	HNN1	Vàng Di Tình	Hộ chăn nuôi
10	HKD6	Sinh Di Tỏ	Long Cư homestay
11	HKD7	Sinh Thị Xuyên	Thành viên đội văn nghệ dân gian
12	HKD8	Vàng Di Sú	Homi homestay
13	HKD9	Sinh Di Chiến	Chủ tiệm tạp hóa
14	HKD10	Dìu Thị Uế	Chủ nhà hàng ăn uống
15	HNN2	Vàng Văn Nam	Hộ trồng trọt
16	HNN3	Vương Đức Thắng	Hộ trồng trọt
17	HKD11	Vàng Di Phó	Cực Bắc homestay
18	HKD12	Vàng Di Thuế	Homestay Ancient House 2
19	HKD13	Vàng Di Ránh	Chíu Pa homestay

Nguồn: Tổng hợp của tác giả luận văn

PHỤ LỤC 3. BẢNG KHẢO SÁT

PHẦN A - Thông tin chung

Nghề nghiệp chính:

- Nông nghiệp
- Tham gia hoạt động du lịch
- Công chức, viên chức
- Học sinh, sinh viên
- Khác (ghi rõ): _____
- < 3 triệu
- 3–6 triệu
- 6–10 triệu
- 10–15 triệu
- > 15 triệu

PHẦN B - Nhận thức của cư dân về tác động của du lịch

Quý Anh/Chị vui lòng đánh dấu vào mức độ đồng ý theo thang điểm sau:

1 - Hoàn toàn không đồng ý | 2 - Không đồng ý | 3 - Phân vân | 4 - Đồng ý | 5 - Hoàn toàn đồng ý

STT	Nội dung câu hỏi	Thang đo
B1. TÁC ĐỘNG KINH TẾ		
KT1	Du lịch giúp tăng thu nhập cho gia đình tôi	1 2 3 4 5
KT2	Du lịch làm TĂNG cơ hội việc làm cho cư dân địa phương.	1 2 3 4 5
KT3	Du lịch thúc đẩy phát triển kinh doanh nhỏ và dịch vụ.	1 2 3 4 5
KT4	Du lịch làm TĂNG thu nhập của cư dân địa phương.	1 2 3 4 5
KT5	Du lịch khiến cộng đồng phụ thuộc nhiều vào mùa vụ khách du lịch.	1 2 3 4 5

STT	Nội dung câu hỏi	Thang đo
KT6	Du lịch CẢI THIẾN mức sống của cư dân.	1 2 3 4 5
KT7	Du lịch tạo nên bất bình đẳng thu nhập giữa các nhóm cư dân.	1 2 3 4 5
KT8	Du lịch làm TĂNG chi phí sinh hoạt (giá hàng hóa/dịch vụ) tại địa phương.	1 2 3 4 5
KT9	Du lịch CẢI THIẾN khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội (giáo dục, y tế, điện, nước, an ninh).	1 2 3 4 5
B2. TÁC ĐỘNG XÃ HỘI		
XH1	Du lịch giúp bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc	1 2 3 4 5
XH2	Du lịch tạo điều kiện giao lưu văn hóa với nơi khác	1 2 3 4 5
XH3	Du lịch khiến phong tục truyền thống bị mai một dần	1 2 3 4 5
XH4	Việc biểu diễn văn hóa phục vụ khách du lịch làm mất đi bản chất thực của nó	1 2 3 4 5
XH5	Tôi cảm thấy đời sống riêng tư của mình bị xâm phạm do khách du lịch	1 2 3 4 5
XH6	Du lịch gây ồn ào, xáo trộn cuộc sống sinh hoạt hàng ngày	1 2 3 4 5
XH7	Du lịch góp phần nâng cao chất lượng y tế, giáo dục tại địa phương	1 2 3 4 5
XH8	Du lịch làm tăng tinh thần đoàn kết và hợp tác trong bản.	1 2 3 4 5
B3. TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG		
MT1	Du lịch giúp người dân nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.	1 2 3 4 5
MT2	Du lịch khuyến khích bảo tồn rừng, suối và cảnh quan tự nhiên	1 2 3 4 5
MT3	Du lịch góp phần cải thiện vệ sinh môi trường trong bản.	1 2 3 4 5
MT4	Du lịch làm tăng lượng rác thải và ô nhiễm.	1 2 3 4 5
MT5	Du lịch gây thay đổi cảnh quan do xây dựng cơ sở hạ tầng.	1 2 3 4 5
MT6	Du lịch gây gia tăng tình trạng ô nhiễm tiếng ồn và khói bụi	1 2 3 4 5
MT7	Du lịch thúc đẩy người dân tham gia dọn dẹp, trồng cây xanh.	1 2 3 4 5

Nguồn: Tổng hợp của tác giả luận văn

PHỤ LỤC 4. BẢNG PHỎNG VẤN SÂU

Câu hỏi về tác động kinh tế của du lịch	
1	Du lịch có thúc đẩy phát triển kinh doanh nhỏ và dịch vụ tại địa phương không? Quý Anh/Chị có thể nêu ví dụ cụ thể?
2	Du lịch đã làm tăng cơ hội việc làm cho cư dân địa phương như thế nào? Những nhóm nào hưởng lợi rõ nhất?
3	Theo Quý Anh/Chị, du lịch có làm tăng mức lương/tiền công lao động của người dân không? Vì sao?
4	Du lịch đã tác động như thế nào đến thu nhập của gia đình Quý Anh/Chị (tăng/không đổi/giảm)?
5	Du lịch có cải thiện mức sống của cư dân không? (nhà ở, điều kiện sinh hoạt, tiêu dùng, học hành...)
6	Du lịch có làm tăng chênh lệch thu nhập giữa các hộ trong thôn không? Nhóm nào được hưởng lợi nhiều hơn?
7	Theo Quý Anh/Chị, du lịch có làm tăng chi phí sinh hoạt không? Những khoản nào tăng nhiều nhất?
8	Từ khi du lịch phát triển, việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục, y tế, nước, điện, an ninh...) có thay đổi gì?
9	Du lịch có thúc đẩy các nghề thủ công tại địa phương không? Nghề nào phát triển rõ?
Câu hỏi về tác động xã hội	
10	Du lịch có làm tăng niềm tự hào của cư dân về văn hóa địa phương không? Quý Anh/Chị tự hào nhất về điều gì?
11	Du lịch có góp phần bảo tồn/duy trì phong tục, văn hóa địa phương không? Có hoạt động nào cụ thể?
12	Du lịch có làm tăng tinh thần đoàn kết trong bản không? Hay phát sinh cạnh tranh, mâu thuẫn giữa các hộ?
13	Quý Anh/Chị có cảm thấy đời sống riêng tư bị xâm phạm bởi khách du lịch

	không? (chụp ảnh, quay phim, tự ý vào nhà...)
14	Theo Quý Anh/Chị, du lịch có làm suy giảm văn hóa truyền thống không? Suy giảm ở khía cạnh nào?
15	Du lịch có làm gia tăng các vấn đề về đạo đức/tệ nạn xã hội (tội phạm, ma túy, mại dâm...) không? Mức độ như thế nào?
Câu hỏi về tác động môi trường của du lịch	
16	Du lịch có làm tăng nhận thức của cư dân về bảo vệ môi trường tự nhiên không? Quý Anh/Chị thấy người dân thay đổi gì?
17	Du lịch có tạo động lực cho việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên/cảnh quan không? Có minh chứng cụ thể?
18	Theo Quý Anh/Chị, du lịch có làm tăng tình trạng phá hủy thực vật/phá rừng không? Nguyên nhân do đâu?
19	Du lịch có làm tăng ô nhiễm nước không? Nguồn ô nhiễm chủ yếu đến từ đâu?
20	Du lịch có làm tăng lượng rác thải không? Hiện nay xử lý rác ra sao? Khó khăn lớn nhất là gì?

Nguồn: Tổng hợp của tác giả luận văn

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu trong nước

1. Lê Thị Tô Quyên. (2023). *Nhân tố tác động đến năng lực sinh kế du lịch của hộ dân tộc thiểu số tỉnh An Giang*. Hue University Journal of Science – Social Sciences and Humanities.
2. Nguyễn Thị Hồng Tâm. (2017). *Biến đổi văn hóa truyền thống của người Thái ở huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình trong phát triển du lịch*.
3. Nguyễn Thế Kiên. (2023). *Ảnh hưởng của hoạt động du lịch cộng đồng địa phương tới phát triển du lịch bền vững*, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đồng Nai*, 02, 139-151.
4. Nguyễn Trọng Nhân. (2017). *Những tác động của du lịch đối với kinh tế, xã hội và môi trường huyện Phú Quốc qua cảm nhận của người dân địa phương*, *Tạp chí khoa học Đại học sư phạm Hồ Chí Minh*, 14(8), 148-156
5. Nguyễn Trọng Quân. (2019). *Tác động của du lịch đến đời sống người dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế*, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Đại học Huế*, 01(53), 149-158
6. Pham, L. H. (2014). *The perceived impacts of tourism: The case of Ha Long Bay, Vietnam*, *International Journal of Tourism Sciences*, 14(2), 145 - 169
7. Trần Bá Uẩn. (2020). *Ảnh hưởng của phát triển du lịch đến sinh kế hộ nông dân*. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, 18(8), 659 - 667.
8. Trần Thị Hương. (2018). *Đánh giá tác động của hoạt động du lịch sinh thái tới môi trường tự nhiên và xã hội tại Bản Lác, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình*, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm Nghiệp*, 01, 113 - 122
9. Nguyễn Xuân Khánh. (2024). *Sustainable Tourism Development in Vietnam: Current Challenges, Government Initiatives and Pathways for Long-Term Sustainability*, *International Journal of Humanities Social Sciences and Education*, 11(11), 99-104
10. Tuyên Đại Quang, Noseworthy, W. B., & Paulson, D. (2022). *Rising tensions: Heritage tourism development and the commodification of “authentic” culture*

- among the Cham community of Vietnam. *Cogent Social Sciences*, 8(1), 2116161.
11. Nguyen, T. T. S., Phan, D. H. T., Doan, D. H. L., Chau, M. N. T., & Doan, T. T. (2025). Cultural revitalization for tourism development from an Indigenous perspective: The case of Ta Oi people, Vietnam. *Frontiers in Sustainable Tourism*, 4, 151093.
 12. Le, T. H. T., & Le, N. Q. (2022). *The economic benefits of community-based rural tourism on rural development: A case study of Tra Que Village, Vietnam*. *Journal of Science Dong A University*, 1(3), 76–91
 13. Ủy ban nhân dân xã Lũng Cú (2025). Báo cáo tự đánh giá cho giải thưởng Làng Du lịch tốt nhất thế giới.
 14. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2022). Quyết định số 69/QĐ-BVHTTDL ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc công bố danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.
 15. Trần Đức Thanh, Phạm Long Cường, & Hồ Hoàng Lan. (2018). *Nhập môn du lịch (Introduction to tourism)*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu quốc tế

16. Agarwal, S., Isha, T., Veerabhadrapa, T., Akaremsetty, S., & Shekhar, C. (2023). The impact of tourism on local communities: A literature review of socio-economic factors. *Journal of Harbin Engineering University*, 44(8), 1851 - 1859.
17. World Travel & Tourism Council. (2024). *Economic impact of travel and tourism 2024: Global trends and data*. <https://wttc.org/research/economic-impact>.
18. Li, M., Fan, Y., Guo, C., & Li, X. (2025). Tourism prosperity and high-quality economic development. *International Review of Economics & Finance*, 101, 104246.
19. Al Haija, A. A. (2011). Jordan: Tourism and conflict with local communities. *Habitat International*, 35(1), 93–100.

20. Alamineh, G. A., Hussein, J. W., Endaweke, Y., & Taddesse, B. (2023). The local communities' perceptions on the social impact of tourism and its implication for sustainable development in Amhara regional state. *Sustainability*, *15*, 1-17.
21. Alamineh, G. A., et al. (2023). The negative cultural impact of tourism and its implication for heritage sustainability. *Cogent Arts & Humanities* (2023), *10*, 2224597.
22. Andereck, K. L., Valentine, K. M., Knopf, R. C., & Vogt, C. A. (2005). Residents' perceptions of community tourism impacts. *Annals of Tourism Research*, *32*(4), 1056–1076.
23. Ap, J. (1992). Residents' perceptions on tourism impacts. *Annals of Tourism Research*, *19*(4), 665–690.
24. Bai, L., (2023). Exploring tourism commodification and cultural layers. *Sustainability*, *15*(13), 9880.
25. Barbić, T., et al. (2024). Impact of tourism activity on urban land and housing markets. *Economies*, *12*(12), 337.
26. Besculides, A., Lee, M., & McCormick, P. (2002). Residents' perceptions of the cultural benefits of tourism. *Annals of Tourism Research*, *29*(2), 303–319.
27. Bires, Z. (2020). Tourism as a pathway to livelihood diversification Evidence from biosphere reserves, Ethiopia, *Tourism Management*, *81*, 104159.
28. Brida, J. G., Disegna, M., & Osti, L. (2014). Residents' perceptions of tourism impacts and attitudes towards tourism policies. *Tourismos: An International Multidisciplinary Journal of Tourism*, *9*(1), 37-71.
29. Cordero, J. C. M., et al. (2008). Residents' perception of tourism A critical theoretical and methodological review, *Ciencia Ergo Sum*, *15*(1), 35–44.
30. Cunha, A. M., & Lobão, J. (2021). The effects of tourism on housing prices: Evidence from Portugal, *International Journal of Housing Markets and Analysis* *15*(4), 762–779.

31. Doxey, G. V. (1975). A causation theory of visitor-resident irritants: Methodology and research inferences. In *Proceedings of the Sixth Annual Conference of the Travel Research Association*, 195–198.
32. Ejikeme, J. N. U. (2025). Impact of tourism development on the quality of life of host communities in the Niger Delta region of Nigeria. *Humanities and Social Sciences Communications*, 12(1), Article 10.
33. Elkington, J. (1998). *Cannibals with forks: The triple bottom line of 21st century business*. Capstone.
34. Ferrer-Poutier, M. D. L. J. (2023). *Assessing the effects of tourism on real estate dynamics* (Undergraduate thesis). Universidad Europea.
35. Gayo, L., & Katonge, J. H. (2025). The impacts of community-based tourism on local livelihoods in communities adjacent to national parks in northern Tanzania. *Cogent Social Sciences*, 11(1), 2569757
36. Godovykh, M. (2025). Exploring the impacts of tourism on residents' well-being. *Sustainability*, 17(13), 5849.
37. González, V. M. (2020). *Furthering social exchange theory in resident impact perceptions* [Universitat de Girona].
38. Gursoy, D., & Rutherford, D. G. (2004). Host attitudes toward tourism: An improved structural model. *Annals of Tourism Research*, 31(3), 495–516.
39. Halim, M. A., Mawa, M. J., Deb, S. K., & Nafi, S. M. (2022). Local community perception about tourism impact and community support for future tourism development: A study on Sylhet, Bangladesh. *GeoJournal of Tourism and Geosites*, 44(4), 1260–1270
40. Hall, C. M., & Lew, A. A. (2009). *Understanding and managing tourism impacts*. London, UK, Routledge.
41. Homans, G. C. (1958). Social behavior as exchange. *American Journal of Sociology*, 63(6), 597–606.
42. Jaafar, M., Ismail, S., & Rasoolimanesh, S. M. (2015). Perceived Social Effects of Tourism Development: A Case Study of Kinabalu National Park. *Theoretical and Empirical Researches in Urban Management*, 10(2), 5–20.

43. Kattiyapornpong, U., Chuntamara, C., & Ditta-Apichai, M. (2021). Social exchange theory in sustainable tourism. *International Journal of Innovation, Sustainability and Development*, 15(4), 311–327.
44. Kosmaczewska, J., Thomas, R., & Dias, F. (2016). Residents' perceptions of tourism and policy implications. *Community Development Journal*, 51(3), 333–351.
45. Lei, W. S. C. (2023). Tourism development induced social change, *Annals of Tourism Research Empirical Insights*, 4(1), 100088.
46. Liang, Z. X., & Hui, T. K. (2016). Residents' quality of life and attitudes toward tourism. *Tourism Management*, 53, 209–220.
47. Liu, J. C. (1987). Resident perception of the environmental impacts of tourism. *Journal of Travel Research*, 26(1), 17–21.
48. Long, P. H., & Kayat, K. (2011). Residents' perceptions of tourism impact: Cuc Phuong National Park. *European Journal of Tourism Research*, 4(2), 123–146.
49. Marbun, S. (2025). The commodification of culture in global tourism: Balancing authenticity, sustainability, and ethical practices amidst disruption. In *Proceeding of International Seminar of Culture and Tourism* (Vol. 1, No. 1). Asosiasi Kajian Budaya Indonesia.
50. Murphy, P. E. (1985). *Tourism: A community approach*. Routledge.
51. Nopiyani, N. M. S. (2021). Tourism impact on quality of life: A systematic review, *Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences*, 9(F), 129–136
52. Nurhadi, I., et al. (2022). Commodification of culture in tourism development. *Sodality: Jurnal Sosiologi Pedesaan*, 10(2), 117–128.
53. Otushao Sumanyi, O. N. (2016). Residents' perceptions toward tourism benefits and costs, University of Cape Coast.
54. Peña-Casillas, C. S. (2024). Impact of tourism on quality of life. *Sustainability*.
55. Simpson, M. C. (2001). *Strategic planning for sustainable tourism development*. Institute for Tourism and Development, University of Brighton.
56. Timothy, D. J., & Said, S. K. (2023). Perceptions of residents on beach tourism. *Heliyon*, 9(11), e21816.

57. UNWTO. (2004). *Tourism and poverty alleviation: A review of the literature*. Madrid, Spain: World Tourism Organization.
58. Unhasuta, S., Sasaki, N., & Kim, S. M. (2021). Tourism impacts on coastal communities. *Sustainability, 13*(23), 13215.
59. Wang, B., He, S., Min, Q., Cui, F., & Wang, G. (2021). Influence of residents' perception of tourism's impact on supporting tourism development in a GIAHS site: The mediating role of perceived justice and community identity. *Land, 10*(10), 998.
60. United Nations World Tourism Organization (UNWTO). (2021). *Tourism and rural development: A policy perspective*.
61. Residents' support for tourism development: The role of residents' place image and perceived tourism impacts. *Tourism Management, 45*, 260–274
62. Mikulić, J., Vizek, M., Stojčić, N., Payne, J. E., Čeh Časni, A., & Barbić, T. (2021). The effect of tourism activity on housing affordability. *Annals of Tourism Research, 90*, 103264.
63. Pásková, M., Štekerová, K., Zanker, M., & Lasisi, T. T. (2024). Water pollution generated by tourism: Review of system dynamics models. *Heliyon, 10*(1), e23824.
64. Baloch, Q. B., Shah, S. N., Iqbal, N., Sheeraz, M., Asadullah, M., Mahar, S., & Khan, A. U. (2022). Impact of tourism development upon environmental sustainability: A suggested framework for sustainable ecotourism. *Environmental Science and Pollution Research, 30*(3), 5917–5930.
65. Greg Richards. (2018). Cultural tourism: A review of recent research and trends. *Journal of Hospitality and Tourism Management, 36*, 12–21.
66. Gabriel Eshun, Prince Wusu-Osei Adjei, & Augustina Baah. (2015). Where is community quality well-being in ecotourism research in Africa? A case from Ghana. *African Journal of Hospitality, Tourism and Leisure, 4*(Special Edition), 1–16.

67. Styliadis, D., Biran, A., Sit, J., & Szivas, E. M. (2014). Residents' support for tourism development: The role of residents' place image and perceived tourism impacts. *Tourism Management, 45*, 260–274
68. Kunjuraman, V., Hussin, R., Rahman, N. A. A., & Ali, F. (2022). Community-based tourism and sustainability: A systematic review. *Sustainability, 14*(7), 1–20.
69. Wall, G. (1997). Is ecotourism sustainable? *Environmental Management, 21*(4), 483–491.
70. Suddhoo, R. (2019). *An examination of sustainable local community involvement within the tourism industry: A case study in Mauritius* (Bachelor's thesis, Ulster University)
71. Designated Areas for Sustainable Tourism Administration (DASTA). (2018). *Sustainable Tourism Management Standard (STMS)*
72. Sharpley, R. (2009). *Tourism development and the environment: Beyond sustainability?* London: Earthscan.
73. McMillan, D. W., & Chavis, D. M. (1986). Sense of community: A definition and theory. *Journal of Community Psychology, 14*(1), 6–23